

ƯNG - TRÍNH

VIỆT-NAM,
GOẠI-GIAO SỰ
CÂN-ĐẠI

VĂN-ĐĂN XUẤT BẢN



ƯNG - TRÌNH

VIỆT-NAM
NGOẠI-GIAO SỨ
CẨM ĐẠI

VĂN - ĐÀN
1970

Những sách đã tham-khảo

QUỐC-VĂN

- Viet-Nam sử lược
 Trung-quốc sử lược
 Bang-giao sử lược
 Tiên-nghuyên toát-yếu phô (bản dịch)
 Nhìn sang làng-giềng
 Hành-động xã-hội của Giáo-Hội
 Thể-lực đối ngoại của Tòa Thánh
 Hoàng-đế Bảo-Đại trên đường ngoại-giao
 Fông-te-nơ-bờ-lô (Hội-nghị Việt-Pháp)
 Từ Nội-các Trần-trọng-Kim đến Chíah-phủ B.Đ.
 Tín-điều Tự-do (bản dịch)
 Phan.sào-Nam (dật-sử)
 Cường-Đè
 Phan-dinh-Phùng
 Hàm-Nghi
 Nguyễn-thái-Hoc
 Việt-Nam tranh-dáu-sử

- Trần-trọng-Kim
 Phan-Khoang
 Phan-Khoang
 Tôn-thất-Hán
 Vũ-ngọc-Phan
 Phạm-dinh-Khiêm
 Bùi-Tuân
 Võ danh thi
 Trịnh-quốc-Quang
 Phạm-xuân-Hòa
 Nguyễn-Kim
 Anh-Minh
 Anh-Minh
 Đào-trinh-Nhất
 Phạm-trần-Chúc
 Nhượng-Tổng
 Phạm-văn-Sơn

PHÁP-VĂN

- L'Indochine française contemporaine
 L'Indochine moderne
 Monseigneur d'Adran
 Notions d'Histoire d'Annam
 Les Origines du Tonkin
 Histoire de la Cochinchine
 Diplomatie
 Les origines de la diplomatie

- A. Bouinais
 Eugène Teston
 E. Louvet
 B. Maybon, H. Russier
 J. Dupuis
 P. Cultru
 Harold Nicolson
 Ragnar Numelin

HÁN-VĂN

- Sử-ký (Tư-mã-Thiên)
 Âm-băng-Thất lự-do (Lương-khai-Siêu)
 Đại-Nam thật-lục tiền-biên
 Đại-Nam liệt-truyện chánh-biên
 Việt-Nam tạp kỷ (Lý-văn-Hùng Trung-Hoa)

- Đại-việt sử-ký (Ngô-sĩ-Liên)
 Dã-sử (Võ danh thi)
 Đại-Nam thật-lục chánh-biên
 Minh-Mạng chánh-yếu

TƯA

Lịch-sử nước ta, cũng như lịch-sử của các nước trên thế-giới, gồm có những giai-đoạn rõ-ràng không có hệ-thống niên-đại mà phân-chiết. Những giai-đoạn lịch-sử đó là kết-quả cho sự chi-phối tiềm-tàng và riêng-biệt tại mỗi nước, giữa hai yếu-tố lớn của lịch-sử là tự-do và đinh-mệnh. Vạch rõ phần tự-do và phần đinh-mệnh trong một giai-đoạn lịch-sử, là một công việc rất khó-khăn, nhưng lại là phần có lý-thú cao-siêu nhất của khoa sử-học.

Việc bang-giao giữa người Việt và người Pháp, là một giai-đoạn lịch-sử, và là một giai-đoạn lịch-sử rất quan-trọng, mà Cụ Ưng-Trình đã chép thành bộ « Việt-Nam Ngoại-giao sử ».

Về nội-dung, bộ Việt-Nam Ngoại-giao-sử gồm có những chương, mỗi chương gồm có ba phần : phần sử-thực, phần bình-luận của tác-giả và phần khảo-cứu chú-thích.

Cách trình bày như vậy, có vẻ mới mẻ, đối với hình-thức thông-thường của các sử-phảm hiện-tại. Phần sử-thực có nhiều tài-liệu đã sưu-tập rất công-phu ; phần khảo-cứu chú-thích lại cũng rất chu đáo. Về phần bình-luận, độc-giả sẽ có dịp xét-nghiệm, tùy theo quan-niệm của mỗi người.

Trong bài tự-tựa, tác-giả có ngỏ lời thiết-tha với hòa-bình thế-giới. Tấm lòng nhân-ái của tác-giả, thật đáng kính-phục. Ta chỉ nên nhớ rằng : ngoài một phương-pháp hòa-bình, dẫu là phương-pháp của Tuân-tử, sẽ còn cần sự hiền-hiện trên nǎm-châu, bao nhiêu thiện tâm thánh-ý, bao nhiêu hiểu biết và cố gắng của mỗi người, thì ánh sáng thái hòa mới dọi nỗi trên hoàn-vũ.

Vậy nên trong khúc hợp xướng linh-động và bao-la, để cầu-nguyễn cho hòa-bình, ta có thể nói rằng : « Việt-Nam ngoại giao sứ » của Cụ Ưng-Trình, đã góp vào một tiếng dội thâm-trầm, mà những ai mẫn-thé ưu-thời, sẽ đặc-biệt chú ý.

Huế, ngày 11 tháng 11 năm 1951

ƯNG-QUÀ
GIÁM-ĐỐC HỌC-CHÍNH TRUNG-VIỆT

TỰ TỰA

Muốn xây-dựng hay củng-cố hòa-bình, một phần lớn là nhiệm-vụ của nhà ngoại-giao. Vậy vấn-dề ngoại giao rât quan-hệ đến cuộc sinh-tồn của nhân-loại, nên lịch-sử ngoại giao của một nước là măt trang ghi chép rõ-ràng công-cuộc thành bại, khôn-khéo hay vụng-về, của nước ấy trên con đường tiếp-xúc với nước ngoài can-thiệp đến vận-mệnh của mình.

Tại Trung-quốc, đời Xuân-Thu, 300 năm trước Công-nguyên. Tuân-Tử có nói : « Ác tính là chán, thiện tâm là giả ». Làm điều ác là làm theo bản-tính, còn làm điều thiện là làm miễn-cưỡng, cố-gắng mà làm. Thành thử, hễ không có giáo-dục đe hạn-chẽ lòng tham-vọng của loài người, thì dân-tộc nào cũng ở theo tính ác tự-nhiên, cố hại người cho được lợi mình ; dùng trí, dùng mưu, dùng đến võ-lực nữa. Đã dùng võ-lực, tức thị chiến-tranh. Càng chiến-tranh, càng phát-triền tài năng, loài người nhờ vậy mà tiến-hóa với thời-gian ; song chiến-tranh không ngừng thì thiên-hạ loạn ».

Theo Tuân-Tử, chiến-tranh là do tính ích-kỷ của loài người ; còn muốn hòa-bình, Tuân-Tử cũng đã bày phương-pháp : « Ngày thiên-hạ loạn thì chỉ có thiên-hạ mới trị thiên-hạ được. Thiên-hạ, tức là những người đứng trung-gian, những người chính-khách ngoại-giao lấy quân, binh, trung, chính làm phương-châm, lấy nhân-loại làm trung-tâm điểm. »

Tuân-tử học theo Khòng-Tử, muốn cho thế giới A-i-dong, còn những người làm tôi một triều hay là làm tôi một nước, trung-thành với một chủ-nghĩa, phụng-sự theo một lý-tưởng, tâm-mắt chỉ thấy đến quyền lợi riêng, không nhìn nhận đến quyền-lợi chung, thì không ra làm chính-khách ngoại giao được nữa. Như câu trong sách Lễ ký : « Vì nhân thần già vô ngoại-giao, bắt cảm nhị quân dã ».

Mới nữa thế-kỷ nay, Âu-Á đã xảy ra hai kỳ đại-chiến, các nhà bình

sẽ đều chịu hy sinh theo nhiệm vụ, còn các nhà ngoại giao thì đã nhiều lần thất bại, để cho nhân loại thương tàn thảm khốc lên cõi diêm.

Đã sáu năm nay, tần bi kịch chiến tranh lại tái diễn trên đất Việt-Nam và ở nam bắc Triều Tiên đã có nhiều cuộc đàm phán điều đình, nhưng chiến tranh còn đương tiếp tục, có phải vì thiếu nhà ngoại giao và thiếu phương pháp ngoại giao chăng?

Cuối năm 1950, Nguyên-lão-nghị-viên nước Mỹ để nghị tổ chức một cơ quan « Quốc tế ngoại giao », chẳng những là để giải hòa, sau khi đã có chiến tranh, mà còn để điều đình, trước khi có chiến tranh, lại hay hơn phương pháp của Tuân-Tử.

Trước đây 100 năm, Cách Lan (William Gladstone), người nước Anh, làm thủ tướng kiêm ngoại giao, tuyên bố giữa nghị trường rằng : « Trên thế giới, không có dân tộc nào là chủ, không có dân tộc nào là nô, không có chủ nghĩa nào toàn hay, không có chủ nghĩa nào toàn dở. Nếu dùng cường quyền để chinh phục друг có diệt trừ nhau, cũng chỉ một thời gian, chỉ gây thêm những mối thù riêng, cùu cánh báo phục tuần hoàn, chỉ làm cho loài người lưu huyệt ».

Nay cũng như xưa, giữa tiếng súng chiến tranh, cũng có lời kêu gọi hòa bình, tôi vẫn còn hy vọng, các nhà quốc tế ngoại giao sẽ tiếp xúc với liệt cường, điều đình cho nhân loại thương an, nước Việt-Nam khỏi bị ảnh hưởng chiến tranh, nhiệm vụ của nhà quốc tế ngoại giao, là làm cho thế giới hòa bình, cho nên khi viết bài tựa này, tôi lấy phương pháp của Tuân-Tử làm tài liệu.

Trước khi dùng bút, tôi trân trọng tạ ơn những vị đã giúp tôi trong việc khảo cứu sưu tầm tài liệu, hoặc chỉ giáo trong những điều khuyết điểm, hoặc cho mượn sách báo cần dùng. Mặc dù những chỗ sai lầm khiếm khuyết, câu chuyện tóm tắt sơ lược trong mấy trang sách mạn này, góp được phần nào trong công cuộc tinh thần xây dựng hòa bình độc lập cho tổ quốc, thì tôi cũng được thỏa lòng ước nguyện.

Viết tại Lạc-tịnh-viên
mùa Xuân, năm Nhâm-Thìn, (1952)

UNG-TRÌNH

CHƯƠNG I

NGUYỄN-PHÚC-THỊ (1) (1558 — 1801)

TIẾT THỨ I

Nguyễn-phúc-Hoặc giao thiệp với người Pháp.

Nguyễn-Hoàng (2) (Thái-tồ) con Nguyễn-Kim (Triệu-tồ), người Thanh-Hà, năm Mậu-Ngo (1558), làm Trấn-Thủ Ô-châu (3). Xứ này nguyên đất của Chiêm-thành, vua Nhân-Tôn (1279-1293) nhà Trần,

(1) **Nguyễn-phúc-Thị.**— Năm Qui-hợi (1563) bà Nguyễn Hoàng chiêm bao : Một ông râu dài đầu bạc đưa đến một tờ giấy có chữ « Phúc » Lúc tỉnh dậy, vừa sanh con trai. Muốn dùng chữ Phúc làm tên, đề kỷ niệm ngày thần tử. Sau nghĩ lại : Của thần tử không nên đề cho một người hưởng hết, nay dùng làm chữ lót, thì cả họ được nhờ, hưởng được lâu dài, tên con cháu đều dùng chung một chữ. Vì bà Nguyễn-Hoàng nghĩ như vậy, nên từ ngày ấy, họ Nguyễn mới có thêm chữ Phúc vào tên. (Theo Thật lục Tiền biên).

(2) **Nguyễn-Hoàng.**— Sanh Nguyễn-Phúc-Nguyễn (Hiếu-Văn) truyền kế đến Nguyễn-phúc-Lan (Hiếu-Chiếu), Nguyễn-phúc-Tần (Hiếu-Triết), Nguyễn-phúc-Thái (Hiếu-Nghiã), Nguyễn-phúc-Châu (Hiếu-Minh) Nguyễn-phúc-Thọ (Hiếu Hinh), Nguyễn-phúc-Hoặc (Hiếu-Võ), Nguyễn-phúc-Thuần (Hiếu-Định) Nguyễn-phúc-Cửu Long (Hiếu-Khuong), Nguyễn-phúc-Ánh (Cao Hoàng-Đế), tức là đời thứ II, kế từ ngày vào làm Trấn-Thủ Châu Ô. (Theo bản Tiền-nghuyên toát-yếu-phồ, của Tôn-Thất-Hân).

(3) **Ô Châu.**— Lý châu, nguyên đất của nước Việt-thường nhà Tần tháp vào Tượng quận. Đời nhà Đường, năm 628, đổi tên là Đại-lý-Châu

ngày làm Thái-thượng-Hoàng, muốn tránh cho dân-tộc khỏi nạn chiến-tranh, mới mở đường ngoại-giao, sang viếng vua nước Chiêm-thành, hứa gả Huyền-Trân Công-chúa (4) cho Chế-Mân, đe kêt tình thân-thiện.

Năm Bính-ngọ (1306), Chế-Mân, vua Chiêm-thành, chịu nạp đất chầu Lý, chầu Ô làm sinh-lễ.

Vì dân, vì nước chẳng những chịu hy-sinh nhan-sắc mà còn chịu hy-sinh đến cả ái-tình (5), theo tục lưu truyền ngày Công-chúa lên voi về nhà chồng, có làm bài ca Nam (6) đe lại.

Cách hơn 250 năm sau, Nguyễn-Hoàng có chiến công, có tước Hạ-khê-Hầu, sợ bị ám-sát như anh (7), theo lời dự-

Năm 1069, Lý-Thánh-Tôn (1054 — 1072) đánh lấy lại được, Lý-thường-Kiệt mới đổi tên là Lâm-bình-Châu. Ngày nhà Lý suy, Chiêm-thành đến chiếm. Năm 1306, Chế-Mân, vua Chiêm-thành nạp hai chầu ấy làm lễ cưới bà Công-chúa Huyền-Trân. Năm 1428, Lê-Lợi Thái-Tô đổi tên đất là Thuận Hóa. Năm 1509 Lê-thánh-Tôn đổi làm Thuận-hóa-trấn. Cách 50 năm sau, Nguyễn-Hoàng đến làm Trấn-thủ.

(4) **Huyền-Trân Công-chúa**.— Theo Việt-sử, và Việt-Nam sử-lược của Trần-trọng-Kim, Việt-Nam tạp-kỷ của Lý-văn-Hùng, thì Huyền-Trân con vua Nhơn-Tôn (1279—1293). Năm Bính-ngọ (1306) Trần-Anh-Tôn cho Chế-Mân đến cưới.

(5) **Ái-tình**.— Huyền-Trân Công-chúa có sắc, Trần-khắc-Chung Thiếu-tướng có tài, hai bên đã hẹn biển thề non, thề mà, vì nước vì dân, phải chịu đoạn-tuyệt ái-tình, đến nỗi Trần-khắc-Chung phát cuồng, cứ kêu hai chữ Chế-Mân, cho đến khi hết thở. (Theo dã-sử)

(6) **Ca nam**.— Trong báo Đô-thành Hiếu-cô năm 1942, Ưng-Ân đăng cả bài ca Nam, có những câu : « Nước non ngàn dặm ra đi. — Cái tình chi ? — Mượn màu son phấn; — Đền nợ Ô ly, — Thấy chim hồng nhạn bay đi, — Tình lai-láng, — Bóng như hoa quỳ, — Dặn một lời Mân-quàn: Nay chuyen mà như nguyễn, dặng vài phân, — Vì lợi cho dân, — Tình dẽm lại mà cắn, — Đắng cay trăm phần !

(7) **Người Anh**.— Theo Thật-lục-tiền-biên thì con trưởng của Nguyễn Kim là Nguyễn-Uòng, có tước Lãng-xuyên-Hầu, bị ám-sát.

ngôn (8) của Nguyễn bỉnh-Khiêm (9) : « Hoành-sơn nhất đái, vạn đại dung thân », mới nhò chị là Ngọc-Bảo, vợ Trịnh-Kiêm điều-định với chồng, cho đi cai-trị một xứ dân Chàm ; thành-thứ, được vào Ô-châu làm Trần-thủ.

Đến Nguyễn-phúc-Hoặc là đời thứ 8, trong khoảng 170 năm, nhà Nguyễn-phúc đã có thò-vũ từ Hoành-sơn đến Hà-tiên : còn dân-chúng là cháu chắt của những trẻ-em, năm xưa (Mậu-ngọ) ngồi trên vai mấy « Ông ba bị » (10).

Năm Canh-tuất (1930), Nguyễn-phúc-Hoặc lập thị-xã, đúc bửu vàng (11) dân gọi nhà Nguyễn-phúc là chúa Đường-trong cũng như gọi họ Trịnh là chúa Đường ngoài vây.

(8) **Dự ngôn.**— Nghĩa là nói trước. Người ta cũng gọi Sấm ngữ, nhà dự-ngôn tinh về triết-lý, về số-học, suy đoán nói trước những việc về sau. Đến xưa, tại Kim-tụ-tháp ở Ai-cập châu Phi, có chạm những câu sấm-ngữ. Tại nước Pháp, Ô. Michel de Notre Dame (Nostra-damus) đã nổi tiếng tiên-trí. Bên Tàu, có Lữ Vọng, Chu-cát-Lượng, Lý-thuần-Phong, Thiệu-khương-Tiết, Lưu-bù-Ôn, còn tại Việt-Nam, thì có Nguyễn-bỉnh-Khiêm là sấm-ngữ. Như : « Nhị ngữ dư niêm Long vĩ xà đầu khỗ chiến tranh — Can qua xix xix khỉ đạo binh ; Mã đê dương cước anh hùng tận, Thân đậu niêm lai kiến thái-bin... Bửu giang thiền-tử xuất, Bất chiến tự nhiên thành. Lê dân dào bảo hoản, Từ hải lạc câu ca... (Theo bản Việt-Nam tạp-kỷ của Lý-văn-Hùng).

(9) **Trạng-Trình.**— Theo Tiền-biên thật-lục, thì Nguyễn-bỉnh-Khiêm, người tỉnh Hải-Dương, đậu Trạng-nguyễn, theo bản Việt-Nam tạp-kỷ của Lý-văn-Hùng, thì Nguyễn-bỉnh-Khiêm sanh năm Nhâm-Tý (1492), tại làng Trịnh-hương. Vua Minh-Đức nhà Mạc phong tước Trịnh-quốc-công, thành-thứ, người ta gọi là Trạng-Trình.

(10) **Ba-bị.**— Theo Dã-sử thì những tay hào kiệt, bị Trịnh-Kiêm nambi-ky, đều di theo Nguyễn-Hoàng vào khai-thác Ô-châu, mỗi người có mang ba cái bị trên vai : trong hai bị, ngồi hai trẻ em, còn 1 bị là chứa đồ lương-thực. Đến đâu cũng nghe tiếng khóc trong bị, người ta đồn rằng : « Các ông ba bị, đi bắt trẻ em ». Sau người ta dọa trẻ em, thì cứ nói : Ông ba bị.

(11) **Bửu-vàng.**— Dấu hiệu để thị tín với dân : của vua, gọi là Bửu

Năm Kỷ-ty (1749). Poa-vò-rò (Poivre) người Pháp, ở Tây-trúc (Inde) sang, có đệ quốc-thư, và những phàm-vật của Pháp Hoàng gửi tặng. Chúa Đương-trong cho người ấy ở lại Hội-an buôn-bán, đãi khách theo phương-pháp ngoại-giao, và gởi thư phúc đáp (12) rằng :

« Tiếp quý thư và các thứ bưu vật của Hoàng-Đế tặng-hảo, tôi rất cảm ơn. Từ nay, Quý-quốc với tệ-quốc thân-thiện cùng nhau, về phương-diện văn-hóa, cũng như về phương-diện kinh-tế, hai nước sẽ đi đôi, lai-vãng giao-thông, đê đôi-trao sản-vật và tư-tưởng ».

Việt, Pháp giao-hảo khởi-nguyên từ bức thư ấy.

TIẾT THỨ II

Nguyễn-phúc-Ánh giao thiệp với Bá-đa-Lộc

Chưa kịp thấy kết-quả, thì năm Ất-dậu (1765) Nguyễn-phúc-Hoặc (Hiếu-Võ) băng ; di chúc truyền ngôi cho Nguyễn-phúc-Chương, là con thứ hai, ngày ấy đã trưởng thành, vì người con đầu đã mất từ trước.

Không tuân mạng-lệnh, Trương-phúc-Loan, theo lợi-quyền riêng, lập người thứ 16 là Nguyễn-phúc-Thuần, ngày ấy mới 12 tuổi. Nhà độc-tài tự đóng vai Phụ-chánh, áp-chẽ các địa-phương ; song chưa kịp dùng đến bửu-vàng thì dân đã nồi lên phản đối.

Tại tỉnh Bình-định, làng Tây-sơn, Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ,

tỷ ; của nước gọi là ấn tin ; của hương-thôn và của tư gia gọi là triện. Năm Bính-dần (1746), Nguyễn-phúc-Hoặc đúc bửu vàng, có 9 chữ : « Đại-Việt-quốc-Nguyễn-phúc-Vĩnh-trấn-chi-bửu » (Theo báo Đô-thành hiếu-cố năm 1942).

(12) **Phúc-đáp.**— Bức thư ngoại-giao của Nguyễn-phúc-Hoặc viết bằng chữ nho trong bản *Notions d'Histoire d'Annam* của Ch. Maybon có dịch ra chữ Pháp.

Nguyễn-Lữ, ba anh em, năm Quý-Tỵ (1773) cướp được chính-quyền, từ Bình-thuận đến Quảng-ngãi.

Chúa Đương-ngoài là Trịnh-Sum thừa cơ-hội, cho Hoàng-ngũ-Phúc kéo quân vào, chiếm cứ Phú-Xuân, (13) bắt Trương-phúc-Loan giải ra Thăng-long; ầu-chúa là Nguyễn-phúc-Thuần (Hiếu-định) chạy vào Quảng-Nam, cháu là Nguyễn-phúc-Ánh cũng chạy theo sau; ở chưa đầy năm, vừa quân của Tây-sơn kéo ra, hai chú cháu phải đem nhau xuống thuyền, chạy vào Bến-Nghé (Gia-định).

Năm Đinh-Dậu (1777), Nguyễn-Huệ đem quân vào đánh, Nguyễn-phúc-Thuần bị bại tại Long-Xuyên, Nguyễn-phúc-Ánh phải điều-khiển cả các đạo binh, làm Nguyễn-soái năm 23 tuổi. Ba năm sau, lâm-thời Chánh-phủ tôn Nguyễn-soái lên Quốc-Trưởng, tức là làm chúa Đương-trong, dùng lại cái bửu vàng, giữ cơ-đồ của nhà Nguyễn-phúc.

Tuy có danh vị, mà bốn bề vẫn không nhà; Nguyễn-phúc-Ánh còn phải ẩn-trú trên các đảo Xiêm-La (14), ném mật nằm gai, sống theo cuộc đời vua Câu-Tiễn (15).

Trong lúc ấy, Giám-mục Bi-Nhu (16) ở Cao-Môn bị khủng-bố,

(13) **Phú-Xuân.**— Năm Đinh-Mão (1687), Nguyễn-phúc-Thái (Hiếu-Nghĩa) lập đô-thành lại Phú-Xuân; trước kia tại Kim-Long, phía tây làng ấy.

(14) **Xiêm-La.**— Nay gọi Thái-Lan, phía tây Cửu-Long-Giang (Mékong).

(15) **Câu-Tiễn.**— Theo sử-ký của Tu-mã-Thiên, và Việt-tuyệt-thư của Hoài-nam-Tử, đều là những sách làm trước kỷ-nguyễn, thì nước Việt bên Tàu, có vua tên là Câu-Tiễn. Bị nước Ngô sang chiếm lãnh-thỗ vua Câu-Tiễn, ngày ném mật heo, đêm nằm trên cùi (thương đớm ngoa tân) để tự mình ăn chẳng ngon, ngủ chẳng yên, khi nào cũng nhớ nghĩa phục thù: sau đánh nước Ngô, lấy lại được hoàn-toàn thỗ-vũ.

(16) **Bá-đa-Lộc.**— Theo bản Mgr. d'Adran của Louvet, in năm 1896 thì Pierre là tên Thánh; de Béhaine là họ Pigneau là tên, làm Giám-mục thành Adran. Người Tàu đọc chữ Pierre ra « Bá-tô-Lô » người Việt-Nam đọc 3 chữ Bá-tô-lô ra Bá-đa-Lộc. Năm 1770. Đức Giáo-hoàng

phải trốn sang đất Biên-Hòa, đi đến núi Cà-mâu, được giáp mặt chúa Đường-trong, sau một cuộc hàn-huyề, tự xin về Pháp viện binh, đề trừ quân cách-mạng. Song Nguyễn-phúc-Ánh còn do dự, vì sợ công rắn cắn gà nhà, cho nên không dám nhậm lời; tuy từ-tạ mà vẫn giữ tình thân thiện.

TIẾT THỨ III Bá-đa-Lộc

Đến năm Nhâm-Dần (1782), tình-thế càng thêm nghiêm-trọng, vua Xiêm đã có giúp binh; nhưng thấy dân-chúng phản nàn người Xiêm, công thứ rắn này, thì gà nhà không chịu nỗi. Bất-dắc-dĩ, chúa Đường-trong phải ngoại-giao cho ôn-thỏa, đề bạn láng-giềng tự rút binh về.

Thấy nhiều nước-muốn gởi binh sang, đề thế quân Xiêm; Bá-đa-Lộc mới tái hội với chúa Đường-trong, vạch rõ dã tâm của Bồ-dào-Nha (Portugais), Hòa-Lan (Hollandais), I-pha-Nho (Espagnols) và nói: « Chỉ có người Pháp là có nhân đạo, sẵn lòng giúp các nước đàn em; nay đương cảnh nỗi da xáo thịt, tất phải dùng vai cánh người ngoài, mới mong kết-liễu cuộc chiến-tranh, là lẽ tự-nhiên, dân-tộc nào cũng vậy. Huống 30 răm trước, đức Hiếu-Võ đã có thư-tử lai-vãng, dân-tộc Việt-Nam nên tin-nhiệm vào người Pháp, cả hai nước đều theo một chủ-nghĩa quốc-gia ».

Nguyễn-phúc-Ánh vẫn hoài-nghi, mới nhờ chính-phủ giải quyết. Song vì vẫn-de quan-hệ đến cả dân-tộc, cho nên phải đặt Hội-đồng, thảo-luận 3 ngày tròn, mới lập thành biên-bản (17) tại đảo Phú-quốc. Trong 9 khoản, có 4 khoản như sau :

cử làm Giám-mục ở Việt-Nam chính là năm Giáo-Hội đương bị tàn-sát. Bá-đa-Lộc là người truyền quốc-ngữ cho dân-tộc, cũng là người đã đem bạn Pháp sang đất Việt-Nam, Việt, Pháp giao-thông, kể từ năm ấy.

(17) **Biên bản** : Theo bản Mgr d'Adran của Louvet, thì biên bản của Hội-đồng có 9 khoản, làm tại đảo Phú-Quốc, ngày 20 tháng 11 năm

1) Vận-mạng tō-quốc đang lâm nguy, nhiều nước ngoài muốn giúp binh, nhưng mà so với kế-hoạch của Giám-mục Bi-Nhu, (18) thì chúng tôi nghĩ nên nhờ binh nước Pháp.

(2) Chúng tôi xin Chúa-thượng, ủy quyền cho vị Giám-mục, người có lòng cầu-nguyện cho dân-tộc Việt-Nam.

3) Muốn cho nước Pháp tin, chúng tôi xin Chúa-thượng ký-thác Hoàng-trưởng-tử cho vị Giám-mục.

4) Muốn cho Phái-doàn sớm được thành công, chúng tôi xin Chúa-thượng giao cái bửu vàng cho Hoàng-trưởng-tử.

Nguyễn-phúc-Ánh chịu theo lời biều-quyết, sau khi sao giao biên bản, còn viết thêm một lá thư riêng, (19) gửi sang Pháp Hoàng : « Dầu đại quốc với tiêu quốc tình thế khác nhau ; dầu Đông, Tây, cách nhau mấy ngàn trùng, tôi dám chắc rằng : Hoàng-đế sẽ tin lời tôi, cũng như tôi đã tin lời Giám-mục Bi-Nhu vậy. Nay tôi giao cho ông ấy Nguyễn-phúc-Cảnh con trưởng của tôi, một cái kim-bửu di-truyền, và một biên-bản của Hội-dồng, đủ làm bằng chứng. Tôi chỉ mong ơn Hoàng-đế, cho con tôi được sớm trở về với binh-thuyền ».

TIẾT THÚ IV

Nguyễn-phúc-Cảnh sang Pháp

Ngày tháng 2 năm Định-vị (1787), Nguyễn-phúc-Cảnh, mới 7

thứ 43 triều Cảnh-Hưng nhà Lê. Bộ Ngoại-giao của Pháp còn giữ nguyên văn. Theo bản Bang-giao sứ-lực của Phan-Khoang, thì bản Hội-dồng có 13 khoản.

(18) **Bi-Nhu.** — Quốc-sử-quán dịch chữ Pigneau ra Bi-nhu, tên Bá-da-Lộc.

(19) **Thư riêng.** — Bức thư của Chúa Đường-trong gửi sang vua Pháp, viết bằng chữ Nho. Trong bản Notions d'Histoire d'Annam, Maybon đã dịch ra chữ Pháp.

tuổi, đến yết Pháp Hoàng (Louis XVI) ; triều-dinh theo lệ ngoại-giao, nghinh tiếp Hoàng-tử có lễ-nghi đặc-biệt (20).

Vua Lu-Y XVI (Louis XVI), sau khi nghe những lời điều-trấn của Bá-đa-Lộc, đặt Mông-mô-Ranh (Montmorin) làm Khâm-mạng Đại thần, hội-đồng với phái-đoàn của Chúa Đường-trong, ký chung một bản hiệp-ước io khoản :

1) Vua nước Pháp chịu giúp binh thuyền và chiến cụ, theo lời Chúa Nguyễn yêu cầu.

2) Vua nước Pháp sẽ cho sang các hải cảng Việt-Nam và chịu cả phí-tồn : 4 chiếc chiến thuyền, 1 đạo binh 1.200 lính lục-quân, 200 lính pháo-thủ, 150 lính âm-nhạc, đều có khí-cụ sẵn-sàng.

— 3) Đến ơn cứu-viện, chúa Đường-trong sẽ nhường chủ quyền cho vua nước Pháp : Cửa Hàn, người Pháp gọi là Tuaran (Tourane) người Việt gọi là Đà-Nẵng : Ngày nào quân Pháp đóng trên hải cảng ấy, thì nước Pháp mới nhận chủ-quyền chính-thức, theo khoản dưới này :

4) Chúa Nguyễn đã nhường chủ-quyền Cửa Hàn cho vua nước Pháp, thì dân Pháp được lập xưởng trên đất, đẽ tu-bồ hay là chế-tạo những thuyền chiến, thuyền buôn, còn vấn-đề cảnh-sát, tuần binh, thì cả hai nước sẽ hội-đồng giải-quyết.

5) Pháp Hoàng còn được nhận chủ-quyền cả đảo Côn-Lôn (Poulo-Condor) nữa.

6) Từ người nước khác, chỉ người nước Pháp được buôn bán tự-do, trên toàn cõi Đường-trong, và được tùy tiện-cư trú vãng-lai, không phải nạp thuế-thân, chỉ phải có giấy thông-hành của quan địa-phương là đủ. Từ những đồ quốc cấm còn bất kỳ hàng-hóa của các nước Âu-tây, đều được đem vào, cũng như những hàng-hóa ở Viễn-Đông, đều được chở ra, chỉ phải nạp thuế nhập-cảng xuất-cảng, như những người bờn-xứ. Tất cả các cửa biển của chúa Đường-trong chiến thuyền, thương-thuyền, của nước nào, cũng không được phép

(20) Lễ-nghi.— Tuy mới 7 tuổi, song triều-dinh Pháp vẫn tiếp theo lệ ngoại-giao. (Theo bản sử của Trần-trọng-Kim).

vào, chỉ trừ những thuyền có giấy thông-hành, hay là có cờ hiệu Pháp.

7) Chính-phủ Đường-trong phải chịu bảo-đảm cho người Pháp, cả tánh-mạng, cả tài-sản, lúc bình-thường ; còn khi người Pháp có can-tố-tụng gì, thì tòa án phải xét xử liền theo công-lý.

8) Nếu vì quyền-lợi ở Đà-Nẵng và ở Côn-Lôn, mà nước Pháp bị nước nào khêu-chiến, hay là phải khai-chiến với nước nào, tại Châu-Á cũng như tại Châu-Âu, Chúa Nguyễn phải giúp binh thuyền, dẫu có trễ, cũng chỉ trong 3 tháng, kể từ ngày nước Pháp yêu-cầu, Chúa Nguyễn phải đài-thọ cả quân-nhu, trong thời-kỳ trợ chiến.

9) Theo khoản thứ 8 trên này đã dự-định. Pháp-Hoàng cũng chịu giúp đỡ binh-thuyền binh-khí, nếu nước Việt-Nam có bị nội-loạn, hay là bị ngoại-xâm ; song đã định rõ trong khoản thứ 2, nước Pháp chỉ cung-cấp binh-thuyền, theo số đã dự-định.

10) Bản hiệp-ước hôm nay ký-kết, vua nước Pháp và Chúa Đường-trong, sẽ hộ-hoán hộ-giao, càng sớm càng hay ; dẫu có trì-điên, cũng không được trễ quá 12 tháng.

Tại thành Vết-Xây (Versailles), ngày 28 tháng 11 năm 1787.

TIẾT THỨ V

Người Pháp sang phục-dịch Chúa Đường-trong

Sau khi được huấn-lệnh của Pháp-Hoàng, Bá-đa-Lộc phò Nguyễn-phúc-Cảnh (21) trở về Tây-trúc, đề nhận số binh thuyền viện-trợ ; thế mà Công-oai (Conway), Tông-trấn thành Pông-đi (Pondichéry), không tuân huấn-lệnh Pháp-Hoàng, gửi sớ về tâu :

(21) **Nguyễn - phúc - Cảnh.** — Theo Chánh-biên Liệt-truyện, thì Nguyễn-phúc-Cảnh sinh năm Canh-Tý (1780). Năm 1784, xuống thuyền sang Tây-trúc. Năm 1786 đạp tàu Malabar sang Pháp. Năm 1787, đến cảng Lorient. Họa-sĩ Mauperin có vẽ chân dung Hoàng-tử.

« Nước Anh đương muốn phong tỏa, chúng tôi phải giữ cho đủ binh-thuyền ; còn việc trợ chiến cho Chúa Đường-trong, thiết tưởng không lợi gì cho nước Pháp ».

Bá-đa-Lộc hoàn-toàn thất vọng, tự nhận thấy những mối dây liên-lạc giữa hai nước, mà công minh đã kết chặt mấy năm, chỉ một phần ác-cám của cá-nhân, đủ làm cho đoạn-tuyệt. Song đã đi cầu-viện, cả Giáo-Hội đương hy-vọng cuộc tương-lai, há dẽ trở về không ; bèn nhờ thân-bằng giúp cho một số tiền, mới mua được vài chiếc thuyền buồm, và ít nhiều súng đạn. Lại còn khuyên dụ được vài mươi đồng-chí, cùng nhau sang phục-dịch Chúa Đường-trong.

Trong thời-kỳ chờ Pháp bình-cứu viện, thì Chúa Nguyễn vẫn lai-vãng với vua Xiêm ; cũng nhờ khôn khéo ngoại-giao, năm Mậu-Thân (1798), mới khôi-phục được thành Gia-định.

Tháng 6 năm Kỷ-Dậu (1789), là năm nhà Thanh phong cho Nguyễn-Huệ làm An-Nam Quốc-Vương, Nguyễn-phúc-Cảnh về đến Saigon, có những người Pháp đi theo Bá-đa-Lộc.

Tuy vua Quang-Trung đã lên ngôi chính-thức mà Chúa Đường-trong vẫn hành-động theo năng-lực của mình, tin dùng các bạn chuyen-môn : người thì lập xưởng đóng thuyền, người thì xây lò đúc súng, người thì thao-diễn thủy-chiến, người thì huấn-luyện lục-quân ; chỉ một thời-gian, thì thế-lực đã tăng-gia ; song chẳng tấn công, cố gắng điều-định, cho khỏi gây điều tàn-sát.

TIẾT THÚ VI

Bất-chiến tự nhiên-thành

Vua Quang-Trung, đánh Tôn-sĩ-Nghị quân Tàu, đuổi Chiêu-Thống nhà Lê, mạnh biết chừng nào, thế mà chỉ 3 năm, anh-hùng bết vận : tại thành Thăng-long Nguyễn-Huệ mất tại Phú-xuân-kinh-con là Quang-Toản nối ngôi, tại Bình-Định, Nguyễn-Nhạc là Hoàng-

để trung-ương, vì tức giận vua cháu, cũng đến phải từ trần ; cả cờ-nghiệp của Tây-sơn, năm Nhâm-Tý (1792). Cảnh-thạnh ấu-chúa cầm quyền, có Trần-quang-Diệu làm Phụ-chánh.

Cho đem hết binh-sĩ ở Phú-xuân vào Bình-định, vây cả tứ-diện thành, đắp lũy, lập đồn, cố bắt sống Võ-Tánh ; cố bắt được Đại-tướng, mới diệt-trù được đổi-phương.

Chúa Đường-trong được tin, liền cho Nguyễn-văn-Thành đem đại đội lục-quân ra ; đầu năm Tân-Dậu (1801), Chúa tự đem 5 chiếc đại-thuyền, 200 chiếc tiều-thuyền, ra lấy cửa Qui-nhơn, để giải vây cho Đại-tướng.

Võ-Tánh (22) gởi mật-thư đến, thỉnh cầu với Chúa-thượng rằng : « Ngày nay, Tây-sơn đương bỗn trống Phú-xuân, bao nhiêu dung-tướng hùng-binh, đều đem vào Bình-định cả ; nhà Nguyễn-phúc có cơ-hội tốt, mang chúng tôi như một tám ngói, chốn cựu Kinh như một kho vàng, đòi ngói lấy vàng, còn có gì hơn nữa ».

Nguyễn-phúc-Ánh bàng-hoàng do-dự, nhờ có Nguyễn-văn-Thành, Lê-văn-Duyệt, cương-quyết, cho nên Chúa mới nghe lời, đem đại đội hải-quân ra thẳng Thuận-an, chẳng đánh mà lấy lại được Phú-xuân, vua Cảnh-thạnh chạy với 2 người em ra phía bắc. Lúc được là vua, lúc thua là giặc, vua Cảnh-thạnh bị dân bắt, đem nạp lên Chúa Đường-trong.

* * *

(22) **Võ Tánh**.— Thái-sư Hoài-quốc-công, người Phúc-an, tỉnh Biên-hòa, tuổi mới vài mươi, đã giỏi về cung kiếm. Ngày 30 tuổi tự xưng là Đỗng-dung, lập đồn tại làng Khổng-tước (Định-tường) » Người ta đồn rằng : « Đường-trong ba vị anh-hùng. Võ Tánh là một. (Hai vị kia là Châu-văn-Tiếp, Đô-thanh-Nhơn). Năm 1783, Võ Tánh chịu vè với Nguyễn-phúc-Ánh, được phong chức Khâm-sai Đỗng-nhung và được thượng Chúa gả bà Ngọc-Du làm vợ.

BÌNH - LUẬN

Ngạn ngữ của Trung-quốc có câu : « Trời làm cho được mùa mà trời không làm cho đất hoang thành ruộng ». Theo câu ấy, mọi người đều phải tận-tụy theo sở năng còn thành bại là quyền Tao-hóa. Không-giáo chỉ là đức giáo, mà vẫn nhìn nhận có Trời. Vì tin-tưởng có Trời, cho nên nhân-luân gọi là thiên-luân, nhân-đạo cũng gọi là thiên-đạo.

Đời nay, Âu-Mỹ thọ tri theo pháp-luân của công-dân ; đời xưa Á-châu thọ tri theo mạng-lệnh của Trời. Đại-biều của Trời là nhân-dân, Kinh thư có câu : « Dân chí sở dục, thiên tất tùng chi ! » (Dân muốn thế nào, Trời theo như thế), các nhà cách-mạng vua Thang, vua Võ, đều nhìn vào lòng dân mà hành động, ấy là làm theo ý muốn của Trời. Vậy ở Á-châu, về hình-thức, vẫn quân-quyền, còn về tinh-thần, thật là dân quyền, lấy dân làm gốc.

Nhà Nguyễn-Phúc, tuy mượn tiếng « phò Lê-diệt-Trịnh » mà sở hành, từ năm Canh-Ngo (1630), đời Hiếu vân, Đào-duy-Tử, đắp lũy Trường-dục... rõ là một nhà cách-mạng có tò-chức, có qui-mô ; họ Trịnh làm chúa Đường-ngoài, nhà Nguyễn-phúc làm chúa Đường-trong, bên nào cũng tự giữ lấy quyền sở-hữu. Song quyền sở-hữu của họ Trịnh, chỉ là quyền chính-trị, tiếm của nhà Lê ; còn nhà Nguyễn-phúc thì đã có tiều giang-sơn, chiếm thồ vũ của Chiêm-thành, lấy một phần đất của Thùy-chân-Lạp.

Nguyễn-phúc-Hoặc thấy nhà Lê suy nhược, đã đúc bửu vàng ; cũng như Triệu-Đà, ngày thấy nhà Tần suy-vi, tự xưng là Nam-việt-Đế !

Noi gương Nguyễn-phúc-Hoặc, Nguyễn-phúc-Ánh theo giải pháp-ngoại-giao, đối với nước gần, cũng như đối với nước xa, giữ lòng trung-tín, giao thiệp với vua nước Pháp, lai vãng với vua Xiêm, dẫu Nguyễn-Huệ, sau một thời kỳ dùng võ lực chiếm được non sông, nhà Thanh chịu phong, nhà Lê chịu mất ; thế mà đến ngày Trời cho nhà Nguyễn-phúc, thì bắt chiến-tự-nhiên thành : khôi-phục Phú-xuân, như chầu về Hợp phố.

Trời cho ai nấy được, người chỉ biết làm việc cho Trời, nghĩa là làm việc cho dân, làm theo thiên-chức. Nếu ai cũng tin như vậy, thì cả thế-giới hòa-bình. Kho vì người muốn làm Trời cho nên trong nhân-loại lịch-sử mấy ngàn năm, các bậc anh-hùng đều sống với chiến-tranh hay là chiến-tranh cho đến chết.

CHƯƠNG II

VIỆT-NAM : (TRIỀU GIA-LONG 1802 — 1819)

TIẾT THỨ I

Giao-thiệp với nhà Thanh

Năm Giáp-ngọ (1884), nhà Nguyễn-phúc mất Phú-xuân-Kinh, phải tranh-dấu 28 năm, mới khôi-phục được. Song Đường-trong

Việt-Nam. — Kinh-dương-vương là vua Thủy-tồ, quốc-hiệu Xích-quỉ ; đổi Hùng-vương, đổi quốc-hiệu Văn-lang. Tuy sỹ Tàu có chép là nước Việt-thường, 1.110 năm trước Công-nguyễn, có đem chim bạch-trĩ cống nhà Châu, vì không biết lối về, cho nên Châu-công chế « chỉ-nam-xa » để đưa người Việt-thường về nước.

Đời An-dương-vương lấy đất Thục tháp-nhập Văn-lang, mới đổi quốc-hiệu ra Âu-lạc, Triệu-đà xưng-dế, kiển-quốc hiệu là Nam-việt, nhà Hán thôn-tịnh, phàn ra 9 phần, gọi là Giao-châu hay là Giao-chí-bộ.

Lý-Bí, vua Thiền-Đức, kiển quốc hiệu Vạn-xuân. Hơn 200 năm sau, bị nhà Đường đô-hộ, mới gọi An-nam đô-hộ-phủ.

Quốc-hiệu Đại-cù-Việt, mới có tự nhà Đinh. — Nhà Hồ, đổi quốc-hiệu là Đại-ngụ ; đời nhà Lý, quốc-hiệu thông-xưng là Đại-việt.

Vua Gia-long trung-hưng kế-nghiệp, mới kiển quốc-hiệu là Việt-nam. Lập quốc từ Kinh-dương-vương, hơn 2000 năm trước Công-nguyễn, non sông biến chuyển với thời gian, quốc hiệu cũng tùy từng đời mà canh-cái. Đến ngày vua Gia-long thống-nhất, từ Ai-Nam-quan đến mũi Cà-máu, mới có quốc hiệu là Việt-nam, kể từ năm 1802, là năm vua Gia-khánh nhà Thanh công-nhận.

thể-lực của Tây-sơn còn ảnh-hưởng, Đường-ngoài, si-phu còn hoài vọng nhà Lê ; muốn thống-nhất thồ-vũ, thống-nhất nhân-dân, dè cho đâu đâu cũng được hòa-bình, thì các nhà thúc-thế thầm-thời, dâng lên Chúa Nguyễn một bài điêu-trần khuyễn-tấn (1).

Nguyễn-phúc-Ánh trăm lo
ngàn ngại, mà trót phải nghe lời,
lên chiếc ngai-vàng năm Nhâm-
tuất (1802), ngày 2 tháng 5, bố
 cáo cải-nguyễn (2), lấy hai chữ
Gia-long làm đế-hiệu.

Về nội-trị, lo thâu phục thần
dân, cả Bắc cả Nam ; còn về ngoại
giao, thì sai Lê-quang-Định (3),
Trịnh-hoài-Đức (4), đệ biều tràn-
tinh (5) đến Bắc-kinh, đàm phán
thế nào, để tránh cho dân khỏi cái
nạn chiến-tranh, khỏi phải như
bên năm Kỷ-dậu (1789,) Nguyễn-
Huệ đã đem đến ro vạn quân của
Tôn-sĩ-Nghị.



Chân-dung vua Gia-Long

(1) **Khuyễn-Tấn.**— Trong Nam-phong năm thứ 12, bản chữ nho, có
đăng bài khuyễn-tấn, ký 44 tên : Nguyễn-phúc-Thắng, Nguyễn-vạn-
Tường v.v... Khuyễn-tấn là khuyễn lối thêm một bước, khuyên lên đế-
vị, để định chí thần dân.

(2) **Cải nguyễn.**— Dương giữa năm, mà đổi qua triều khác, hiệu
khác, gọi là cải-nguyễn ; còn kiến-nguyễn, là những vị vua kế-thống, chờ
đến ngày đầu năm mới kiến-nguyễn.

(3) **Lê-quang-Định.**— Người Thừa-thiên, từ ngày nhỏ đã vào Gia-
định ở. Vì nhân-phẩm, vì tài-năng, vua Gia-long chọn làm Sứ-thần sang
Bắc-kinh, xin thọ-phong, và thay quốc-hiệu. Nhờ có tài hùng-biện, nhà
Thanh mới chịu đổi An-nam ra Việt-Nam. Năm 1806, Lê-quang-Định

Trong biều trấn-tinh vua Gia-long viết :

« Tiên-tồ chúng tôi là Nguyễn-Hoàng, có chiến-công nhiều, năm Mậu- ngọ (1558) nhà Lê phong cho làm Trấn-thủ Thuận-hóa. Mở mang bờ-cõi, có chín mươi đời. Đến đời Nguyễn-phúc-Thuần, chủ chúng tôi, bị Tây-sơn giết. Nguyễn-Huệ tự xưng Hoàng-đế, chiếm cứ cõi-nghiệp nhà Lê, may nhờ lượng Cửu-trùng, tạm dung cho làm thuộc-quốc. Đến đời con là Nguyễn-quang-Toản, thì dân trong nước tự trở lòng, bắt nạp cho chúng tôi và yêu-cầu chúng tôi lên thay-thế nhà Lê, cho hòa-bình như ngày trước. »

« Tuy dân-tâm qui thuận, mà còn chưa biết thiên-mạng thế nào. Chúng tôi kính cần ủy cho Lê-quang-Định, Trịnh-hoài-Đức, sang dâng phuơng-vật, đề tò lòng thành ; trộm mong mura-móc thăm đến phuơng xa, chúng tôi được liệt vào hàng phênh-phục. Trong khi chúng tôi gởi bản trấn-tinh biều, tâm hồn lo sợ, theo khói hương bay đến Thiên-đình ».

Bức thư ngoại-giao này, động lòng vua Gia-khánh ; song không cho lấy Việt-Nam làm quốc-biệu ; sau nhờ hai vị sứ-thần đều là nhà hùng-biện, Bắc-kinh mới chịu công nhận hai chữ Việt-Nam. Năm sau (1803), cho Sứ-thần đến tại Thăng-long, vua Gia-long đón tiếp vào điện Kinh-thiên, cử-hành lễ thọ-phong chính-thức.

Trong bản thè-sách (6), có những đoạn này :

làm xong bản « Nhất-thống địa-dư-chí », 10 quyển, kè cựu cương giờ từ Lạng-sơn đến Hà-liên. Mất năm 1813, mới 54 tuổi.

(4) **Trịnh-hoài-Đức.**— Tiên-thế, người Phúc-kiến, vì muốn để tóc thờ nhà Minh, nên nhập-lịch ở Trấn-biên, làm nghề dạy học. Sau được làm Giáo-đạo, dạy Phêng-cung Hoàng-thái-Tử. Năm 1802, vua Gia-long lựa đi với Lê-quang-Định làm sứ-thần. Có làm bản « G'a-định thành thống chí » ; thọ 61 tuổi (theo Liệt-truyện).

(5) **Biều-trấn-Tinh.**— Trong báo Đô-thanh Hiếu-cố năm 1920, có dịch bài chữ nho ra chữ Pháp.

(6) **Thè-sách.**— Bản sách bằng lúa sác, có thùy hình rồng, chép lời của vua, phong chức trước cho tôi. Báo Đô-thanh Hiếu-cố năm 1912, có dịch chữ nho ra chữ Pháp.

« ... Theo biều trấn-tinh của nhà Nguyễn-Phúc, thuật-chức (7) & phiên-bình (8), thì từ mấy thế-kỷ nay, bờ-cõi phía Nam đã mở-mang thêm rộng...

« Nay sai Tề-bồ-Sum, Quảng-tây Án-sát-Sứ, đệ cái án bạc mạ vàng, có hình lạc-dà (9), đến tại Thăng-long, tuyên-đọc bàn thè-sách này, phong cho Nguyễn-phúc-Ánh làm Việt-Nam quốc-vương, để giữ phần triều-cống.

« Chúng ta chăm giáo-hóa, để cho muôn dân được hưởng hòa-bình ; con cháu chúng ta cũng được hưởng hạnh-phúc lâu dài, dẫu núi Thái mòn (10), sông Hoàng cạn ».

TIẾT THỨ II

Vua Gia-Long giao-thiệp với các nước lân-bang

Đã được thụ-phong chính-thức, vua Gia-long nghiêm-nhiêm thay thế nhà Lê, nói đúng hơn, thì thay thế cho Tây-sơn, là nhà đã được Tàu phong làm An-Nam quốc-vương, sau khi Lê mất nước.

Các nước láng-giềng cõi Đông-Á, phần nhiều đương theo chế-độ nhà Thanh, nghĩa là theo chính-thè phong-kiến di-truyền ; duy nước Xiêm-la, từ thế-kỷ thứ 17, đã không chịu thụ-phong như trước ; tự giao-thiệp trực-tiếp với Anh, với Pháp. Năm 1806, vua

(7) **Thuật-chức.**— Chữ trong sách Mạnh-tử, nghĩa là tướng trình lên ngôi thiền-tử, những công-việc của một nước chư-hầu.

(8) **Phiên-bình.**— Nghĩa là hàng rào, bình-phong. Các nước chư-hầu là làm hàng rào, làm bình-phong cho nhà Thiền-tử.

(9) **Lạc-dà.**— Trên án, có hình con lạc-dà khanh-phục, biểu-hiệu các nước chư-hầu. Ngày nhà Hán phong cho Triệu-dà làm Nam-việt-Vương, đã đúc hình Lạc-dà trên án.

(10) **Thái-sơn, Hoàng-hà.**— Là tên núi, tên sông lớn nhất của nước Tàu.

Xiêm có gởi tặng (11) một chiếc chiến thuyền, để mừng vua Gia-long đã được thành công, và để tỏ tình thân-thiệt.

Đối với Chân-Lạp, nay gọi Cao-Mên, lúc đương làm chúa Đường-trong, vẫn đã có quyền bảo-hộ. Vua Cao-Mên coi vua Gia-Long là ngôi Thiên-tử, thường năm triều cống, thủ phật một nước chư-hầu. Song vẫn giữ quyền nội-trị ngoại-giao, chúa Đường-trong chỉ bảo hộ cho khỏi bị ngoại xâm, những ngày vua Cao-Mên có yêu cầu đến binh-lực.

Năm 1811, quân Xiêm sang đánh Cao-Mên, vua là Nặc-ông-Chân phải chạy đến Tân-Châu cầu cứu. Nguyễn-phúc-Ánh sai Lê-văn-Duyệt đem binh một vạn, hội-đồng với sứ-thần Xiêm, điều định cho cả hai bên, rồi đưa Nặc-ông-Chân về nước. Còn lo cho dân-tộc ấy, mới gởi người sang xây thành Nam-Vang (Pnom-penh), và cho Nguyễn-văn-Thùy ở lại với một ngàn quân, theo lời yêu cầu của vua Cao-Mên, để giữ-gìn trật-tự.

Còn vua Ai-Lao đã quen thờ chúa Nguyễn, cứ 3 năm, sang triều cống một kỳ. Ngoài ra, những năm có lễ gì riêng, như năm vua Gia-Long đăng-quang, vua Ai-Lao cho thần sang dâng phàm nghi, mà vì chẳng yêu-cầu gì, nên vua Gia-Long vẫn để cho tự trị.

TIẾT THỨ III

Vua Gia-Long giao thiệp với các nước Tây-Âu

Năm 1803, vua nước Anh (Angleterre) sai sứ thần là Rô-Be (Robert) đem phàm vật sang tặng hảo, và xin khai thương tại vịnh Trà-Sơn (Cửa Hòn). Vì đã nhận thấy ở Tây-trúc, ở Xiêm-La, hiện tượng thế nào, nên vua Gia-Long không nhận lễ của người Anh, cũng không cho ở Cửa Hòn buôn bán.

Mấy năm sau, vẫn còn đến nữa ; vì sợ cường tân áp chủ nên

(11) Tặng-chiến-thuyền.— Theo Minh-Mạng chính-yếu.

vua Gia-Long vẫn lanh-dạm, chưa muối rước khách phương xa. Huống về công thương, nước Việt-Nam chưa có thè cạnh-tranh; dầu có thâu được thuế hải-quan, cũng không bù lại với tài-nguyên xuất cảng.

Duy đối với người Pháp, vua Gia-Long có sẵn mối cảm-tình; Nguyễn-văn-Thắng (Chaigneau), Nguyễn-văn-Chấn (Vannier), điều được tin dùng, phong đến tước Hầu, cho cai-quản hai chiếc tàu đồng (12), người Việt-Nam thường gọi là Chúa Tàu-Long, Chúa Tàu-Phụng.

Năm Đinh-Sửu (1817), có chiếc Hòa-Bình (La Paix) chở hàng sang bán; song toàn là xa-xỉ-phẩm, dân bờn xứ không tiêu-thụ bao nhiêu; vua Gia-Long thương tình, cho miễn thuế hải-quan, để bù phí-tồn.

Cũng năm ấy, Pháp-định cho chiếc Quỳnh-Nga (Cybèle) chở phầm-vật sang tặng-hảo. Ngày đến Đà-Nẵng, chủ thuyền là Két-ga-Rông (De Kergarion) xin phép đến Kinh-đô; tǎo tuồng ngoại giao toan diẽn tại Phú-Xuân, chỉ vì có phầm-vật mà không có quốc thư, nên vua Gia-Long không tiếp.

Năm Kỷ-Mão, (1819), có chiếc Hoa-hường (Rose) và chiếc Henri (Henri) vào cửa Đà-Nẵng, hàng-hóa bán được, vì các nhà buôn đã biết những hạng người bờn-xứ nhu-cầu. Lại mua những trà và lụa chở về, theo kinh-tế xã-giao, thì lợi-quyền tương-đối.

Nhân dịp, Nguyễn-văn-Thắng xin phép 3 năm về nghỉ, đem cả vợ con; vì đã ở 25 năm luôn trên đất Việt-Nam, nên vua Gia-Long cũng chìu lòng, cho Nguyễn-văn-Chấn đi đưa vào Đà-Nẵng.

* * *

(12) **Tàu đồng**.— Theo báo Đô-thành Hiếu-cô năm 1920, Nguyễn-văn-Thắng, Nguyễn-văn-Chấn, (Chaigneau và Vannier), người Việt-Nam gọi là Chúa Tàu Long, Chúa Tàu Phụng.

TIẾT THỨ IV

Quan Tông-trấn Nam-bộ giao-thiệp với người Hoa-Kỳ

Trong mấy mươi năm, vua Gia-Long vẫn có trực-tiếp người Pháp, song chỉ theo phương diện xã-giao; còn người Mỹ cũng như người Anh, thì vua Gia-Long mới giao-thiệp gián-tiếp.

Tại Gia-Định, từ mấy đời trước, người ngoại-quốc vẫn đã lai-vãng thông-thương; có chức Tông-trấn coi thuế hải-quan, kiêm việc ngoại-giao, vua Gia-Long có cho đặt ở ngoài thành Sài-gòn một sở Nghinh-tân-quán (13).

Năm 1819, hai chiếc thuyền Mỹ đến Sài-gòn. Người chủ-thuyền, sau những ngày tiếp-xúc với quan-lại, với nhân-dân, có biên bản « Đông-hải hành-trình »; tuy ngòi bút của một nhà buôn, song tác giả là Hôn-Viết (Jhon Whire), một vị Hải-quan, có ý biên tất cả phong-tục, tinh-tinh, ở Đông-dương, đề cống hiến cho nước nhà, những điều tự mình đã quan sát. Trong bản nhật-ký ấy (14), có mấy đoạn này :

« Ngày 9 tháng 10 năm 1819, tôi bước chân lên đất Sài-gòn, đi qua một cái chợ giữa trời, các thực-phẩm không thiếu một thứ gì, mà giá rất rẻ.

« Phía tây tỉnh thành Gia-định, có một vùng mê-địa, mà đất xen với lăng vôi; tuy không có qui-mô, thiêng về mĩ-thuật, lại vì dân tin theo địa-lý, xác người chôn theo phương hướng, nên không thẳng lối ngay hàng: song có tính-cách bình-dân, bất phân giai-cấp.

« Trên bờ sông Đồng-Nai, có những kho dài trữ lúa, đều là quốc hữu hóa, nhà nước giữ độc-quyền, phòng bị quân-nhu, không bán ra ngoài, và phòng bị cơ-hoang, đề cấp phát cho dân lục tỉnh.

(13) **Nghinh-tân-quán.**— Theo bản Việt-Nam tạp-kỷ của Lý-văn-Hùng, vua Gia-Long có làm sở tiếp-khách ngoại-quốc, gọi là Nghinh-tân-quán.

(14) **Bản-nhật-ký.**— Của người Mỹ, biên bằng chữ Anh. Báo Đô-thành Hiếu-cố năm 1920, đã dịch ra chữ Pháp.

« Ngày tôi đến, phủ Tòng-trấn vừa làm lễ khánh-thành cho mấy con sông. Vua Gia-Long đặt tên là : Vĩnh-Tế, Bảo-Định, An-Thông ; ba con sông này, đào chỉ hơn một tháng rưỡi. Có 26 vạn người thay phiên ứng dịch, làm cả ngày cà đêm : hơn 7 ngàn người đã bị thiệt mạng với thời-gian ; vì thiếu phương-pháp tồ-chức. Sở dĩ phải làm cấp-bách như thế, là vì lợi cho cả nông, cả thương, theo lời yêu-cầu của nhân-dân, nên lệnh nhà vua nghiêm-thiết lắm.

« Dưới sông Đồng-Nai phía Đông-Bắc, đậu hơn trăm chiếc bồng-thuyền, người ta gọi là chiến-thuyền, chưa kè đến ghe trắn, là những ghe vận-tải. Trên bờ còn di-tích những xưởng, đóng chiến-thuyền. Người ta còn nhắc công-nghiệp chúa Tàu-Phụng, chúa Tàu-Long, là những tay kỹ-sư người Pháp. Nhờ có Hải-quân đại đội, vua Gia-Long mới khôi-phục được Phú-xuân-Kinh.

« Còn những chiếc ghe trắn, ngày xưa dùng chở sắt, chở đồng ở Bắc về, đưa vào lò, đúc thành những súng kiều Tây, hiện còn bài-trí trên các cửa thành : Bá-đa-Lộc, có tước Quận Công, đã chủ-trương việc ấy.

« Theo lời người ta kè lại, trước khi xây thành Gia-định chốn ấy chỉ là một giải rừng hoang, chưa có dấu chân người, chỉ có hươu nai ở. Ngày nay đã thành đô-thị, mà dân vẫn gọi là xứ Đồng-Nai. Nguyễn-phúc-Hoặc, chúa Đường-trong, đã cải-tạo non sông, làm cho khách phương xa không nhìn ra dấu cũ.

« Tuy đã thành một nơi phồn-thịnh, song lối vận-tải cũng như lối giao-thông, chưa có những phương-tiện văn-mình còn dùng vai cánh của người, hay là dùng bò dùng ngựa.

« Nhân số có 18 vạn, trong số ấy, có một vạn rưỡi Hoa-kiều. Hạng người này, làm đủ cả các nghề : vừa bán, vừa buôn, có người đè cả nhà hàng tạp hóa trên vai, đi khắp thôn quê ; có người chỉ ngồi một nơi, đổi bạc, đổi tiền, như một nhà ngân-hàng, hóa-tệ xứ này lưu-chuyền trong tay người ấy cả ».

* * *

TIẾT THỨ V

Nhật-ký về nhân-vật

« Sở-dĩ bạn Hoa-kiều bao chiếm cả các nguồn kinh-tế, là vì người bốn xứ chưa biết cạnh-tranh ; nguyên-liệu rất nhiều, mà vẫn đề cho người ngoài lợi-dụng. Chánh-phủ cũng không đặt bảo-hộ (15) quan-thuế chỉ chính-thâu theo thành-kiến, nghĩa là không châm-chước cho hợp-thời.

« Một ngày kia, tôi vào thành địa-chủ, theo bòn-phận một người khách lạ, tôi nhờ lính cảnh-sát đem đường. Khi đi qua trước một tòa nhà, nguy-nga như một ngôi chùa, tôi thấy người bạn hành cất nón cùi đầu, tôi cũng đưa mão lên, làm theo như giống khỉ. Thấy tôi cung-kính, người ấy chỉ-thị cho biết : Hành-cung này, là nơi vua trú-tất, tuy vua ở Huế, mà thần dân thường chiêm-ngưỡng, những ngày có tiết lễ, vẫn đến vọng bái ngoài sân.

« Phía tả Hành-cung, là dinh quan Tòng-trấn, vào khỏi cửa, có một trại lính, như một nhà giam, không có binh khí, cũng không có vẻ nghiêm-trang. chỉ thấy đè gông, đè cùm, còn lính thì ngồi chơi, với mấy người đến chờ quan trên đồi hỏi. Sau khi tôi đưa danh-thiếp, chẳng bao lâu thì được phép vào. Lính ở ngoài hướng-dẫn đến lính hầu trong ; đi qua một cái sân lót gạch ba-tràng, vừa đến một tòa nhà, cả 5 gian đều giữ sáo đò vẽ hoa, như không muốn cho người ngoài thấy người trong, là những vị thần, đương phò-hộ cho dân một xứ.

« Bên tả cũng như bên hữu, trên hai bộ ván trải chiếu kế đó, ngồi mỗi bên ba bốn ông già, khăn đen áo dài, nhìn như pho tượng vậy. Ngay gian giữa, trên một bộ ngựa cao, ngồi một vị tóc bạc râu dài, đưa đôi mắt nhìn tôi, tỏ ý đương chờ khách đến. Vội-vàng đứng dậy, đưa tay cho tôi bắt, rồi chỉ bộ trường-kỷ, ý muốn mời ngồi ;

(15) Bảo-hộ quan thuế.— Theo chánh-sách Nhật-bản, đặt bảo-hộ quan-thuế để đánh thuế hàng nhập-cảng cao hơn hàng xuất-cảng.

song tôi chưa ngồi, vì còn chờ người thông-ngôn, và chờ sắp những đồ tặng-hảo.

« Vừa thấy người nhà đưa ra một quả bánh phong giấy sắc, một khay nước trà sôi ; khách phải chờ cho đi hơi, để uống cho vui lòng chủ. Sau những câu xâ-giao thù-phụng, tôi mở ván-đè thuế hải-quan, vị Phó-vương chém-chím cười, rồi đáp lại rằng : « Tùy từng thứ hàng, có thứ đánh theo lượng, có thứ đánh theo phầm. Xuất-cảng cũng như nhập-cảng, chúng tôi sẽ làm đủ bồn-phận cho Quý-khách vừa lòng ».

« Về đến thuyền, vừa thấy một người hương-chức đến báo : « Xin sắm trầu rượu, để làm « lê hạ dây ». Mai lại, thấy tôi cung-đốn phu-phì, quan-viên mới kéo dây đeo, rồi đồ con toán mất mấy giờ, bắt nạp mỗi thước khối (covid) 160 quan (80 đô-la I-pha-nho), lại còn thêm tỷ-lệ 3 phần trăm cho quan-viên, gọi là tiền phù-lưu, và 1 phần trăm cho hương-chức nữa. Quan-viên nữa say nửa tỉnh, cãi cọ nhau luôn ; đến lúc ra về, còn đe kỷ-niệm lại trên thuyền : những dấu nước trầu, từ trước mũi ra sau lái.

« Cách một ngày, tôi lại đến dinh Tồng-trấn, để xin giảm thuế hải-quân ; theo số thước tắc đã đo, thì chiếc Phò-tăng-Lanh (Franklin) phải nộp 2.929 quan, còn chiếc Ma-mi-ông (Marmion) chờ nặng hơn, chưa nói đến các thứ hàng đánh theo phầm nữa.

« Sau nửa giờ đàm-phán, tôi nhận thấy vị Phó-vương không có tánh-chất sáng-kiến, chỉ biết giữ theo lệ cũ, không biết tùy thời ; i dầu có rán ngồi, cũng chỉ nghe lắp lại những câu hôm trước. Khi tôi đứng dậy, người thông-ngôn nói nhỏ với tôi rằng : « Nay mai, vị Tồng-trấn sẽ cho người về Kinh, đệ sớ tâu về quan-thuế ». Tôi hiểu ý, xin gửi phụ một lá thư riêng, và gửi dâng lên vua một vật tôi đã có lòng sắm săn.

Ngày 20 tháng 11 năm ấy (1819), Va-ni-ê (Vannier) ở Huế phúc đáp rằng : « Tôi đã nhận được thanh gươm, cán ngà khám ngũ kim, và đã dâng lên, vua Gia-Long truyền viết thư cảm tạ. Tiếc vì bệnh vua, càng ngày càng trầm-trọng, nên vẫn-đè quan-thuế, chưa có thè giải-quyết, cũng chưa có thè cải-lương... » Dưới chữ ký, Va-ni-ê còn

viết thêm rằng : « Sở-dĩ chậm trả lời, là vì phải đi vào Hán, đưa Sê-Nho (Chaigneau) (16) về Pháp ».

Đọc lá thư vừa hết, thì nghe báo quốc tang : vua Gia-Long thăng hà, sau 18 năm cầm quyền thống-trị... ».



(16) **Nguyễn-văn-Thắng** (Chaigneau).— Theo liệt-truyện chính-biên, Nguyễn-văn-Thắng sang Việt-Nam từ năm 1789, sau làm chức Trung quân Chánh-quản Long-phì đồng thuyền. Khâm sai thuộc Nội Cai-cơ, Thắng-toán-Hầu. Vợ người Việt-Nam, có 7 con. Báo Đô-thành Hiếu-cô năm 1920, có đăng sự-tích.

BÌNH LUẬN

Hơn hai mươi năm tranh đấu, tích-cực mạo-hièm, tích-cực hy-sinh, mà không phải đi chinh-phục đất nước của người, Vua Gia-Long chỉ khôi-phục cái quyền sở-hữu.

Tiếc cho Bá-đa-Lộc mất trước, không được thấy thành công. Có người lại tiếc cho vua Gia-Long ngày thành công không có Bá-đa-Lộc. Nếu ngày ấy có Bá-đa-Lộc, thì đã bấy kẽ hoạch, nhờ nước Pháp đứng trung gian, giới-thiệu với liệt-cường, công-nhận cho nước Việt-Nam độc-lập. Vua Gia-Long khôi phái gửi « trấn-tình biều », xin làm tôi với nhà Thanh : Núi Thái, sông Hoàng, chỉ là hoa trong gươong, trăng dưới nước.

Nói như thế, là nhìn vào lợi, mà không nhìn vào nghĩa. Theo văn-minh Đông-Á, nghĩa-vụ trước lợi-quyền. La-vờ-dǎn (Henri Lavedan) người Pháp có nói câu : Làm theo nghĩa-vụ, khi nào cũng có chỗ tự-đắc tự-hào ; đâu thất bại cũng không có chỗ nào hối-hận. Theo Không-giáo, nước nhỏ phải chịu nước lớn vua Gia-Long gửi trấn-tình biều, là làm theo nghĩa-vụ, đối với nước, đối với dân, giữ cho được hòa-bình, chỉ xin nhà Thanh công nhận nước Việt-Nam, còn quyền nội-trị, thì có phải xin ai tùy tài-năng mà tự-chủ.

Huống trong thời đại ấy, các nước bên Âu-châu đương tranh đấu trước lợi-quyền, bạn trở ra thù, đồng mà không hòa, chính những nước đồng-minh trở lại đánh nhau, chẳng những là nước lớn đánh nước nhỏ. Dẫu Bá-đa Lộc còn sống, cũng không chắc vua Gia-Long có đi đôi với liệt-cường Âu-tây.

Âu, Á, quan-niệm trái nhau, các nước ở phương Đông lại hòa mà không đồng, không có nước nào liên-đới đồng-minh với nước nào, không lập một nước riêng, người Âu, Mỹ, cũng như người Trung-Hoa đều được thương-mại tự-do, thuế quan không phân biệt.

Vẫn biết thủ-công không có thè cạnh-tranh với cờ-khi, như bên năm 1639, Mạc-Phủ nước Nhật đã ra lệnh : cấm dân thông thương với các nước ngoài ; vua Gia-Long chẳng cấm dân ; cũng chẳng khuyên dân, duy không kết bạn với nước ngoài, cũng không đặt bảo-hộ quan-thuế ; chẳng

những chìu nước lớn, mà còn chìu cả nước nhỏ nữa. Mạnh-Tử nói : « Nước nhỏ biết chìu nước lớn, thì được hòa-bình cho đất nước nhà ; còn nước lớn biết chìu nước nhỏ, thì được hòa-bình cho cả thiên-hạ ». »

Vua Gia-Long tự hận-chế lòng tham-dục, yêu-chuông hòa-bình sau ngày được thụ-phong, vẫn không vin lấy thế-lực nhà Thanh để bức hiếp những dân-tộc thiêu-số. Mà nhà Thanh cũng không theo chế độ phong-kiến, để thi-hành chánh-sách thực-dân ; hoa-kiểu ở đâu vẫn tự lấy năng-lực cá-nhân, không ỷ-lại vào binh-quyền của tö-quốc. Thành thử dầu có thâu ít nhieu mối lgi, chúng ta cũng vẫn vui lòng, vì nhìn nhận chúng ta là chủ-nhân-ông, nên gọi Hoa-kiểu là chủ-khách.

Nhờ bản Nhật-ký của Hòn-Viết, làm chứng cho lòng quang-đại của chúng ta, chẳng đố-kỵ cũng chẳng cạnh-tranh, đối với hoa-kiểu, như đối với người trong một gia-dinh ; theo chung một pháp-luật cả.

Nhờ bản Nhật-ký ấy, chúng ta được thấy lại một trấn rắn tr: óc, cả chính-trị, cả ngoại-giao ; sở-dĩ vua Gia-Long chịu khuất dời chế độ nhà Thanh, không phải vì lợi-quyền mà chỉ muôn hòa-bình, như Lão-Tử đã nói : « Muốn tạo hạnh-phúc cho nhân-loại, thì lui một thước, hơn tời một tấc ».



CHƯƠNG III

BẾ-MÔN TỰ-ĐẠI (TRIỀU-MINH-MẠNG 1820 – 1840)

TIẾT THỨ I

Đối với Pháp, đối với Anh

Nguyễn-phúc-Đởm, ngày 25 tuổi, vua Gia-long lập làm Hoàng-thái-tử, đã tự chuẩn-bị những phương-pháp nội-trị ngoại-giao, theo chí-hướng riêng, không theo thành-kiến. Ngày 29 tuổi, chính-thức đăng-quang ; áp-dụng những phương-pháp đã chuẩn-bị năm xưa, tự đổi quốc hiệu ra Đại-nam không thông qua với Bắc-kinh, có ý rời nhà Thanh, cũng như bên năm Bính-thân (1776), nước Mỹ rời nước Anh, để tự mình độc-lập.

Theo quốc-hiệu cũ, tức là đóng vai một nước chư-hầu ; thà đứng trước mò gà, hơn là ngồi sau đuôi trâu (1) ; làm vua nước Đại-nam, biết giữ chủ-quyền, dẫu chưa cường-thạnh như nhà Thanh, cũng đứng trên các dân-tộc thiều-số.

Năm Canh-thìn (1820), vua nước Pháp (Louis XVIII) cho Nguyễn-văn-Thắng (Chaigneau) đem phàm-vật và quốc-thư sang chúc mừng vị tân-quân, và xin thông-thương giao-hảo. Trong thư nói : «... Sớ-

(1) **Đứng trước mò gà.**— Chiến-quốc-sách có câu : « Ninh vi kè khầu, bất ninh vi ngưu hậu ».

dì Nguyễn-văn-Thắng sang làm Lãnh-sự, là vì có ý lựa chọn người mà Tiên-đế đã tin dùng... »

Người viết với người đọc, quan-niệm khác nhau ; vua Minh-Mạng chưa muỗn giao-thiệp trực-tiếp với một nước nào, trước khi có đủ binh thuyền đe tự-vệ. Khi được bức thư của Pháp-đế, mới sai một vị quan hầu, viết cho bộ Ngoại-giao (2) rằng : « Tiều quốc ở phương nam, Đại quốc ở phương tây, bờ cõi hai nước cách nhau xa, có mây lớp biển. Dân của tiều-quốc thiểu những phương-tiện đi sang Đại quốc, như ngày hoàng-khào đã cho đi ; vì vậy nên tuy liên-lạc có mây mươi năm, mà dân trong nước vẫn chưa thông chữ Pháp. Nay được thư của Đại-quốc, tiếc không có người dịch cho đúng nguyên văn ; thành-thử, quả-nhân chỉ hiều iờ-mờ, không dám tự cho là có hiểu.

« Còn vấn-dề thương-ước, thì có thè giải-quyết theo lối thông-thường : xuất-cảng, nhập-cảng, nước Đại-nam đã có lệ-định rõ ràng, các nước ngoài vẫn đã áp-dụng xưa nay, nếu muốn khởi phiền-phức cho cả hai bên, quả-nhân tưởng không nên lập thêm, hay là lập riêng một thương-ước khác... »

Hai năm sau (1822), chiếc Cờ-lê-ô (Cléopâtre) chiến thuyền Pháp, vào cửa Đà-nẵng, viên Tư-lệnh thuyền-trưởng (Commandant Courson de la Ville Héllio) muỗn trực-tiếp với vua ; có Nguyễn-văn-Thắng làm tay trong mà vẫn không xin được phép.

Tháng 7 năm ấy, thi-yền Anh-cát-lợi cũng đến, song không được dễ-dàng như Xiêm-la, đã vận-động mở cuộc thông-thương, mà bị Hải-vân-quan đóng cửa.

Thấy rõ chánh-sách ngoại-giao của vua Minh-Mạng, dầu ở lại, cũng chẳng ích gì ; Nguyễn-văn-Thắng, Nguyễn-văn-Chấn, đều xin về, ngày 15 tháng 11 năm 1824.

(2) **Thư gởi đến bộ ngoại-giao.** — Vì thư của Pháp-Hoàng viết bằng chữ Pháp, nên vua Minh-Mạng trả lời bằng chữ nho. Tại Pa-ri, Abel Rémusat dịch lá thư này ra chữ Pháp, hiện còn tại viện Tàng-cố. (Theo bản Notions d'Histoire d'Annam của B. Maybon).

Thấy nguyễn-liệu dòi-dào cho các ngành công-nghệ, như mèo thấy mõi, nước nào cũng dòi-ngoé bên ngoài ; năm Ất-dậu (1825), vua Lu-Y (Louis XVIII) cho Thủy-quân Đại tá Bu-ganh-Vinh (de Bougainville), đem quốc-thư và phàm-vật sang, đi 2 chiếc-thuyền, Tê-ty (Thétis) và Ét-pê-răn (Espérance), đều vào cửa Hàm, đê tìm cách đến Kinh-dô thương-thuyết.

Vua Minh-Mạng thấy nước Pháp nước Anh đương xung-đột, mà năm trước đã từ-khước nước Anh ; nên sắc (3) cho các quan tỉnh Quảng-nam, lụa lời từ tạ Bu-ganh-Vinh, nhưng phải cung-đốn cho phu-phí.

Tuân theo mật lệnh, các quan tự mở màn đàm-phán, theo lối ngoại-giao : « Thủy-quân ở xa đến, địa-chủ lấy làm hân-hạnh, có dịp đến tặng thồ-nghi : mấy cặp heo bò, mấy cây hàng lụa. Còn quốc-thư, vì trong nước không hiểu chữ Pháp, nên gởi về Kinh cũng chẳng ích gì ».

Năm sau (1826), Pháp-Hoàng còn cho Mi-sen (Michel Chaigneau), con người anh Nguyễn-văa-Thắng, sang làm Lãnh-sự, cháu thay chân chú, đê giữ địa-vị cũ trên đất Việt-Nam ; chẳng ngờ mới đến Sài-gòn, đã bị quan Tông-Trấn Nam-kỳ (4) không công-nhận. Mi-sen phải trở về Pháp, tức là ngày hai nước tuyệt-giao.

TIẾT THỨ II

Đối với Mỹ

Năm Nhâm-thìn (1832), chiếc thuyền Mỹ vào vùng Lãm tỉnh Phú-yan, có sứ-thần, có quốc-thư, đê xin thông thương giao-hảo. Tin ấy đến Huế, cả triều lo nghĩ, chưa biết nên đối-đãi thế nào, mới tâu lên

(3) **Sắc của vua Minh-Mạng.**— Theo Minh-Mạng Chính-yếu.

(4) **Nam-kỳ.**— Theo Thật-lục chính-biên, chữ Kỳ có từ triều Minh-Mạng.

vua, xin cho Nguyễn-tri-Phương và Lý-văn-Phúc, hai thuộc viên bộ Hộ, đi vào hội đồng với các quan địa phương, để xét tánh tình người Hoa-kỳ, để tiêu đồng-tất.

Sau cuộc điều-trá cẩn-thẬt, Hội đồng tư trình về Cơ-mật rằng : « Trên thuyền Mỹ, có người tên Nghĩa-đức-Môn (Edmond Rober) và tên Đức-Giai (Georges Thompson), vâng mẠng-lệnh Quốc-trưởng nước Hoa-kỳ, đem thư sang, yêu cầu được lập thương-ước (5). Hai người ấy cù-chì nhã-nhận, có vẻ văn-minh ; duy bàn quốc thư chúng tôi đã dịch ra chữ nho, đính theo đây, thì có nhiều câu không hiệp .thè tấu đối ».

Bức quốc-thư của nước Mỹ (bản dịch chữ nho) :

« An-đô (André Jackson) Tòng-thống nước Mỹ, kính gửi sang Bạn Chí-quí Chí-tôn.

« Tôi giao bức thư này cho ông Nghĩa-đức Môn, là một công-dân xứng-đáng của Hiệp-chung-quốc, và là Đặc-sứ của Mỹ-lợi-kiên.

« Tôi mong Bạn Chí-quí Chí-tôn, lấy lòng nhân đức, và đặt tín-nhiêm vào người thay mặt cho tôi, khi người này cam-đoan tấm lòng thành-thực của tôi, đối với Bạn Chí-tôn Chí-quí.

« Vì muốn bảo-đảm cả các phương-diện, cho nên tôi có đóng ấn Hiệp-chung-quốc vào bức thư này.

« Viết tại thành Hoa-thịnh-đốn, ngày 21 tháng 1 năm 1832, tức là năm thứ 56, kè từ ngày nước Mỹ ly Anh độc-lập.

« Thừa lệnh của vị Tòng-thống, Quốc-vụ-Khanh : Lê-vinh-Tôn (Ed. Levingston) ký thế và áp quốc ấn ».

Viện Cơ-mật tra-cứu lại 13 năm trước, Hòn-Viết đã đến Sài-gòn, có gởi về dâng lên Tiên-Hoàng, một vật báu của Mỹ. Nay Nguyễn-Môn đến, bất ngoại là tìm lối giao-thông, để lập thương-ước riêng ; bàn phúc lại cho Hội đồng biết rằng : « Hoàng-đế chuẩn cho Nguyễn-

(5) **Nghĩa-Đức-môn-Đức-giai**.— Trong Tuật-lục Chính-biên đã phiên tiếng Mỹ ra chữ nho ; tuy không đúng, mà vẫn là tên trong sử.

tri-Phương, Lý-văn-Phúc, quyền lãnh chức Thương bạc, để giao-thiệp với Đặc-sứ Mỹ, thay mặt cho Chính-phủ Đại-nam. Nếu nước Mỹ muốn thông-thương thì cứ theo thề lệ hiện hành, và thuyền phải vào vịnh Trà-son (cửa Hàn), để cho tiện bờ kiềm-soát ». — Sau khi được lệnh, thì thuyền Mỹ nhô neo đi.

Cách 3 năm, nhà cầm quyền Mỹ ký thương-ước với Pháp với Anh với Hà-lan ; còn phái giao-dịch hàng-hóa với Á-đông, mới phái sang một sứ-đoàn, cũng đặt Nghĩa-đức-Môn làm Đoàn-trưởng.

Năm Bính-thân (1836), thuyền Mỹ đến Xiêm ; được trêu vua hoan-nghinh ; ký liền một bản thương-ước. Ngày 20 tháng 4 năm ấy, Nghĩa-đức-Môn đến vịnh Trà-son, tuân theo huấn-lệnh năm xưa, kỳ này, sứ-đoàn mong cho được thành-công hơn kỳ trước.

Vua Minh-Mạng hỏi Thị-lang Hoàng-Quýnh : « Nên tiếp sứ-đoàn Mỹ cách thế nào ? »

Muốn cho vừa ý bờ Trân, nghĩa là không giao-thiệp với người Âu người Mỹ, Hoàng-Quýnh mới tâu : « Theo với bức thư năm trước, thì người Mỹ quỷ-quyết lắm. Đời nhà Hán không muốn cho Hung-nô phía bắc vào, đã phải đóng chặt Ngọc-môn-quan (6) ; ngoài chánh-sách này, chúng tôi trộm tướng không có phương pháp gì hơn. »

Chẳng ngờ vua đã đòi chánh sách ban lại với Hoàng Quýnh rằng : « Kỳ này, nếu ta còn cự-tuyệt, thì người Mỹ sẽ cho dân-tộc ta hèn-nhát, sợ bạn phương xa. Vậy ta cho Đà-trí-Phú và Lê-bá-Thận, lãnh-chức Ngoại-giao, vào cửa Hàn rước sứ-đoàn của Mỹ ».

Vâng mạng đi vào Đà-năng, chẳng may Đoàn-trưởng vi-hòa (7). Đà-trí-Phú cho người đến hỏi thăm, bệnh-nhân cũng cho người đi đáp tạ ; song vì mỗi ngày mỗi thêm trầm-trọng, cho nên thuyền Mỹ vội trở về.

(6) **Ngọc-môn-Quan.**— Là một cửa ải phía tây-bắc nước Tàu, về địa-phận tỉnh Cam-túc. Thơ Đường có câu : « Tống-thị Ngọc-môn-lĩnh ».

(7) **Vi-hòa.**— Là trong mình thủy hỏa không điều hòa, có bệnh

TIẾT THỨ III

Đối với tôn-giáo

Vì không muốn cho đạo Gia-tô truyền-bá, cho nên ngày tháng 2 năm Bính-tuất (1826), vua Minh-Mạng hạ Chiếu thư rằng : « Đạo đắc-ác của phương Tây, có thè biến-cải tánh-tình của dân bồn xú. Mấy năm nay, các thuyền sang thương-mại, đã đè lại trên đất, những Cha, Cõ, người Tây. Hạng người này, đã làm cho mê-muội lương-dân, hу-hại đến phong-hóa nǔa. Ta phải ngăn cấm, hễ ai không tuân huấn-lệnh, thì sẽ bị trọng hình ».

Năm Bính-thân, là năm Sứ-đoàn Mỹ đến Việt-Nam, vua Minh-Mạng còn ra huấn-lệnh nghiêm-thiết hơn : Hễ bắt được những Cha, Cõ, người Tây, tại chỗ nào, thì nhà chức-trách phải giết liền chỗ ấy. Ai còn dám dung-tung, sẽ bị xử chung một luật với người theo đạo Gia-tô.

Ngày 21 tháng giêng năm 1838, các đảng bè trên Giáo-hội, gồm mạt sớ (8) tâu với Pháp-Hoàng rằng : « Từ 180 năm nay, người Bồ-dào-Nha cùng chúng tôi, nối nhau sang truyền đạo ở Viễn-Đông. Tại Đường-ngoài, có 35 vạn người, tại Đường-trong, có hơn 10 vạn người, đã vào Giáo-hội. Trong thời-kỳ Bắc Nam tranh-đấu, vẫn đã bị tàn-sát nhiều phen. Đến năm 1802, vua Gia-Long lập thành nước Việt-Nam, thì chúng tôi được tự-do truyền giáo.

« Đến vua Minh-Mạng lên nối nghiệp, vì sẵn lòng ghét đạo Gia-tô cho nên coi giáo-sĩ là người thù, từ năm 1823 trở về sau, thi trừng-trí triệt-đè.

« Chúng tôi chưa kè đến người bồn-xú, chỉ kè người Pháp, đã có mấy trăm bị chém, bị xử lăng-trì ; có nhiều người mới bị bắt, chưa biết số phận thế nào ; vì trong lúc giam cầm, phải thú nhận những điều không có. Còn 3 người nữa, trong số ấy, có Đức Cha Ha-va (Harvard), đã thoát ngục trốn vào rừng ; sorsg sức già mòn, trót phải bỏ thây dưới hố.

(8) Mật sớ.— Theo báo Đô thành Hiếu-cô năm 1928.

« Chẳng những là người Pháp, mà các Giáo-sĩ Bồ-đào-Nha, cũng có 3 người xác thịt không toàn, đã bị giết một cách tàn-nhẫn.

« Dẫu ở đâu cũng vậy chúng tôi phung-sự Thiên-Chúa, phung-sự Quốc-Vương, ngày nào cũng mong Bệ-hạ giải-phóng giáo-đồ, để cho chúng tôi được an thân-thề an linh-hồn mà thờ Chúa ».

Ngoài bản mật sớ, còn có nhiều vị Giám-mục gởi thư riêng, báo tin cho Thủ-tướng Xun (Soult) biết rằng : « Vua Minh-Mạng sắp cho sứ-mạng sang Pháp ».

Đức Giáo-Hoàng ở La-Mã cũng cho người sang nhờ vua Lu-Y XVIII tìm cách điều đình với Sứ-bộ của nước Đại-nam ; để cho lương giáo tương an, loài người không vì đạo Gia-tô mà phải chết.

TIẾT THỨ IV

Sứ-bộ Đại-nam sang Pháp.

Vì muốn biết dư-luận ở Âu-châu, đối với nước Đại-nam, về vấn đề tôn-giáo. Cuối năm 1838, mới cho một phái-doàn sang Pháp sang Anh. Lụa Tôn-thất-Thường, người hoàng-phái làm đầu, Phó-sứ là Trần-viết-Xương, và 2 người thông-ngôn tiếng Anh, tiếng Pháp.

Vì không báo cáo trước, cũng không có ủy-nhiệm-thư, cho nên Pháp Hoàng không tiếp theo nghi-lễ ngoại-giao như tiếp sứ-thần các nước. Dư-luận đã xôn xao trên đất Pháp, ngờ là vì vấn-đề tôn-giáo, nên vua Lu-Y XVIII không tiếp sứ-doàn.

Ngày 26 tháng 11 năm 1840, báo A-mo-ri-can (Armoricain) (9) có đăng những đoạn sau này : «... Có 4 người lạ mặt, tự xưng là quan của nước Đại-nam, da vàng, răng đen, áo rộng tay, dài tật gót, mùi xanh, mùi lục, thêu những hình hoa hình chim... Bốn người ấy kẽ

(9) Báo A-Mô-ri-can.— Theo báo Đô-thành Hiếu-cô 1928.

chuyện rằng. Bên xứ họ, cả dân-tộc ưa chiến-dấu, trọng chiến-công ; trong nước binh nhiều, và có kỵ-luật... Các hải-cảng đều canh-phong nghiêm-mật, mấy đội thủy-quân thường-xuyên đi tuần-tiêu biển-cương... Hàng của các nước chở đến nhiều, mà bán được rất ít ; vì dân không thích dùng ngoại-hóa, còn nguyên-liệu cũng ít bán ra ngoài, hay là bin với giá rất cao, cho nên các nước Âu-châu không giao-thông thương-mại... Dân xứ họ giàu lòng tin-ngưỡng, thờ Thần, thờ Phật, thờ Thiên-Chúa, triều-đinh cho được tự-do... »

Nhiều báo lại đăng những bài công-kích, có đoạn nói « Nước Đại-nam cũng như Trung-quốc, tàn-sát giáo-đò theo đạo Gia-tô ; đầu sao cũng có cuộc báo thù, muộn hay là sớm .. ». Vì Chính-phủ có can-thiệp, hay là có mật lệnh thế nào, sợ nói thật mất lòng, nên mấy kỳ sau, không thêm bài khác nữa.

Sứ-bộ toan sang Anh-cát-lợi, vừa được tin vua Minh-Mạng giàng-hà ; phải vội trở về, đe lanh mang-lệnh của ngôi vua khác.



BÌNH-LUẬN

Triều Minh-Mạng, về ngoại-giao, Trân-trọng-Kim có phê-bình rằng : « Nước mình, lúc bấy giờ, ai cũng chỉ biết nước Tàu là văn-minh hơn, còn thì cho là dã man cả ». Những lời ấy, chỉ đúng cho Hoàng-Quýnh ; còn theo lịch-sử, chúng ta vẫn hoài nghi. Chẳng nói gì về thế-kỷ thứ 17, chúa Nguyễn, chúa Trịnh, đã giao-thiệp với người Âu như năm Kỷ-Tỵ (1749), Nguyễn-phúc-Hoặc, (Hiếu-Võ) tiếp thư của Pháp Hoàng, thì phúc dáp liền, xin kết tình thân-thiện. Chúng ta xét về cận-đại như vua Gia-Long, ngày còn làm chúa Đàng-trong, cũng đã giao-thiệp với các nước ngoài, tại thành Sài-gòn, có nghinh-tân quán. Duy không kết bè kết bạn, vì nhận thấy về kinh-tế, dân tộc Việt-Nam còn phải đứng sau người ; nào có dám khinh ai huống còn phải lo nội-trị trước.

Vua Minh-Mạng đã lập ty « Tú-dịch », cho học tiếng các nước Âu-Châu, đã chuẩn-bị ngoại-giao, năm Bình-Thân (1836), thương thuyền của Anh bị phong-nan tại Phan-Rang, vua cho Nguyễn-tri-Phương hộ-tống đến Hạ-châu, cũng năm ấy, cho Đào-tri-Phú vào Hàn rước phái đoàn của Mỹ.

Trong Tạp-chí của ngoại-vụ Mỹ, ngày tháng giêng năm 1939, Cốt-Tiên (Scoutin) làm Phó-lãnh-sự tại Sài-gòn, có đăng một bài, nhan đề là : « Người Mỹ quý quyết lâm ». Cố nhắc lời của Hoàng Quýnh, tâu với vua Minh-Mạng, đề viết lại chuyện cũ, có một đoạn thế này : « Nếu năm 1832, triều-dinh nước Việt-Nam, vui lòng tiếp đãi Nghĩa-đức-Môn, thì cái mầm ngày ấy, đến nay hơn một trăm năm, gốc đã vừa ôm, những hoa sen nở dưới hoàng thành, dẫu bị gió táp mưa sa, cũng đã có đại thọ kia che đỡ ».

Song xét cho đúng sự thật, mỗi sự xảy đến, có nhất định một thời-ky : như hoa nở theo mùa : sen nở mùa hè, cúc nở mùa thu, dẫu thay gió xuân mà phù-dung tự biết chửa đến thời-ky, cũng chẳng oán phẫn mình sao chậm nở. Triều-dinh Việt-Nam chưa được tiếp Phái-đoàn Mỹ năm 1836, không phải tự vua, cũng không phải tự quan, mà tự ý trói ; nếu Nghĩa-đức-Môn thọ thêm (10) một thời-ky chửa tạ thế lại Mã-Cao, thì

(10) **Thọ Thêm.**— Theo tài-liệu của Bộ Ngoại-giao Mỹ, báo Đầu-thanh Hiếu-Cô đã dịch và đã đăng trong năm 1941, thì ngày 12 tháng 6 năm 1836, Nghĩa-đức-Môn tạ thế tại Mã-Cao : Ken-Di (Kenrdy) ở Quảng-Đông, có bao tin cho Tổng-Thống Mỹ biết.

Cốt-Tiên khôi tiếc cho Triều-dinh Việt-Nam, mà tên của Hoàng-Quýnh cũng khỏi dăng trên Tạp-chí.

Vua Minh-Mạng chưa giao-thiệp với người Âu người Mỹ, cũng như chưa cho truyền đạo Gia-tô ; vì nhại thấy văn-hóa của Đông-Tây chưa đến thời-kỳ dung-hiệp. Nếu tự người cưỡng bức, thì không phải chiến-tranh. Vì muốn giữ cuộc hòa-bình, nên vua Minh-Mạng phải duy trì lấy tinh-thần cõ-hữu. Lấy thiên-luân làm đạo-lý ; quân-thần bằng hữu, là xã-hội p'ụ-tử phu-phụ, huynh-de, là gia-dinh ; còn ngoài ra theo ý vua Minh-Mạng tín-người-ông là về phần riêng của cá-nhân, dầu có giết những người không theo chung một tư-tưởng với mình, cũng không quan hệ gì đến ngoại-giao, người với người, không phải là nược với nước.

Về văn-đè tôn-giáo, Trần-trọng-Kim cũng có phê-bình : «... Một ông vua hùng-cường nghiêm-thiết. khi đã cấm mà không được, tất là phải giết. Cũng vì lẽ ấy, cho nên ngày trước, vua P'ii l'ip (Philippe II) của I-pha Nho, vua Lu-Y (Louis XIV) của Pháp, đã sát hại biết bao người theo thê-phản-giáo, nào có phải vua Minh-Mạng là đầu... »

Song nhà phê-bình chưa xác-nhận đến ánh-hường giết người ; đối với thời-gian, đối với không-gian, ánh-hường ấy thường còn theo nhân-loại. Các vua đã giết người theo đạo Thiên-Chúa cũng như Tân-Thùy-Hoàng giết hại nhà nho, đốt những sách lưu truyền, chôn sống những người theo Không-giáo. Nào ngờ chưa đầy nửa thế-kỷ, thì cơ-đồ nhà Tân về nhà Hán, nho-giáo lại càng thạnh hơn xưa. Không phải giết người là diệt-trù được đổi-phương, lịch-sử chiến-tranh dù làm bằng chứng.

Ngày xưa, vua nước Lương hỏi ! « Thiên-hạ bao giờ hết chiến-tranh ? Mạnh-Tử tâu rằng : « Thiên-hạ sẽ quy-thuận với một người, là người không muốn giết người, không muốn chiến-tranh ».

Huống giết người không phải chỉ giữa cuộc chiến-tranh, mà chính ta đã gây ra cuộc chiến-tranh. nghĩa là tao-nhân, vì lòng kiêu-căng, hay là vì lòng tham-dục : giết người bằng chính-trị, giết người bằng kinh-tế, giết người bằng những cách gián-tiếp, lại càng thảm hại hơn, không phải người thù giết người thù, mà giết người không thù, có khi đồng bào trở lại giết đồng-bào, mà không tự biết.

Vua Minh-Mạng nhận thấy những điều lầm-lỗi, năm Mậu-Tuất (1838), cho Tôn-thất-Thường sang Pháp, mở lối ngoại-giao. Tiếc vì Tôn-thất-Thường không biết ngoại-giao, nói dối mà muốn người nghe, trót đe một trò cướp trên đất Pháp.

CHƯƠNG IV

NGOẠI-GIAO BẰNG SÚNG (Triều Thiệu-Trị 1841-1847)

TIẾT THỨ I Giao-thiệp với Pháp

Sứ-bộ về chưa đến, trên ngai vàng đã có vua khác lên ngôi. Ngày 21 tháng giêng năm Tân-Sửu (12-2-1841) Hoàng-trưởng-Tử Mân-Tông (1) làm lễ thay tên, (2) mở bảm sách vàng, lấy chữ « Triển » làm hoàng danh, lưa hai chữ Thiệu-trị làm hoàng-hiệu.

(1) **Mân-Tông.**— Năm 1823 sau khi đúc cái bửu vàng (Hoàng-đế-chi bửu) để truyền kế, thì vua Minh-Mạng bày phép đặt tên, chạm vào một bản sách bằng vàng 20 chữ : Mân, Hồng, Ưng, Bửu, Vĩnh. — Bảo, Quý, Định, Long, Trường.— Hiền, Năng, Kham, Kế, Thuật,— Thể, Thoại, Quốc, Gia, Xương. Từ ngày ấy, nhà vua mới có tên đôi, tên hai chữ. Chữ đầu, là chữ sẵn trong bản Kim Sách, tức là tên chung; chữ sau, là chữ của gia-đinh đặt cho, tức là tên riêng. Như : Mân-Tông, chữ Mân là tên chung, chữ Tông là tên riêng. Theo thứ tự 20 chữ trên đây, thì từ đời con đời cháu trở về sau, cho đến đời thứ 20, mỗi đời mỗi chữ (Theo Minh-Mạng Chánh-yếu.)

(2) **Lễ thay tên.**— Cũng năm thứ tư triều Minh-Mạng (1835), nhà nước chạm trong một bản sách bằng vàng 20 chữ là : Triển, Thị, Thành, Hạo, Minh, Biện, Chiêu, Hoảng, Tuần, Điều, Trí, Tuyên, Giản, Huyền, Liên, Chất, Tích, Yến, Hy, Duyên.— Trước bản sách vàng, vua Minh-Mạng chạm một bài tựa, để giải ý nghĩa của nhà nước : « Hai mươi chữ trong bản sách này, toàn về bộ Nhật (mặt trời), là tên 20 vị vua, kể từ

Cũng năm ấy, có thuyền Pháp đến vịnh Trà-Sơn, hỏi dò lõi chính-trị của tân-quân, rồi nhò neo đi ; vì chẳng thấy hành-động theo lối nhà binh, nên không có ai đè ý.

Vua Thiệu-Trị đã nghe dư-luận ở Pháp, ngày Sứ-bộ đi về ; thế mà trong các nhà tù, vẫn còn đầy người Thiên-Chúa-Giáo.

Ngày tháng 2 năm Quý-Mão (1843), một chiếc thuyền Pháp lại đến Đà-Nẵng, chủ thuyền là Lê-Viết (Favia Léviique) biết rõ trong nhà lao ở Huế, hiện giam 5 giáo đồ người Pháp, gởi thư xin Chính Phủ tha ra ; theo lá thư này, Lê-Viết muốn mở lối ngoại-giao, để điều-định với nhà chức-trì h.

Thấy có hiệu-quả, hai năm sau, Xê-Xin (Céille) Thiếu-Tướng Hải-quân, coi đạo binh tại Thái-bình-dương, cho một chiếc chiến-thuyền đến Trà-Sơn, xin tha cho Giám-mục Lơ-Phe (Lefèvre), vì này bị án tử hình, và đã bị giam hơn 11 tháng,

Kỳ này cũng như kỳ trước, lời thỉnh-cầu vẫn được vua Thiệu-trị chuẫn y ; vì có ý sự cương-quyền, nên vua vui lòng nhượng bộ.

TIẾT THÚ II

Tiếng súng đầu tiên

Năm Đinh-vi (1847), La-Pe (Lapierre) cùng Thủy-quân Thiếu-Tướng, sang thề Xê-Xin : Giao-Hội gởi đơn kêu, vì một phần đông, còn bị giam trong ngục. La-Pe không tôn-trọng đến quyền nội-trị,

con ta trở xuống. Trước khi lên kế vị, phải làm lễ « thay tên ». Bỏ tên cũ, là tên hiện có trong gia-dinh, lấy một chữ : theo thứ-tự trong bản sách này làm tên, tức là tên một vị vua, tên theo bộ Nhật. Mang tên mới, lên chiếc ngai vàng, chịu nhận sứ-mạng của Trời, làm con Trời, không phải là người trong g-a-hình như ngày trước nữa ; đầu bắc, đầu chúa, đều phải trở lại làm tôi, cung như dân trong nước vậy. Đối với dân, đối với nước, vua phải chịu hoàn toàn trách-nhiệm nghĩa là phải chịu hy-sanh trước chiếc ngai vàng, bè không chết tại ngai vàng, thì nhà nước không thờ vào Thổ Miếu ».

cũng không theo lối ngoại-giao, bèn phái một chiếc chiến-thuyền đến cửa Hán, đưa 6 giáo-sĩ lên bờ, và một phong thư, tỏ mặt nhà binh, muốn dùng vũ-lực.

Thấy cách cù-chì của mấy người khách lạ, quan tỉnh Quảng-nam phát mā-thượng ra tâu. Vua sai Lý-văn-Phúc (Tham-tri bộ Lê) lập-tức vào Hán, hội-đồng với Nguyễn-đình-Tâu (Thú-hiển) và Nguyễn-đức-Chung (Lãnh-binh), mời bạn ấy đến điều-định, yếu cho ôn-thỏa.

Theo ngày giờ của Hội-đồng đã định, Trưởng phái-đoàn đi với 4 thủy-bin, đến tại công-đường, trao phong thư đã dịch sẵn ra tiếng Việt-Nam, cho thông-ngôn đọc. Cầu đầu là bắt triều-định cho tự-do truyền-giáo, cầu sau là viện theo lệ bên Tàu, vua Đạo-Quang đã hạ Chiếu cho dân-gian được lập nhà thờ, và được rước giáo-đồ sang giảng Thiên-Chúa-giáo.

Nghe những lời quá sắng, trái với thè-lệ hiện-hành, các quan Hội-đồng không dám nhận thư, cũng không biết đáp lại thế nào, chỉ lắc đầu, và lấy tay khoát. Trưởng phái-đoàn tỏ ý giận, nói lớn tiếng, múa cả hai tay. Thông-ngôn chưa kịp dịch hết lời, thì khách đã ra đi, không chào đia-chủ.

Lý-văn-Phúc nói : « Trên vua muốn chúng ta điều-định cho ôn-thỏa, theo lối ngoại-giao ; mà chúng ta đã chẳng biết điều-định lại đem về một bức thư này, thì nhuốc (3) mạng-lệnh nhà vua, tránh thế nào cũng không khỏi tội. Song thà chịu tội, chẳng thà gian-dối với vua ». Cả Hội-đồng mới dịch ra chữ nho, đem thư về phục mang.

Quả đúng như lời Lý-văn-Phúc, sau khi ngoại-lâm, vua nỗi trận lôi-định (4), giao cho đình-thần nghị tội. Muốn giải-quyết vấn-đề tôn-giáo, vua hỏi ý các quan ; song có ai dám tâu cho truyền đạo Gia-tô,

(3) **Nhuốc mạng-lệnh nhà vua**.— Sách Luận-ngữ có câu : « Sứ ư từ phương, bất nhục quân mạng ». Sứ-thần đến đâu, đừng để cho nhuốc mạng-lệnh nhà vua.

(4) **Lôi-định**.— Sách đã-truyện có câu : « Úy chi như lôi đình ». (Dàn sợ vua như sợ oai trời). Lôi-định là sấm sét.

đều nhìn nhau, rồi lựa lời thù-phụng : « Hoàng-đế đã thi ân nhượng bộ, mà người Pháp thi cường ; chúng tôi nghĩ nên phòng bị cửa Hòn, và kiềm-chế giáo-đồ, để cho dân an nước trị ».

Thuyền Pháp đậu chờ hơn nửa tháng chàng thay trả lời ; lại thấy ngoài vịnh Trà-sơn, có 5 chiếc tàu đồng đương dàn trận. Theo lời thám báo, vua đã hạ Chiếu, bắt hết giáo-sĩ người Tây, là đạo quân tiền phong, để thi hành theo chánh-sách của Tiên-Đế.

La-Pe cho người nói với quan tinh : « Nội 24 giờ, phải rút 5 chiếc thuyền vào ; bằng đê quá thời-kỳ, thì thủy-quân sẽ bắn ! »

Chưa được lệnh ở Huế, các quan không dám tự-tiện rút thuyền vào ; huống trên mặt biển, vẫn phải cầm-phòng ; song không thương-thuyết cho rõ-ràng, Thiếu-tướng không hiểu lý-do, ngờ là triều đình khiêu-chiến, bèn ra lệnh bắn, thì thấy các đòn lũy đều bắn trả lời.

Sáng ngày hôm sau, là ngày 15 tháng 4 năm 1847, Thiếu-tướng cho nhò neo ra đi, như có mật lệnh của nước Pháp, không cho quân thủy lên bờ ; còn quân ta, người bị chết, người bị thương, các đòn lũy đều bị tan vỡ ra tro, nhưng may chưa đến nỗi phải mất nước (5).

Tuy thuyền Pháp đã đi xa hải-cảng, mà vua Thiệu-trị vẫn lo, chưa biết họ sẽ trở lại lúc nào, vì thế cho nên mắc bệnh. Ngày 27 tháng 9 răm Đinh-vị (4-11-1847), vua Thiệu-trị thăng-hà.



(5) **Cả tiết thứ II.**— Chép theo dã-sử (chữ-nho), Lê-thanh Cảnh đã dịch ra chữ Pháp, và đã đăng trong báo Đô-thành Hiếu-cố năm 1928.

BÌNH LUẬN

Vua Gia-Long kiến-thiết quốc-gia, vua Minh-mạng tồ-chức cả các cơ-quan : lập Pháp và hành-chánh. Vua Thiệu-trị thừa hưởng cái đế-nghiệp cũ thè, đáng lẽ nước Đại-nam được thạnh vượng hòa-bình ; thế mà đã bị tiếng súng đầu-tiên, chúng ta muốn biết vị vua nào phải nhận phần trách nhiệm.

Quốc-gia nào cũng vậy, có lập-pháp, có hành-chánh, như một cá nhân có ý-chí, có hành-vi ; hành-vi sai lầm, là vì ý-chí không theo thời-thế. Sau khi nghe dư-luận ở Pháp, tức hoàn cảnh ở ngoại-giới đã biến-thiên ; thì tư tưởng ở nội-giới cũng phải biến chuyen theo, đe định ý-chí. Nay hành-vi của vua Thiệu-trị, mà ý-chí của vua Minh-mạng, chẳng khác nào hành vi hôm nay, mà theo ý-chí hôm qua ; hay là hành-vi của người này, mà theo ý-chí của người kia, đều không phải ý-chí của mình, mà mình vẫn phải mang trách-nhiệm.

Huống mỗi chánh-sách, chỉ hiệp với một thời-gian ; người cầm quyền phải canh-cái luôn, cũng như người gác đàn, tùy từng tiếng mà lên dây xuống dây, còn trung-thành với một chánh sách bất-hợp-thời, ấy là giao-trụ cõi sắt (6).

Một quốc-gia tất phải có thể-lực; muốn có thể lực, tă: phải có kim-tiền; có Phú-mới cõi ngang, như người Mỹ thường nói câu : « Kim-tiền là thể-lực mạnh nhất ». Huống vừa giàu vừa mạnh cũng chưa đủ, còn phải biết ngoại giao, nếu mõi hòa-bình, thì phải biết phương-pháp sống chung trên thế-giới.

Nước Đại-nam, lúc bấy giờ, chưa có cả ba yếu-tố, mà vua Thiệu-trị lại lầm theo chánh-sách của đời trước, đối với thời-gian nghĩa là đối với đời sau, vua Thiệu-tri vẫn còn phải mang trách nhiệm.

Cũng vì vẫn-dẽ trách-nhiệm, nên vua Minh-mạng đã lập pháp cho đời sau : bảy lẽ « thay tên » ; đe cho con cháu thấy rõ phần trách-nhiệm. Trách-nhiệm của vị vua, vị chúa, là trách-nhiệm thiêng-liêng, đối với nước, đối với dân, có hành-vi là có trách-nhiệm.

Nay vua Thiệu-trị đã nghe dư-luận, đã thấy cõi ngang-quyền thế mà chưa đổi phương-châm, thuyên không buồm mà còn đi ngược trào lưu, đến khi bị chìm, ông lái còn đồ lối cho ai, đã ngồi trên chiếc ngai vàng, phải nhớ lời của vua Nghiêu : « Một người dân không được ấm no, là ta mang tội cả ».

(6) **Giao Trụ Cõi Sắt.**— Trong truyện Liêm-Pha, có câu : «Giao trụ nbi cõi sắt ». Muốn nói những người gác đàn sắt, mà dùng keo sơn gắn chặt trụ đàn, không lên dây xuống dây được.

CHƯƠNG V

ĐÔNG TÂY QUAN-NIỆM KHÁC NHAU (Triều Tự-đức 1848 – 1883)

TIẾT THỨ I

Giao-thiệp với Trung-quốc

Hồng-nhậm (song danh), Hoàng-nhị-tử triều Thiệu-trị, tuân theo di-chiếu đăng-quang. Trước 1 gày tấn-tôn, đã mở bàn sách vàng, lấy chữ thứ hai là chữ «Thi» làm tên, và lựa hai chữ «Tự-đức» làm hiệu.

Tuy mới 19 tuổi, mà nho-học đã trứ-danh ; nói cho đúng hơn, thì chỉ là nhà giàu văn-liệu của Tàu, hay là giàu cò-diền. Vua Tự-đức tưởng chỉ dùng cò-diền, đủ phát-triều tinh-thần của quốc-gia, đủ trấn-át hạng thượng-lưu ; văn hay thơ, đủ làm cho nhà Thanh phải kính nhường, đủ làm cho thần-dân tôn-trọng nữa.

Quả như vậy, vua đã sùng-thượng văn-chương, thi sĩ-phu đều xu-hướng theo văn-chương ; còn về chính-trị, ngoại-giao cũng như nhà Thanh, chẳng có ai đề ý.



Vua Tự-đức

Năm thứ hai (1849), vua Đạo-quang đặt Lao-sùng-Quang, Áo-sát-tinh Quàng-tây làm sứ-thần, mang the sách sang Phú-xuân-Kinh phong cho vua Tự-đức làm Việt-nam Quốc-vương, đè vāng-lai triều cống. Sứ-thần ngoại-quốc đến Huế, kỳ ấy là đầu.

Vừa sứ-thần, vừa thi-sĩ, Lao-sùng-Quang trực-tiếp với các nhà thơ, nhất là Tùng-thiện-vương (1) Tuy-lý-vương (2) là hai vị hoàng thân (chú vua), và là hai nhà thơ bên Tàu vẫn đã nghe tiếng.

Ngày trở về nước, Lao-sùng-Quang tự công-bố với các bạn ở Quảng-tây rằng : « Thi đáo Tùng Tuy thất Thạch-đường ; thơ của hai nhà này nổi lên, thì thơ của đời Thạnh-đường mất tiếng ».

Vua Tự-đức càng tự tin, vẫn thơ đủ đối phó với các nước ngoài ; Nguyễn-trường-Tộ (3) đã tâu đến cơ-khí của Mỹ của Âu, mà vua không màng đè ý.



Tùng-thiện-Vương

(1) Tùng-thiện-Vương, Hoàng-thập-tứ-triều Minh-Mạng. Trước tác cả văn cả thơ, có 18 pho. Sinh năm 1918, mất năm 1870. Năm 1951, báo France-Asie số 58, có giới thiệu thơ từ cho thế giới.

(2) Tuy-lý-vương, Hoàng thập-nhất tử triều Minh-mạng. Tê danh với Tùng-thiện-vương.

(3) Nguyễn-trường-Tộ. Thế-kỷ thứ 19, người Việt-nam có tư-tưởng duy-tân, chả Nguyễn-trường-Tộ là một người Thiền-chùa-giáo, năm 1860, theo Đức cha Qua-đô-Dĩ (Gauthier) sang Pháp, có đến La-mã bái yết Đức Giáo-hoàng. Nhờ có thiên-tư đặc biệt, nên giỏi cả Phép văn, cả La-tinh, cả Hán-văn. Ngày trở về, điều tràn những kế-hoạch : Cứu-tế xã hội, cải-lương phong-tục, chỉnh-dốn binh-bị, nghiên-cứu ngoại-giao, Song vua Tự-đức chẳng tin dùng, bị thõ huyết đến mất. Sanh-bình

TIẾT THỨ II

Giao-thiệp với Tây-Âu

Năm Canh-Tuất (1850), thuyền Hoa-kỳ đến Đà-năng ; năm Ất-mão (1855), thuyền Anh-cát-lợi cũng đến, đều xin giao-hảo (4) thông thương ; song vua không cho, vì bất-đồng văn-hóa.

Năm sau (1856), nước Pháp ủy Lê-Hứa (Lebeur Ville sur Are) đem quốc-thư sang, chẳng những xin khai thương, lại xin giảng đạo Gia-tô nữa.

Vì bên năm 1851 — 1752, đã chém 3 Cố-đạo người Tây (Bonnard, Charbonier, Matheron), và một Giám mục người I-pha-nho (Diaz), lại vì đã giáng Dụ nghiêm cấm truyền đạo Gia-tô ; nên vua Tự-đức không biết đáp thế nào vấn-đề ngoại-giao với người Tây, không có thè đem văn-chương Tàu ra mà giải-quyết. Chưa giải-quyết được, thì phải chịu làm thính.

Cách hơn một tháng. Chẳng thấy trả lời ; Lê-Hứa mới cho người đến nói với các quan rằng : « Người Pháp đến với Quốc-thư, mà triều-dinh Việt-nam không giao-thiệp, không đàm-phán, có ngày sẽ phải giao-thiệp bằng súng, thì khỏi phải giao-thiệp bằng thư ».

Tuy tuyên-ngôn như vậy, nhưng nước Pháp còn cố gắng theo



Tuy-lý-Vương

Nguyễn-trường-Tộ thường tự rắn mình, có câu : « Không trung với tổ-quốc, tức thị không trung với bồn-thân ». Nay trên đất Nghệ-an là nơi Nguyễn-trường-Tộ sanh, còn tương-truyền câu ấy.

(4) Theo bản sử-lược của Trịnh-trọng-Kim.

phương-pháp ngoại-giao, đè tránh cho khỏi chiến-tranh ; ba tháng sau, mới cho Mông-ty-Nhi (Montigny), sứ-thần của Pháp ở Xiêm-la, đem quốc thư (5) sang, yêu cầu ba khoản : một là được tự-do truyền giáo, hai là được giao-thông thương-mại, ba là được đặt lãnh-sự tại Phú-xuân-Kinh.

Thư này càng khó trả lời ; chỉ có làm thính, là giải-pháp hay hơn hết. Song tự-nhiên thấy có nguy-cơ ẩn-phụ, vua Tự-Đức mới cho Đào-Trì (Chuông-vệ đạo binh Vũ-lâm) làm Khâm-sai, vào giữ Hải-vân-quan ; Trần-Hoàng (Cau-ông-vệ đạo binh Long-võ) làm Thống-lãnh cả các đồn, đè lâm thời đối-phó.

Theo giải-pháp của vua Tự-Đức, Mông-ty-Nhi vẫn đã dự-trù, và đã đoán rằng : không có lẽ đối-phương chịu đầu hàng trước khi giao-chiến. Đứng trước giải-pháp « làm thính » của vua Tự-Đức, nước cờ của người Pháp lại cao hơn, xuất quí nhập thắn, đi những nước không ai ngờ đến ».

Đầu năm sau (1857), Trần-Hoàng gởi sớ tâu rằng : « Có một chiếc-thuyền Pháp, vừa đến Trà-sơn, cho người lên néi với chúng tôi : triều-định không trả lời, tức là thừa nhận bức quốc-thư của Pháp. Nay Nã-phá-Luân đệ-tam cho sang một vị quan nhất-phầm, toan về Huế, đè ký một bản Hiệp-ước, theo 3 khoản của nước Pháp đã xin. Chúng tôi chưa biết đáp thế nào còn chờ huấn-lệnh ».

Bị nước cờ bí, vua phải trách cứ vào quan, mới phê vào lá sớ của Trần-Hoàng : « Đã có Đào-Trì làm Khâm-sai ở Đà-năng, sao không tự thương-thuyết cho êm, mà lại bắt triều-định phải trực-tiếp người tây hay là các quan đều muốn thừa nhận 3 khoản ấy ? »

Cách 2 ngày Đào-Trì tâu lại : « Chúng tôi chưa hành động thì thuyền Pháp đã chạy khỏi Trà-sơn ». Vua Tự-Đức mỉm-cười, cho giải-pháp « làm thính » là đặc-sách.

* * *

(5) Ba khoản của nước Pháp yêu cầu, chép theo Chánh-biến-Thật-lục.

TIẾT THỨ III

Tiếng súng thứ hai

Sở-dĩ thuyền Pháp chạy, là vì được lệnh, phải sang hội chiến với Anh tại Quảng-Đông ; đến ngày ký hòa-ước tại Thiên-tân, thì Pháp-Hoàng cho Hải quân Trung-tướng Ri-Gô (Rigault de Genouilly) đem 13 chiếc thuyền, và 3.000 quân, hiệp đồng với chiến thuyền của I-phahnho, đầu tháng 7 năm 1858, vào cửa Hòn không theo lối ngoại-giao, bắn phá cả các đồn, sau mấy giờ giao-thiệp bằng súng.

Được tin ấy, vua Tự-Đức liền cho Lê-dinh-Lý (Hữu-quân Đô-thống-phủ) vào làm đại-tướng, đem thêm 2 ngàn quân nữa, để giữ Hải-vân quan.

Tại làng Cầm-lệ, giao chiến quyết-liệt hơn nửa ngày, thì Lê-dinh-Lý bị trọng thương ; vua cho Nguyễn-tri-Phương (Thượng-thư bộ Binh) vào thế.

Ri-Gô định lấy Đà-năng trước, rồi ra lấy Phú-xuân, song gặp nhiều trở lực không ngờ, mới định đem quân vào Nam, lấy Sài-gòn trước.

Nguyễn-tri-Phương lập lại các đồn lũy, kiên cố nhất là đồn Liên-trì ; song chưa dám tấn công, chỉ lo phòng thủ. Lại vừa lúc Ri-Gô tự định chiến, thành-thứ. Nguyễn-tri-Phương chưa xuất trận, mà đã có chiến công.

BÌNH LUẬN

Người phương Đông không cần tiễn, cứ tuần-tự theo luật thiên-nhiên. Nội-trí cũng như ngoại-giao, đều lấy sử-học, triết-học làm căn-cứ, nghĩa là theo thực-tế, theo tập-quán, lấy kinh-nghiệm làm bằng, lấy Không-Mạnh làm gương, nghèo mà yên là vui, trong gia-dình cũng như ngoài xã-hội.

Người phương Tây thì hiếu động, ưa sáng-kiến, chuộng mới bô cũ, muôn cải tạo đời sống của cá-nhơn, vì lợi-quyền, nên người người đều tự cạnh-tranh, nam giới, nữ lưu, không ai chịu an-thân an-phận, ai cũng muôn tự-do bình-đẳng theo học thuyết của Lư-Thoa (1) (Jean Jacques Rousseau).

Về quốc-gia quan-niệm, Đông, Tây, lại rất khác nhau : bên Đông theo quân-chủ, theo nhơn-quyền ; bên Tây theo dân-chủ, dân quyền, thành-thử, chính-trị, ngoại-giao, trước thế-kỷ thứ 20, chưa có thè nào dung-hiệp được.

Có người cho Nă-phá-Luân đệ-tam là cường-bạo, khuấy-rối các dân tộc Á-châu ; mới nghị hòa ở Thiên-Tân, đã cho binh thuyền sang Việt-nam xâm-lược. Lương-khai-Siêu, người Trung-quốc, trong bản Ân-băng-thất-tự-do, viết theo tư-tưởng Âu-Tây, đề cõi động cho bốn năm triệu đồng-bảo, như những đe qan dưới này, toàn là lời tâm-huyết : « Trên thế-giới tự-do, thản-quyền, nhơn-quyền, không tồn-tại nữa. Một người cũng như một nước, phải biết tự cường; hễ không biết tự cường, thì sa vào luật « đào thải »... Xâm-lược, ngày trước chúng ta cho là thủ đoạn dã-man : ngày nay người ta cho là hành-vi của các nước văn-minh, mạnh thì hơn yếu thì thua, cường quyển là công lý...»

Có người lại khen vua Tự-đức, đã dùng giải-pháp « làm thính », vì đúng trước cường-quyền, đâu có đàm phán điều-định cũng vô-ich. Ngoại-giao cũng phải có binh-bị làm hậu thuẫn, thì mới thành-công. Lý-thuyết này không đúng gì với sự thật ; làm thính, là vì sợ, là vì yếu, hay là

(1) **Lư-thoa** (Jean Jacques Rousseau) sinh tại Thụy-sĩ năm 1712. Năm 1762 làm bài « Dân-Ước-luận » Contrat social. Lư-Thoa phản-đối cả thản-quyền, cả nhân-quyền, chỉ công-nhận dân-quyền. Từ ngày ấy Âu-châu mới phát-sinh cách-mạng.

không biết nói, có tư-tưởnng, có cảm-giác, mà không biết biến-diễn ra lời nói để cho người khác hiểu mình. Theo Không, Mạnh thì ngôn-ngữ là một giáo-khoa, ngôn-ngữ là người, ngôn-ngữ là tri-thức. Ngôn-ngữ là đời sống của xã hội, ngôn-ngữ là chiếc xe luân chuyền tinh-thần, ngôn-ngữ là cái cầu giao-thông nhơn-loại. Lại còn nhờ ngôn-ngữ mới cảm-hóa được người làm cho ghét ra thương, thù hờ bạn.

Dân-tộc nào cũng vậy, khi đứng trước cường-quyền, chỉ có hai con đường : hòa hay là chiến. Nếu muốn chiến, tất phải có sức, đủ địch với đối phuơng : nếu tự biết mình sức hèn, thì trước khi khai chiến, nghĩa là trước khi dùng xương máu của dân, phải dùng những nhà ngoại-giao, để điều-dịnh theo khả-năng, theo tình-thế. Huống đã biết nhau từ trước, đối-phuơng là một nước văn minh, ba điều yêu cầu, há không có một vài điều chính đáng hay sao ?

Đông, Tây dẫu văn-hóa khác nhau, song người với người, thì đồng một tâm-lý cả. Ác-tánh, là tánh tự-nhiên, người nào cũng có ; duy những người học-thức, thường cố gắng tạo vẻ đạo-đức, tự đè nén ác tánh ở trong lòng. Có nhà triết-học đã nói ; Một con thỏ chạy trong rừng, có trăm ngàn người đuổi bắt ; mà trăm ngàn con thỏ bầy giữa chợ, thì không có một người dám thò tay. Người càng văn-minh, càng tôn-trọng quyền sờ-hữu. Vì người Pháp có lẽ muốn tôn-trọng quyền sờ-hữu, nên đã hơn 11 năm, cứ muốn định chiến, nhưng vua Tự-đức không chịu điều-dịnh, không theo giải-pháp ngoại-giao, thành thử đã gây nên chinh-chiến.



CHƯƠNG VI

VIỆT PHÁP, CHIẾN-TRANH

TIẾT THỨ I

Người chịu chết đầu tiên theo đất nước

Tháng giêng năm 1859, Trung-tướng Ri-Gô (Rigault) ủy cho Đại-tá Toa-ông (Toyon) ở lại Hòn, còn tự mình đem binh thuyền vào cửa Cần-thơ, bắn phá các pháo-đại hai bên bờ sông Đồng-nai, rồi giao chiến bốn ngày (1) luôn, cả đường bộ lẫn đường thủy.

Tuy đã phòng-bị, nhưng đến ngày thứ năm, Võ-duy-Ninh Tòng-đốc Gia-định, đã phải gửi thư cầu viện với các tỉnh lân-bang ; Trương-văn-Uyền, Tòng-đốc Vinh-long và Định-tường, đem viện binh đi được nửa đường, thì nghe Võ-duy-Ninh đã tự-sát tại đồn Tây-tân, sau khi thành Gia-định bị hâm.

Ri-Gô thừa thắng, trở ra lấy Hải-vân-quan, đè cho đứt lối giao-thông theo bản dự trữ ngày trước.

Đến Đà-năng khai chiến thì Đại-tướng Nguyễn-tri-Phương phải chạy về Liên-trì, đè viện thêm binh, vì nhận thấy thua đối phương, và các phương diện.

(1) 4 ngày. Theo bản sử của B. Maybon, thì giao chiến chỉ 2 ngày. Theo bản Dã-sử chữ nho, Lê-thanh-Cảnh đã dịch ra chữ Pháp, và đã đăng trong báo Đô-thành Hiếu-cố năm 1937, thì biên rõ bốn ngày.

Trong lúc ấy, Pháp, Anh, đương khai-chiến với Trung-quốc, mà tại Thiên-tân, có nhiều lợi-quyền hơn ; Ri-Gò không muốn kéo dài cuộc chiến-tranh, trên đất Việt-nam, mới đưa thư về Huế để đàm-dịnh, nếu vua Tự-đức chịu cho khai-thương, và cho truyền-giáo.

Các quan ở Huế, cũng như Nguyễn-tri-Phương ở Quảng-nam, ai cũng muốn hòa, mà đối với vua, đối với dân : đều sợ phần trách nhiệm. Mới tâu xin trưng cầu dân ý, để cho cả Nam cả Bắc, có thể gởi sớ điều trần. Những bản sớ (2) dưới này, đều của các nhà muu-quốc :

« Nước Pháp sở-dĩ muốn lấy Sài-gòn và Đà-năng, là vì muốn chiếm thị-trường : nếu Hoàng-đế chịu cho khai-thương, thì ngày sau tranh-dấu về kinh-tế, không tranh đấu bằng khí-giới nữa. Nước nà như một người bị bệnh, đã đến lúc lâm nguy, thuốc dầu đặc cũng phải dùng, trong khi cấp-cứu (Trần-văn-Trung và 6 người đồng ký).

« Nếu cho khai-thương và Truyền-giáo, mà Pháp chịu rút binh về, thì nên dùng nhà ngoại-giao để giảng-hòa, cốt giữ cho toàn thô-vũ (Tô-linh và 5 người ký chung một giấy).

« Theo binh-thư, thì có chắc hơn mới đánh ; nay quân ta giao-chiến, mà chỉ có phần thua, thì nghị-hòa là chước cuối cùng : huống lại tự nhà thắng trận xin hòa, thì bên ta, dầu bại trận, mà vẫn còn sự thề (Lê-chi-Tín, Đoàn-Thọ đồng ký).

« Lòng lo cho nước, thường phải xoay theo thế theo thời ; Không-giáo «tùy thời» là chính-ng'hĩa. Hết trong mình đã không có đủ sanh-lực thì phải nhờ sanh-lực ở ngoài ; nay sức nước Nam thua cả các nước Âu-tây, chúng tôi tưởng nên tùy thời thân-thiện với người Tây, để lợi-dụng sức của người làm sức của mình, mới mong có ngày tự-cường tự-chủ (Nguyễn-trường-Tộ).

(2) **Những bản sớ.** Tàu lên vua có 2 thê : Về hành-chánh, gọi là «phiến» ; về nghị-luận gọi là «sớ». Trong Dã-sử có hơn trăm bản sớ đây chỉ lược biên mấy bản, theo báo Đô-thành Hiếu-cồ đã đăng năm 1937.

TIẾT THỨ II

Quân Pháp chiếm thành Gia-Định

« Ngữ bút đầu cơ bản cú đà ». Nửa câu đã quá nhiều, khi nói không đúng dịp. Những nhà ái-quốc, mưu-quốc, gửi dâng mấy lá sớ đều bị gác bỏ ra ngoài, Vua Tự-đức truyền cho Nguyễn-tri-Phương rằng : « không nên dung giặc, đè đến nỗi vua lo ». Rồi gửi ban cho Nguyễn-tri-Phương một cái áo thêu hình rồng, và một bài thơ, có câu : « Giải cầu nhân dĩ công tri tích » : Sao nỡ thấy chậm thành công, mà tiếc cái áo ta đương mặc hay sao ? Trong thời-kỳ Ri-Gô đình chiến, đè chò cuộc nghị hòa, vừa thấy kém sức khỏe trong mình phải xin về Pháp nghỉ.

Chánh-phủ Cộag-hòa cử Thiếu-tướng Pa-Rò (Page) sang thế, tháng 10 năm ấy (1859) đến Hàn, cũng đồng ý với Ri-Gô, cho người đem thư ra Kinh nhắc lại mấy điều đã yêu-cầu trong thư trước.

Song nhẫn-nại của nhà binh có giới hạn, bất-đắc-dĩ, Pa-Rò lại phải tấn công. Nguyễn-tri-Phương chạy sớm về tâu : « Quân chỉ còn 3 ngàn Hải-vân-quan sỹ không giữ nổi ».

Trong khi đương thắng lợi, thì Pa-Rò được lệnh ở Pháp, bắt phải đem binh thuyền sang Thái-bình-dương, đè hội chiến với Sát-Ne (Charner) ; vì Pháp, Anh, đương khai chiến tại Thiên-tân, nên Thiếu-tướng bỏ cửa Hàn, sau khi đã đốt hết các đồn-lũy.

Đầu năm Canh-thân (1860), thấy thuyền Pháp đã chạy xa hải-cảng, vua giáng Dụ cho Nguyễn-tri-Phương vào làm Đại-sứ Nam-kỳ, cho cả Phạm-thế-Hiền đi theo, đè khôi-phục Sài-gòn, thừa cơ-hội Pháp chưa có thì giờ trở lại.

Chẳng ngờ sau ngày vua Hàm-Phong (3) ký hòa-ước, thì Trung-tướng Sát-Ne trở lại Đông-dương, đạn rưới như mưa, Nguyễn-tri-Phương bị trọng thương, em là Nguyễn-Duy tử trận, Phạm-thế-Hiền cũng bỏ thây trên chiến địa ; quốc dân đã phải đè tang cho thành Gia-Định, tuy tướng-sĩ chưa chịu đầu hàng.

(3) **Vua Hàm-Phong.**— Theo bản Trung-quốc ngoại-giao thất-bại sứ, năm 1860, sứ thần nước Anh là Ba-hạ-Lễ xin triều-yết vua Hàm-

BÌNH-LUẬN

Ngôn-ngữ là dùng tâm-lực, chiến-tranh là dùng võ-lực ; A-lip-bá có câu ngôn-ngữ : « Miệng người không biết nói, thì miệng súng phải ra hơi ». Văn-tự là những dấu-hiệu của người tạo ra sau, để bù-túc cho ngôn-ngữ ; còn ngôn-ngữ là cơ-quan tự-vệ của Tạo-hóa bày ra trước, để cho người có thể sống chung.

Bao nhiêu tư-tưởng, ý-chí, suy-nghi, phán-đoán có trong tâm-giới chì-rêg nào, nhờ ngôn-ngữ mới biểu-diễn ra ngoài, những nỗi ưu-sầu những tình u-âm, nếu biết nói, thì cũng có thể san-rợt cho người khác, đè nhẹ gánh bát-bình. Vua Tự-đức lúc bấy giờ, tâm sự một bầu đầy, mà vì không biết nói thế nào, nên phải chịu làm thính, ôm lòng đau đớn.

Muốn bảo-vệ quyền-lợi, tất phải biết hùng-biện, phải nói sao cho đà-động đến tâm-giới của người ; bên chau Âu có sẵn những nhà ngoại-giao, nói là văn, văn là nói.

Viet-nam cũng như Trung-quốc chỉ giàu cồ-điền, giàu văn-tự, còn về ngôn-ngữ, thì chịu thua người. Trong gia đình, thường xảy ra những cuộc bắt-hoa, cũng vì vụng nói ; hay là không biết nói ; ngoài xã-hội, cũng vì không biết nói, nên có lúc mất lòng nhau. Ca-dao của ta có câu : « Lời nói khỏi mất tiền mua, lừa lời mà nói, cho vừa lòng nhau ».

Năm 1860, vì người Tàu không khéo ngoại-giao, không chịu đàm-phán với sứ-thần Anh, nên sau phải cắt đất Cửu-long nhường cho Anh, lại còn bồi binh-phí nữa.

Về khoa ngôn-ngữ, Khòng-tử đã bày : « Nói với người không biết nghe, mình chỉ mất lời nói ; còn người biết nghe, mà mình không nói, ấy là mình bỏ mất cả người ».

Phong, và xin miễn lệ bái qui, sứ-thần được phục-sức võ-trang đeo gươm, đội mǎo. Tăng-cách-Lâm-Tâm làm Thủ-tướng, cho người Anh có ý khinh vua, đem hạ ngực sứ-thần, không cho triều-yết. Anh, Pháp lợi dụng cơ hội ấy, đem chiến thuyền 200 chiếc, và 2 vạn quân, kéo vào Bạch-hà, hâm thành Đại-cô, rồi tiến đánh Thiên-ân ; vua Hàm-Phong phải đến Nhiệt-hà tị nạn.

CHƯƠNG VII ĐÔNG TÂM TỈNH

TIẾT THỨ I Bản hòa-ước đầu tiên

Trong thời-kỳ băng bó, Nguyễn-tri-Phương rãm tại Biên-hòa, thì Trung-tướng Buốc-Đe (Bourdair) đi đường sông, Thiếu-tướng Pa-Rò (Page) đi đường núi, hai đạo binh đánh 2 mặt, Mỹ-tho và Tây-ninh ; lại còn đưa thư đến Cao-môn, điều-dịnh với vua rằng : « Sở dĩ quân Pháp đánh lấy Gia-định và Định-tường, là có ý muốn mở đường, đe cùng nhau thâi thiện. Từ ngày nay Đại Pháp là nước bạn, sẽ bảo-đảm hoàn-toàn quyền-lợi cho nước Cao-môn...».

Chỉ một lá thư không tốn một viên đạn đủ làm cho vua Cao-môn khuất-phục nhờ toàn phương-pháp ngoại-giao.

Cuối Tân-dậu (1861), Trung-tướng Sát-Ne (Charnier) xin về nghỉ, Chánh-phủ Pháp cho Hải-quân Thiếu-tướng Bô-Na (Bonnard) sang thay ; thừa thắng, đánh lấy luôn tỉnh Biên-hòa và tỉnh Vĩnh-long, làm cho cả triều-đình khủng khiếp.

Vua Tự-đức nhận thấy Nguyễn-bá-Nghi (1) làm Khâm-sai Đại-

(1) **Nguyễn-bá-Nghi**. Người huyện Mộ-đức, tỉnh Quảng-ngãi. Đậu Phó-bảng.

Năm 1861, Pháp hâm thành Gia-định, Nguyễn-tri-Phương bị trọng thương ; Tự-đức cho Nguyễn-bá-Nghi là Khâm-sai Đại-thần, vào Nam-kỳ điều khiển quân thứ.

thần, điều-dịnh không nỗi, mới "cho" Phan-thanh-Giản⁽²⁾ và Lâm-duy-Hiệp⁽³⁾, vào nghị-hòa với Pháp, để chấm dứt chiến tranh.

Khi bệ-tử⁽⁴⁾, vua Tự-đức ban một chén ngự-tửu để tiễn hành, và dặn mắng lời tâm-huyết : « Nước đương lâm vào hồi nguy-cấp, phải nhờ những nhà lão-luyện, đem hết tài năng, giữ cho được biên cương công ấy cao hơn Lãng-tương-Như, đã đem ngọc Biên-Hòa⁽⁵⁾ về cho nước Triệu ! »

Thuyền Pho-banh⁽⁶⁾ vừa cắp bến Nghé hai vị lão-thần nhận thấy Đông-tam-tỉnh, như vật đã ở tay người ; nếu mình chẳng xin đình chiến ngay bây giờ, thì chỉ làm cho nhơn-dân lưu-huyết nữa. Bèn cùng nhau lau nước mắt, áp ký vào bản hòa-trúc. Thiếu-tướng Bô-na đã đưa-tảo sẵn sàng ; sau khi đã hết sức điều định, mới còn lại 12 khoản.



Cụ Phan-thanh-Giản

Sau khi nhận thấy không chiến nỗi, Nguyễn-bá-Nghi gởi sớ tâu rằng : « Bằng không nghị hòa ngay lúc bây giờ, chúng tôi xin chịu tội. Tại Nam-kỳ, người Pháp mới lấy một tỉnh, nếu nghị hòa, thì 5 tỉnh kia còn là đất nước Đại-Nam ; bằng cứ tấn công, thì chỉ đem dân nạp vào miệng súng. Vì có ấy, nên chúng tôi xin Hoàng-đế nghị-hòa, hay là cho người đi đến một nước nào, hoặc cầu điều-dịnh, hoặc cầu viện-trợ ».

Vua Tự-đức phê vào sớ : « Có gặp gió mạnh, mới thấy cây cỏ cứng thế nào ; thày nên cố gắng với nước nhà, để thâu hồi cho hoàn toàn lãnh thổ » (Theo Chính-biên Liệt-truyện).

(2) **Phan-thanh-Giản**. Người Bình-dịnh, nhập tịch tỉnh Vĩnh-long. Đầu tiên-sĩ năm thứ 7 triều Minh-mạng (1826), làm sứ-thần sang Trung-quốc năm 1632. Năm thứ 6 triều Tự-đức, làm thượng-thư Bộ binh, sung cơ mật Đại-thần. Năm 1862 định thần công cử Phan-thanh-Giản làm « Nghị hòa toàn quyền Đại-thần ».

TIẾT THỨ II

Bản hòa-ước năm Nhâm-tuất (1862)

1) — Hoàng-đế nước Pháp, Hoàng-đế nước I-phá-nho, Hoàng-đế nước Đại-nam, định-ước cùng nhau, từ nay vĩnh-viễn hòa-bình ; nhơn dân cả 3 nước, bắt cứ ở đâu, cũng giữ tâm tình thân-thiện.

2) — Dân nước Pháp, nước I-phá-nho, có quyền giảng đạo Thiên-Chúa, trên đất nước Đại-nam ; tín-rgưỡng tự-do, không ai được cấm ngăn, cũng không ai được cưỡng-bức.

3) — Cả ba tỉnh : Biên-hòa, Gia-dịnh (Sài-gòn) và Định-tường, (Mỹ-tho), cả đảo Côn-lôn (Poulo-Condore), vua nước Đại-nam nhường chủ quyền cho vua nước Pháp.

4) — Lúc hòa bình, nếu có nước nào, hoặc bằng cách khiêu-chiến, hoặc bằng cách điều-định bắt nước Đại-nam phải nhường đất một nơi nào, Hoàng-đế phải cho người thân hành, tin cho vua nước Pháp ; dù có lập với nước nào một bản Hiệp-ước, cũng phải có vua nước Pháp thừa nhận, mới được chính-thức thi hành.

(3) **Lâm-duy-Hiệp.** Người Bình-định, đậu Cử-nhơn năm thứ 9 triều Minh-mang (1828). Năm thứ 12 Triệu Tự-đức, làm Thượng-thư bộ Hình, sung Cơ-mật Đại-thần, Năm 18 2, làm toàn quyền về vụ nghị-hòa, vào Nam-kỳ với Phan-thanh-Giản (Theo Liệt-truyện Chánh-biên).

(4) **Bệ-tử,** là từ biệt trước bệ vua, để đi làm theo sứ mạng.

(5) **Biên-hòa** là tên người tìm được hòn ngọc báu, giá đáng 5 thành.

Năm 283 trước Công-nguyễn, nhà Tần oai hiếp, muốn lấy hòn ngọc báu ấy đổi cho đất 5 thành ; vua nước Triệu sai Lãng-tương-Như đem hòn ngọc sang nước Tần ; nếu không được đất 5 thành, thì phải đem về, cho hoàn-toàn hòn ngọc báu. Lãng-tương-Như làm theo nhiệm vụ, nhờ khéo ngoại-giao.

(6) **Pho-banh.** Theo bản L'Indochine contemporaine, Thiếu-tướng Bô-na sai Trung-tá Xi-mông (Simon) đi chiế Pho-banh (Forbin) đến cửa Thuận-an, để rước sứ-thần vào Sài-gòn, nếu vua Tự-Đức chịu điều-định với Pháp.

5)— Dân nước Pháp, dân nước I-pha-nho, đều được buôn-bán trên các hải-cảng : Đà-năng, Ba-lát, Quảng-an ; dân nước Đại-nam cũng được tự-do buôn-bán trên các cửa biển của Pháp, của I-pna-nho ; song ai ở nước nào, phải tuân theo luật-lệ nước ấy.

6)— Nếu nước nào có điều gì lợi hại thương-quan, thì vua nước ấy phải cho người đại-diện, đến tại một Kinh-đô, điều-dịnh cùng nhau, cho được đều thỏa-thuận. Nếu không có điều gì phải thương-lượng, chỉ muốn tặng-hảo, hay là chúc mừng, theo lối bang-giao, thì thường năm, các vua sẽ cho sứ-thần lai-vãng.

7)— Nay đã hòa-bình, tất cả các mồi hiềm-thù đều bỏ : vua nước Pháp sẽ ân-xá cho những người bị bắt trong lúc chiến-tranh : vua nước Đại-nam cũng sẽ ân-xá cho các gia-dinh, ngày trước đã phục-tùng người Pháp.

8)— Vua nước Đại-nam phải bồi-thường binh-phi 4 triệu phật-lăng (franc), trả trong hạn 10 năm, mỗi năm trả một phần mười số ấy. Nước Đại-nam chỉ có bạc lượng, thì chỉ giá mỗi phật-lăng là 72 phần trăm trong một lượng.

9)— Nếu có người phiến-loạn trên lãnh-thổ Pháp, sau khi người Pháp kê tên, nhà chức-trách của Nam-triều, phải bắt cho được tội-nhơn, nạp cho người Pháp : cũng như những người phiến loạn trong nước, trốn sang läh-thồ Pháp, nhà cầm quyền Pháp, phải làm hết bồn-phận như trên.

10)— Dân 3 tỉnh Vĩnh-long, An-giang, Hà-tiên, đều được bán-buôn trong 3 tỉnh thuộc địa Pháp ; chỉ trừ những đoàn lính chở khí-giới, vua nước Pháp chỉ cho phép đi trên đất Cao-mên.

11)— Quân đội Pháp giữ thành Vĩnh-long, cho đến ngày có lệnh mới. Ngày nào vua nước Đại-nam trừ-khử những bọn phản động trong thuộc địa Pháp, thì nước Pháp sẽ giao trả tỉnh Vĩnh long.

12)— Bản Hòa ước này kết giữa ba nước, có những vị ủy viên Thượng thư đại thần, có đủ quyền, và có đủ ấn kiêm, đề đại diện nhà vua ; trong kỳ hạn một năm, lễ hộ giao bản Hòa ước này sẽ cử hành tại Huế.

Nã-phá-Luân đệ tam (Napoléon III) Hoàng đế nước Pháp, I da Ben đệ nhì (Isabelle II) Nữ hoàng nước I pha nho, Tự-Đức vua nước Đa-nam, đã ủy quyền cho các sứ thần nghị hòa.

Sau khi nhìn nhận nguyên tắc, và thỏa thuận cùng nhau, lập bản Hỏa ước, và ký dưới đây :

Bô-Na (Louis Adolphe Bonnard) Hải-quân Thiếu-tướng.

Pha-lan-Ca (Don Carlos-Phalanca Guttierrez) Đại-tá Tòng chỉ huy quân-đội của I-phá-nho.

Phan-thanh-Giản, Bộ-trưởng bộ Lê-nghi, Khâm-sai Đại-thần.

Lâm-duy-Hiệp, Bộ-trưởng bộ Tư-pháp, Phó Khâm-sai Đại-thần.



BÌNH LUẬN

Trước khi khai chiến, nghị hòa là nhiệm vụ của nhà ngoại giao ; còn sau khi khai chiến, thắng bại đã phân minh, còn có nghị hòa gì, chỉ có bên bại trận phải xin đình chiến.

Khi xin đình chiến cũng phải dùng giấy mực, đề biên những điều ký kết cùng nhau ; theo pháp lý, sau cuộc chiến tranh, bên thắng, bên bại, đều phải tôn trọng những điều ký kết. Theo thực tế, nghĩa là theo kinh nghiệm bên thắng cũng như bên bại, không bên nào chịu tôn trọng chữ ký bao giờ. Vì lẽ gì ? — Vì lợi quyền hơn nghĩa vụ.

Sách Lê Ký nói : « Đại tín bắt ước ». — Muốn giữ lời hứa, thì chẳng hứa lời. — Có mấy ngàn năm, sau mấy trăm cuộc chiến tranh, tại Á-Châu, không có một bản Hòa ước. Bên Âu-châu cũng vậy, chỉ từ năm 1648, giữa cuộc chiến tranh Đức-ý-chí và Thụy-diên, có nước Pháp đứng trung gian, giải hòa cho cả hai bên, mới lập thành bản Hòa ước. Ngày nay, có danh từ « Hòa ước », thì bản ấy là đầu.

Vì có nhà quốc tế ngoại giao, đứng giải hòa cho nên gọi là hòa ước. Những điều kiện ghi trong bản hòa ước đều được hai bên thỏa thuận. Còn chỉ bên thắng bên bại, ký kết cùng nhau, như Anh với Pháp, lập bản Hòa ước năm 1712, mới cách 35 năm, đã trở lại đánh nhau, chẳng nói gì bên bại, ngày nào cũng nuôi cái ý chí phục thù, mà bên thắng, dẫu đã có đủ lợi quyền, thành thử cũng chưa thỏa mãn, hòa ước chỉ là một bản biên thành tích của nhà binh bên thắng bắt bên bại phải thừa nhận những điều kiện gì, thì bên thắng phải có binh lực áp bức hàng ngày, bên bại mới chịu thi hành theo hòa ước. Đã không thỏa thuận, làm sao hòa bình được lâu dài ?

Ngày Phan-thanh-Giản, Lâm-duy-Hiệp vào Sài-gòn, chỉ là đi xin đình chiến, không còn có những tư cách ngoại giao thể mà vua Tự-Đức cho làm Toàn quyền đại thần để nghị hòa còn dặn không được nhường đất cho người Pháp. Nếu dặn câu ấy trước ngày khai chiến, thì hai nhà này đã đứng vào địa vị ngoại giao.

Hai chữ hòa ước, chỉ là một danh từ, kỳ thực, đã hòa đâu ; chưa có thề tấn công, phải tạm xin đình chiến. Ri-gô bắt ký kết đến 12 điều cũng vô ích, chân giá chữ hòa, không phải trên giấy mực, mà chỉ ở trong lòng thành tín cả hai bên.

CHƯƠNG VIII

ĐIỆN THÁI-HÒA

TIẾT THỨ I

Tiếp sứ-thần Đại-Pháp và Y-pha-Nho

Tháng giêng năm sau (1863), Nguyên-soái Bô-Na gởi thư (1) đến Huế, tin cho triều-định biết : « Vua nước Pháp, vua nước Y đều đã ký vào bản Hòa-ước, và đã ủy cho hai vị sứ-thần, đến tại Kinh-đô nước Đại-Nam, đè làm lê hộ giao hộ hoán ».

Ôm lòng đau đớn, vua Tự-Đức cho Trần-Tiền-Thành và Đoàn-Thọ, hai vị văn võ đầu triều, sang tă ngạn Hương-Giang thám yết.

Các sứ-thần trù định lê-nghi ngày triều-yết, làm theo chương trình năm trước tiếp sứ Tàu : nay châm chước lại thế này : « Tại điện Thái-Hòa (2), trước mặt triều-định, vua Tự-Đức sẽ tiếp Bô-Na và Pha-lan-Ca đè tỏ tình thân-thiện. Sau một tiệc rất long trọng. Triều đình đem sang sứ-quán số bạc bồi bình-khí, và những phàm-vật tặng-hảo, cũng như nước Pháp, nước Y đã ủy sứ-thần, đem phàm-vật sang tặng-hảo vua nước Đại-Nam ».

(1) **Thư của Bô-Na.**— Vua Tự-Đức không chịu làm lê hộ giao hòa ước ; bắt Phan-thanhh-Giản phải triển lại một kỳ. Sau vì Bô-Na đem Pha-lan-Ca về Kinh, nên vua phải tiếp. (Theo Thật-lục Chính-biên).

(2) **Thái-Hòa.**— Sách Trang-Tử có câu : « Điều lý tú thời, thái-hòa vạn vật ».

Sau lễ bang-giao, (1) vua Tự-Đức cho Phan-thanh-Giản làm Khâm-mạng Đại-thần, đưa quý-khách trở vào Sài-gòn, và nhận lại tỉnh Vĩnh-Long, theo lời Bô-Na đã hứa.

TIẾT THỨ II

Lời ngoại-giao của người Pháp

Dân 3 tỉnh phía đông phiến-loạn, không chịu nhìn nhận bản Hòa ước. Trương-Định cò-động cho giặc chòm, giặc xóm nồi lên ; Bô-Na không muốn mở lại cuộc chiến-tranh, mới mở thủ-doạn ngoại-giao, đè mua lòng các phe đối-lập : « Từ xưa, dân đã quen thờ vua như cha, ngày nay, Pháp là bạn của vua, khi nào cũng bảo-vệ quân-quyền quyết không cho thần-dân phản-nghịch với vua, nghĩa là không tuân mạng lệnh của vua, hành động trái với Dụ-chỉ (2). »

« Ba tỉnh nhà vua nhường cho nước Pháp, chẳng khác nào cha gả con gái cho người ; vợ theo chồng, ấy là con vâng lời cha vậy. Huống lại được người chồng thương-yêu nâng-đỡ, tuy những ngày đương lợ, có nhớ cha mà vẫn có yêu chồng ! »

Đối với bạn cần-vương, Bô-Na cũng tuyên bố dù ân, dù oai, đè cho thuộc-địa được yên, khôi dùng đến binh-lực : « Ngày vua ký bản hòa-ước, đã hạ Chiếu thư, khuyên các bạn trở về nhà, bỏ những danh vị phuờng-chèo và nạp cho vua tất cả võ-trang và binh khí. Đã hơn mấy tháng chúng ta chờ các bạn đầu hàng, kháng-chiến đã chả ích gì, mà cũng không có thè nữa. Đến nay, mọi người đều phải biết : Chúng ta đã quá nhẫn nại, bản tuyên-ngôn này là bản cuối cùng ».

(1) **Bang-Giao.**— Theo sách Châu-Lễ, thì các nước bạn, tuế thời có sứ-thần lai vãng, không phải có đàm phán việc gì, chỉ để thắt chặt mối tình thân thiện.

(2) **Dụ Chỉ.**— Dụ, là lời vua khuyên dỗ, Chỉ là lời vua huấn-thị.

TIẾT THỨ III

Tổng cựu nghinh tân

Sau ngày trao đổi bản hòa-ước, Y-pha-Nho chỉ nhận phần bồi-thường binh-phí, còn đất cả 3 tỉnh, để cho Pháp độc-quyền. Bô-Na cũng đã thành-công, tự xin về nghỉ. Chánh-phủ Pháp cử Thiếu-Tướng Hải-quân là Gò-rǎn-Đi (De La-grand ère) sang thế, để kiến-thiết thuộc-địa mới, cho bạn thực-dân.

Vua Tự-Đức thấy có tân-quan, lại sanh hy-vọng ; bèn sai Phan-thanh Giản kết tình thân-thiện, để ngỏ ý xin chuộc 3 tỉnh đất Nam-kỳ : vì Gia-Định là chỗ khai-cơ (5), và là nơi ngoại quan (6).

Song thái-độ quan mới, chẳng khác gì quan cũ, huống trong thời kỳ tranh đấu, người ta lo làm theo nhiệm vụ nhà binh, ai rành mà nghe những nỗi tình riêng, Gò-rǎn-Đi chỉ trả lời bằng một nụ cười, rồi cứ thi-hành những điều dự-định.

Không phải chánh-khách, để điều-định cho khỏi chiến-tranh cũng không phải sứ-thần, để làm theo nhiệm-vụ bang-giao, Phan-thanh-Giản tự nhận thấy mình đóng chẳng đúng vai tuồng, mà vẫn phải làm theo sứ-mạng, nghĩa là đàm-phán, theo lối ngoại-giao. Kết cuộc, người chỉ cho một nụ cười, mình thì về với hai hàng nước mắt.

Vua Tự-Đức càng thất vọng, mỗi ngày mỗi đau-đớn theo đất Nam-kỳ, bèn định cho một sứ-đoàn sang Pháp, sang Y, để kêu nài xin chuộc Đông-tam-tỉnh.

* * *

(5) **Khai-Cơ.**— Nghĩa là mở móng. Vua Gia-Long mở móng nền nhà Nguyễn, tại đất Gia-Định.

(6) **Ngoại-quán.**— Chương-Hoàng-Hậu, con Phan-Đăng-Hưng, người Gia-Định, sanh vua Tự-Đức.

BÌNH LUẬN

Hai chữ ngoại-giao, đã thành một danh-từ rất thông thường, mà mỗi người dùng nó một nghĩa : nói đưa, nói cho qua буди, người ta cho là nói « ngoại-giao », nghĩa là nói có mà làm không ; có khi dùng lẩn-lộn với hai chữ « bang-giao » thành thử, chân-tướng ngoại-giao không tồn-tại nữa. Ngoại-giao không phải là chỉ nói chân-tướng của nó, là nói cho người nghe và người tin.

Theo bản *Ngoại-giao Sơ-bộ* sử của Ni-côn-Xông (1), đời thương-cô, ngoại-giao chỉ có nhiệm-vụ giải-hòa. Các Tù-trưởng, muốn chấm dứt cuộc can-quá, cho sứ-thần đi đến đối-phương, điều-dịnh cho đến khi ngừng chiến. Cũng như đời La-mã, các vua sai sứ-thần đi đến các lân-bang, để giải-quyết những vấn-dề xung-đột. Mỗi sứ-thần, khi ra ngoài cương-giới, có mang một thẻ bằng đồng, Lạp-định-văn gọi là « diploma », nghĩa là thẻ đồng xếp đôi. Sau này, người Nhật-bản mượn hai chữ ngoại-giao (2) trong kinh Lẽ, để dịch nghĩa chữ diploma ; kỳ thật, thì chữ không đi đôi với nghĩa.

Bên Châu âu có chữ diploma từ đời La-mã, còn bên Châu-Á, có chữ ngoại-giao từ đời Khòng-Tử, mà trong sách Lẽ-Ký, cũng đã nói rõ nhiệm vụ ngoại-giao. Vậy thì những người cầm bản ủy-nhiệm thư ngày nay, tức là những người đeo thẻ đồng ngày trước.

Theo Nu-mờ-Lanh (3), ngoại-giao là người đứng trung-gian làm môi-giới. Quan-niệm ngoại-giao phát-sanh từ các nhà tôn-giáo, giới hữu-hình tiếp-xúc với giới vô-hình ; ngoại-giao là tiếp-xúc với người ngoại, tiếp-xúc với tâm lòng trung-tín. Đối với thương-giới, thì dùng kinh-diễn ; đối với hạ-giới, thì dùng ngôn-ngữ, một phương-tiện mọi người đều có sẵn, để cho mọi người đều có thè sống chung. Về lối ngoại-giao, Khòng-tử chỉ bày cho 3 chữ : « Ngôn trung-tín ».

(1) **Ni-côn-Xông.**— Harold Nicolson viết bản « Diplomatic » bằng tiếng Anh, Pétronella Arms trong dịch ra tiếng pháp năm 1845.

(2) **Ngoại-giao.**— Kinh-Lẽ có câu : « Vì nhân thần giả vô ngoại giao, bất cảm nhi quan giả ».

(3) **Lu-mờ-Lanh.**— Ragnar Numelin viết bản « Les origines de la diplomatie » bằng tiếng Thụy-diễn ; Jean-Louis Perret dịch ra tiếng Pháp.

Ngoại-giao theo nghĩa ấy, không phải chỉ có sứ-mạng giải-hòa, mà còn có nhiệm-vụ đi khai-hoa, đi điều-dịnh, như đời vua Phục-Hy, 3.000 năm trước Công-nguyên, đã dùng em gái là Nữ-Oa làm sứ-thần, đi đến những xứ lạ phương xa, khuyên người cưới gả cho có chứng có bằng; từ ngày ấy, vợ mới biết chồng, con mới biết cha, nhân loại tần-hoa bước đầu nhờ có Nữ-Oa làm môi-giới.

Theo lịch-sử, thì tại Châu âu, quan-niệm ngoại-giao phát-triền rất chậm: từ thế kỷ thứ 6, Hy-Lạp (Cités grecques) mới biết dùng những nhà hùng-biện làm sứ-thần; còn trước kia, cũng như đời Phục-Hy, bên Châu á, các vua chỉ dùng người trong thân-thuộc. Đến thế-kỷ thứ 15, Ý-đại-Lợi (Etats italiens) đã đặt sứ-thần chính-thức; thế mà đến năm 1815, bên Âu-Châu mới có qui-tắc ngoại-giao. Xét về cách tuyên-dụng sứ-thần, nước Pháp, nước Anh, chẳng những chọn về tài-năng, lại còn dò-xé: đến đức-tánh nữa.

Nước Việt-Nam tuyên dụng sứ-thần cũng rất thận-trọng, nhất là đối với nước Tàu, là nước trọng văn-chương; như Mạc-đinh-Chi (4), đời Trần, Phùng-khắc-Khoang, (5) đời Lê, đều là những bậc Trạng-nghuyên-Bảng-nhân, Triệu Nguyễn cũng vậy, vua Gia-Long lựa Lê-quang-Định, Trịnh-hoài-Đức vua Minh-Mạng lựa Nguyễn-trí-Phương, Lý-văn-Phúc, vua Tự-Đức, giao-thiệp với Pháp, mà vẫn lựa Phan-thanh-Giản, là vì đời ấy, chú-trọng về nho thần, Phan-thanh-Giản có đủ tài-năng, đậu Tiến-sĩ bên triều Minh-Mạng.



(4) **Mạc-đinh-Chi**.— Trạng-nghuyên nhà Trần, sang sứ Trung-quốc, chưa có đám tang một bà Công-chúa, nhà Nguyên nhờ sứ-thần ọc bắn văn ai. Song trong bài văn, chỉ viết một chữ « nhất ». Mạc-đinh-Chi đọc: « Thanh thiền nhất đáo vận, Hồng tràn nhất điểm tuyết, Thượng nhất chi hoa, Giao tri nhất phiến nguyệt, ô-hô, vận tảo, tuyết tiều, hoa tàn nguyệt khuyết ».

(5) **Phùng-khắc-Khoang**.— Đời Thế Tôn nhà Lê (1500), nhà Minh ra cho sứ-thần một câu đối: « Đồng-trụ chí kim胎 vị lục ». Cố nhắc tích Mã-Viện, Phùng-khắc-Khoang đổi lại: « Đồng giang tự cổ huyết do, hồng » cũng cố nhắc lại tích nhà Tống đã bị bại trận tại sông Bạch đằng.

CHƯƠNG IX

TÂY TẠM TỈNH

TIẾT THỨ I

Phái-đoàn ngoại-giao của nước Đại-Nam

Ngày tháng 5 năm thứ 16 triều Tự-Đức (1863), vua lựa 3 vị sứ-thần : Phan-thanh-Giản làm Chánh-sứ, Phạm-phú-Thứ làm Phó-sứ, Nguyễn-khắc-Đản làm Bồi-sứ. Khi bệ từ, vua hỏi Phan-thanh-Giản :

« Theo tình-thế, thầy có chắc thuộc ba tỉnh lại được chăng ? »

— Tâu : Về nhiệm-vụ sứ-thần, chúng tôi xin giữ cho khỏi nhuốm mạng-lệnh nhà vua ; còn đất đã ký nhượng cho người, Pháp-định trú định thế nào, chúng tôi không dám dự-đoán.

— « Không dự-đoán được, tức thị hoài-nghi ; đã hoài nghi thì khó làm cho hoàn toàn nhiệm-vụ. Ta dặn lại một lần nữa : phải xin thuộc cho được, nếu chưa được, thì thầy phải ở lại Ba-Lê, chờ có dịp tốt hơn, đè mở cuộc đàm-phán khác ».

Khi đưa ra cửa, vua còn hỏi lại rằng : « Nếu người ta không cho thuộc, thì thầy có phương gì đe dối phò chăng ?

— Tâu : Chúng tôi xin nhận chân sứ-mạng, đầu cuộc đàm-phán bị bẽ-tắc, chúng tôi có thè duy-trì mối tình thân-thiện, đe nuôi hy-vọng về tương-lai ; nếu có thè đem ngôi đồi vàng. (1) thì khi nào chúng tôi cũng sẵn-sàng, ngoài ra, chúng tôi không có phương gì

(1) **Đem ngôi đồi lấy vàng.** — « Dĩ ngõa dịch kim » 4 chữ trong lá thư của Võ-Tánh gởi khuyễn chúa Nguyễn, bỏ thành Bình-Định, ra lấy Phú-Xuân, cũng như đem ngôi đồi vàng vậy.

Vừa dứt lời, vua vỗ vai Phan-thanh-Giản, và vỗ-Ủy mày câu : Thầy đã chịu hy-sanh trước sứ-mạng, thì ta cũng chắc được khôi tội với đời sau ; đất ba tỉnh là xương-máu của dân, chuộc lại là chuộc tội cho ta, đè cho dân thỏa lòng nguyệt-vọng ».

TIẾT THỨ II

Ngô-ại-giao đặc-lực

Sứ-bộ đi thuyền E-cô (Echo) vào Sài-gòn, rồi thay thuyền Tây (Européen) sang Toulon, cuối năm 1863, được triều-yết Pháp-Hoàng ; Nã-phá-Luân đệ tam chịu hứa lời : « Sẽ cho người sang tại Việt-Nam để giải-quyết vấn-đề chuộc đất ».

Sứ-bộ trở về theo thuyền Nhật-bản (Japon), đầu năm 1864, Pháp-Hoàng sai Hải-quân Trung-tá Hà-bá-Lý (2) (Aubaret) sang nước Đại-nam, và dặn rằng : « Nếu không lợi-hại bao nhiêu, thì nên làm theo lời yêu cầu của Phan-thanh-Giản ».

Vua Tự-Đức đặt Phan-thanh-Giản làm Khâm-sai chánh-sứ, Trần-tiễn-Thành, (3) Phan-huy-Vịnh, làm Khâm-sai Phó-sứ. Ngày Hà-bá-Lý đến Huế đã cùng nhau dự thảo một bản hòa-ước thế này :

« Nước Pháp trả lại cả ba tỉnh, mà năm 1862, vua Tự-Đức đã nhượng chủ-quyền cho nước Pháp ; nay chỉ xin quản-lý cho nhà vua, sáu tỉnh đất Nam-kỳ, và xin đóng binh tại Mỹ-tho, Thủ-dầu-một, và Sài-gòn, đè giữ-in trật-tự.

« Nước Nam nhường cho nước Pháp những hải-cảng : Đà-năng, Ba-Lạt, Quảng-yêm, đè khai thương.

(2) **Hà-ba-Lý.** Theo Thật-lục Chánh-biên, thì Hà-ba-Lý, là Aubaret thông thạo tiếng Việt-Nam và chữ Hán.

(3) **Trần-tiễn-Thành.** Tiên-thể người Phúc-kiến, lúc nhà Thanh lén thế nhà Minh, mới sang Việt-Nam, nhập tịch tỉnh Thừa-thiên. Năm thứ 14 triều Tự-Đức, Trần-tiễn-Thành đã làm thương-thứ, sung Cơ-mật-viện Đại-thần. Năm thứ 17 (1864), vua cho làm Toàn-quyền Phó-sứ, giao-thiệp với Hà-ba-Lý về vụ chuộc 3 tỉnh đất Nam-kỳ, theo Chánh-biên liệt-truyện.

« Nước Nam chịu bồi cho nước Pháp 80 triệu phật-lăng, trong khoảng 40 năm, mỗi năm 2 triệu.

« Nước Nam thuận cho các giáo-sĩ Gia-tô đi giảng đạo, song đi đến đâu, vẫn phải có nhà chức-trách cho giấy thông-hành ».

Vua Tự-Đức không chịu cho nước Pháp quản-lý cả 6 tỉnh, đất Nam-kỳ cũng không chịu cho nước Pháp lưu binh; tranh chấp hơn một tháng trời, hội-đồng không có đủ quyền, bèn giải-quyết vắn-dè thồ-vũ.

Trong lúc ấy, bên Pháp có một phe phản-động, làm tiền-phong cho bọn thực-dân : Thiếu-tướng Ri-Gô (Rigaut de Genouilly), Bô-Na (Bonnard) và Thượng-thư Lô-Ba (Chasseloup Lauhat), viết một quyền sách (4), dâng lên Nã-phá-Luân đệ tam, vạch rõ những mối lợi về thương-la, cả về thị-trường cả về nguyên-liệu.

Dân-quyền đương mạnh, vua nước Pháp, tuy đã hứa lời với Phan-thanh-Giản, và đã nói rõ ràng (5) : « Nước Pháp sẵn có hảo-tâm với cả các nước » ; thế mà ngày ấy, cũng phải hạ-lệnh cho Hà-ba-Lý sang Xiêm làm lãnh-sự, và cho Gò-răń-Đi (De Lagrandière) cứ thi hành theo bản hòa-ước năm 1862.

TIẾT THỨ III Phan-thanh-Giản

Cuối năm 1866, Ri-Gô lên làm Thượng-thư bộ Hải-quân, cố giúp

(4) **Quyền sách**.— (La question de la Cochinchine au point vue des intérêts français). Nói về lợi quyền của người Pháp ở Nam-kỳ).

(5) **Đã nói rõ**.— Theo bản Việt-Pháp Bang-giao của Phan-Khoang, thì Nã-phá-Luân đệ tam có nói câu : « La France est bienveillante pour toutes les nations ».

cho Gò-răń-Đi được thành công, nghĩa là lấy thêm ba tỉnh phía tây nữa. Đầu tháng 7 năm thứ 20 triều Tự-Đức (1867), Gò-răń-Đi kéo quân sang tỉnh Vĩnh-long ; cho đến tay vị Kinh-lược Đại-thần Phan-thanh-Giản bức tối-hậu-thư, có một câu này : « Nếu muốn cho khỏi chiến-tranh, thì giao chủ-quyền 3 tỉnh phía tây này cho người Pháp ».

Tuổi quá bảy mươi, Phan-thanh-Giản còn gượng đến điều đình với Nguyễn-soái ; song tôi của Nã-phá-Luân đệ tam, cũng như tôi của vua Tự-Đức, lợi quyền bắt buộc, bên nào cũng muốn phàm hơn ; không có nhà ngoại-giao quốc-tế đứng trung-gian, chỉ trong 5 ngày, quân Pháp chiếm luôn cả ba tỉnh.

Súng trường, súng đoàn, đã biết tài nhau, Phan-thanh-Giản không còn lạ gì, mà đem xương máu đong-bào, làm thí nghiệm một lần nữa ; chỉ yêu cầu với quan Nguyễn-soái, bảo toàn tánh-mạng và tài-sản cho dân.

Phan-thanh-Giản viết sớ gửi về kinh xin chịu tội với vua, có những câu : «... Tình thế ngày nay, chúng tôi đã thấy từ ngày trước, muốn có ngày tự cường tự-trị, xin Hoàng-đế sớm đòi phuong-châm...»

Đã không giữ được đất nhà vua, thì không ăn hột cơm nơi đất ấy ; Phan-thanh-Giản bèn tuyệt thực, để tự xử tội mình, và dặn con rằng : « Dầu được lợi lộc nhà vua thế nào, cũng không nên hiệp-tác với người Pháp ».

Thấy người dân còn hoài vọng, nếu mình chưa chết, thì dân còn chết vì mình, bèn tự kết-liêu cuộc đời, Phan-thanh-Giản phải dùng thuốc độc.

* * *

BÌNH LUẬN

Muốn làm việc gì cũng vậy, tất phải có dự bị một thời-gian ; như Tắt-tư-Mạch (Bismarck) muốn đánh Pháp-lan, đã phải chuẩn-bị binh-lương, đã phải thân-thiện với Nga-la-Tur, đã phải thám-sát dân tình đối với Nã phá-Luân đệ-tam ; cái muốn càng lớn, thì công phu dự-bị càng dày ; ngày dự-bị sẵn-sàng, tức là ngày có đủ thế-lực.

Vua Tự-đức muốn tranh-đấu với Pháp, mà chưa dự-bị, tức là không có thế-lực, thì thất-bại là lẽ cõ-nhiên. Ngày măt 6 tinh ở đăt Nam-kỳ, về phần trách-nhiệm, Phan-thanh-Giản đã tự xử tội mình, triều-đình còn bắt tội người dưới cùu-toàn, vua còn cách hết phàm-hàm, lại cho đục cả tên Phan-thanh-Giản trong bia Tiển-si năa.

Chúng ta nhớ về thế-kỷ thứ XIX, trên đất Phù-tang, một Thủ-tướng kỵ thương-ước với các nroc ngoài, dân chúng cho là đặc-tội với Thiên-Hoàng, bèn lên án tử-hình. Về sau, mới nhận thấy thủ-doạn của người dưới cùu-toàn, mở lối ngoại-giao, đe giữ cuộc hòa-bình trong thời-kỷ chưa dự-bị. Ngày quốc-dân giác-ngô, mới đúc tượng thờ người tại Đông-kinh. Làm những việc chưa ai làm, thấy những việc chưa ai thấy, không hiệp với quần-chúng, bị dư-luận công-kích ; song những bậc anh-hùng càng tự-đắc tự-hào, nhất là các nhà ngoại-giao thường chịu hy-sanh trước những điều người ta chưa thấy.

Sử-ký đã nói : « Người thì việc đến rồi mà chưa thấy, người thì việc chưa đến mà đã thấy rõ rồi. » Nhà ngoại-giao là người... phải thấy rõ những việc sẽ xảy ra, và phải nói với những người chưa thấy. Nói không phải khó, mà khó tại nói cho người nghe : nói mà người không nghe thì chưa phải là biết nói. Khó nói nhất, là khi hai người sức chằng ngang nhau : người mạnh, người yếu ».

Sử-bộ Việt-Nam sang Pháp, kỳ đầu là năm thứ 19 triều Minh-Mạng (1838), ngoại-giao thất-bại, chỉ đe lại trong báo giới, những bài dư luận về lối tuyên-truyền. Kỳ thứ hai này Phan-thanh-Giản làm sứ-thần, đi đến Pháp định, xin thuộc đất ba thành, với hai bàn tay trắng. Thế mà Phan-thanh-Giản nói, cho đến nỗi Nã-phá-Luân phải động lòng, định trả cả 3

thành cho vua nước Đại-nam ; chúng ta đọc sứ đến đoạn này, nêu năm
thầy chiêm-bao, dấu là hoa ở trong gương, nhưng mà trong lịch-sử ngoại
giao, hương vị thường phảng phất.

Đã nhìn tài ngoại-giao của Phan-thanh-Giản, thì chúng ta công nhận
câu thơ của Hồng-lượng-Cát là đúng. « Quá ái phiên thành bạc : cần toàn
khước thụ khuy ». Đất Nam-kỳ, sở-dĩ mất, là vì vua Tự-Đức quá thương
vì muôn được hoàn-toàn, cho nên tự làm thành khuy-khuyết. Nếu theo bản
Hiệp-uớc của Ha-ba-Lý, thì cả sáu ỉnh, vua còn giữ được chìu-quyền..



CHƯƠNG X

BẮC-KỲ

TIẾT THỨ I Nhị-Hà

Bên răm 1866, trước khi đánh lấy 3 tỉnh phía tây, Gò-rău-Đi
đã sai Hải-quân Trung-Tá Đu-Đa (Doudart de Lagrée) và Đại-ý
Ngạc-Nhi (Francis Garnier), đi ngả sông Mê-Kông, tìm lối sang Tàu,
đè thôrg thương trên đất Bắc.

Năm 1872, tuy vua Tự-Đức chưa chịu chánh-thức nhượng giao
cho Pháp Vĩnh-Long, An-Giang và Hồi-Tiêm, mà Đa-Rô (d'Arjaud)
Lục-quân Thiếu-Tướng, ngày ấy làm Thống-soái coi cả 6 tỉnh Nam-
kỳ, đã sai Trung-Tá Xê-Ne (Sénès) ra Bắc-kỳ, điều đình với quan
Khâm-sai, Đồ-phò-Nghĩa (Jean Dupuis) là một nhà buôn, chở hàng
sang Vân-Nam, theo đường sông Nhị.

Vì Triều-dinh cấm không cho muối xuất-cảng, Lê-Tuấn (1),
Khâm-sai Đại-thần, sợ người Pháp có đầu-cơ, đem muối sang Tàu,
mới khuớc lời Xê-Ne đe-nghị. Đồ-phò-Nghĩa ý thế Thống-soái, tự
giao cho Quân-á-Đinh và Bình-lợi-Ký, hai bạn Hoa Kiều, chở muối
sang Vân-Nam, đè cúng nhau chia mối lợi.

(1) Lê-Tuấn.— Người Hồi-Tiêm, khoa Quý-Sửu (1853) đậu Tiến-sĩ
Nam 1868, di sứ sang Yên-kinh. Ngày bệ tử, vua Tự-Đức ban thơ, có
cau : « Từ phương enuyen đổi thận nôa tử ». Đam-phán với nước
ngoại phải thận trọng lời nói. Năm 1872, làm Khâm-sai Bắc-kỳ Đại-sứ,
năm sau, sung chức Chánh sứ sang Pháp, Nguyễn-trie-Phtuong ra thế
chức Kinh-lược ở Bắc-kỳ.

Theo quyền cảnh sát viên Huyện Thọ-Xương, và viên Phòng-
Thành Hà-Nội, triệt cả thuyền, bắt cả hai người Tàu, để chờ mạng
lệnh. Đồ-phô-Nghĩa, đã không chịu lối, trở lại trói giữ cả hai nhà
chức-trách ở trong thuyền.

Nghé tin ấy, vua Tự-Đức cho Phan-đinh-Bình (2) ra Hà-Nội,
hội đồng với Nguyễn-tri-Phương (3). Kinh-lược Bắc-kỳ, để xử-trí
thế nào, cho khỏi thất-thè triều-định, và khỏi can-thiệp đến nước
ngoài, vừa người Tàu, vừa người Pháp.

TIẾT THỨ II

Tài ngoại giao của người Pháp

Ngày ấy, tại Nam-kỳ, Hải-quân Thiếu-Tướng Đu-pò-Rê (Du-pré) làm Thống-soái, theo chính-sách của quan trước, muốn lợi dụng
cơ-hội, mới tư về bộ Hải-ngoại (Thuộc-địa) rằng : « Đồ-phô-Nghĩa
tìm được con đường Hồng-Hà, sang Vân-Nam rất tiện ; Nam-riều
lại muốn đuổi nó, trên đất Bắc, không muốn có một người Tây. Tôi
xin phái binh ra, để bảo-vệ lợi-quyền cho người Pháp ».

Còn sợ bên Vân-Nam can-thiệp, mới gửi thư cho Tông-đốc

(2) **Phan-đinh-Bình.**— Người Thừa-Thiên, khoa Mậu-Thân (1848)
đậu Tiến-sĩ. Năm 1873, làm chức Khâm-sai ra Hà-Nội, hội đồng với
Nguyễn-tri-Phương, để điều-định việc Đồ-phô-Nghĩa.

(3) **Nguyễn-tri-Phương.**— Học rộng, mà không theo lối khoa-cử
không đi thi. Năm 1848, làm Phụ-chính dai-thần. Năm 1858, ngày quân
Pháp hâm 2 đồn ở Đà-Nẵng, là ngày Nguyễn-tri-Phương làm Tổng-thống
quân-vụ đại-thần. Năm 1851, tại Gia-Định, bị trọng thương. Năm 1866,
thăng hàm Võ-hiền Đại-học-sĩ. Năm 1868, vua Tự-Đức hạ họ 70 tuổi, có
câu thơ : « Thọ kim bách chiến hậu, vọng trọng lục khanh trung ». —
Thọ hưởng sau trăm trận, quyền cầm trước sáu ngòi. Năm 1872; ngày
1 tháng 10, thành Hà-Nội bị hâm, Nguyễn-tri-Phương bị bắt theo hàng tù
binh ; bèn tuyệt thực đúng một tháng vừa mất. (Theo Chánh biên liệt
chuyên).

Quảng-Đông rằng : « Việc của một công-dân Pháp, là Đồ-phò-Nghĩa, ngài đã lấy tình hữu-nghị, bảo-vệ hoàn toàn, tôi rất cảm-động. Đối với Pháp, An-Nam là nước bạn, nay ngài cho binh sang biên-giới, đè trừ bọn phiến-loạn, tôi xin vì nước bạn đền tạ ơn. Quyền-lợi của An-Nam, cũng như quyền lợi của Pháp, hễ bên này được việc, thì bên kia phải mang ơn, là lẽ tự-nhiên.

« Song Bắc-kỳ, Nam-kỳ, lợi hại trực tiếp với nhau, nếu tôi đè một mình ngài đảm-đương lấy việc trị an, thì còn gì là công-lý nữa. Tôi định phải chung một vai vào việc ấy, đè cho toàn cõi, hía thành thọ-vức xuân-đài, chúng ta sẽ lập lại lối thông thương, giữa Vân-Nam và Việt-Bắc.

« Theo những điều-kiện đã nói, thì ngài không phải tăng binh trên đất Bắc-kỳ ; triều đình An-Nam cùng tôi, đều tận bênh-vực quyền-lợi của người Tàu, là bạn láng-giềng, đè cùng nhau đổi-trao hàng hóa ».

Lại gởi một bức thư cho Tòng-Đốc Vân-Nam :

«... Việc rắc rối của Đồ-phò-Nghĩa, thì bồn-phận tôi phải thu-xếp cho trong ám ngoài êm, ngài khỏi phải gởi sang, tôi sẽ gởi đến Bắc-kỳ một võ-quan, đè điều đình cho òn-thỏa... »

Theo 3 bức thư (4) đã gởi, thì Đu-pờ-Rê chắc lưỡng quàng, sẽ hoan nghinh, chánh-phủ Pháp cũng sẽ biếu-đồng tình, cho phép mình tự-do hành-động.

TIẾT THỨ III

Lối ngoại giao của nước Việt

Thấy Phan-định-Bình, Nguyễn-tri-Phương, điều đình không có hiệu-quả, vua Tự-Đức càng thù Đồ-phò-Nghĩa, mà không biết nói

(4) **Ba bức thư.**— (Theo bản L'Indochine française contemporaine.)

cùng ai ; mới cho Sứ-thần sang Vân-Nam, trân trọng với Tông-đốc lưỡng-quảng. Chẳng ngờ thư của Đu-pờ-Rê đến trước, quan Tàu muốn đi đôi với Pháp, đè chia tay mấy tinh giáp biên-cương.

Thống-soái ở Nam-kỳ, trong lúc hối-hộp chờ tin thì được bộ Hải-ngoại trả lời rằng : « Dầu vì lý-do gì, cũng không được cho quân ra Bắc ». Đu-pờ-Rê hoàn toàn thất vọng, như bị bó tay, những kế-hoạch đã dự trù, hóa thành ảo-mộng ; đối với lưỡng-quảng, chưa biết nói lại thế nào.

Vua Tự-Đức, không thấy bạn láng-giềng xứ-trí, tự biết nước xa không cứu được lửa gần ; bèn cho Lê-Tuấn, Nguyễn-tăng-Doản và Nguyễn-văn-Tường, đi vào Sài-gòn, yêu cầu với Đu-pờ-Rê, can-thiệp việc Đồ-phò-Nghĩa.

Còn đương bị bí, tự-nhiên có người đến bày nước cho mà đi, thống-soái mới bàn với các sứ-thần rằng : « Muốn tôi nhúng tay vào việc ấy, thì tôi phải cho ra Bắc một toán quân, có một viên Đại-úy chỉ-huy, đè đối-phó với Đồ-phò-Nghĩa ».

Ngày 11 tháng 10 năm 1873, Đu-pờ-Rê cho Đại-úy Ngạc-Nhi (Francis Garnier) đem 170 lính xuống thuyền, trước khi ra Bắc, phải ghé vũng Trà-Sơn, đưa 3 vị Sứ-thần trở về, và đè lãnh mạng-lệnh của vua Tự-Đức.



(5) **Ngạc-Nhi đì với Đồ-phò-Nghĩa.**— Theo bản L'Indochine contemporaine, trước khi đến Hà-Nội, Ngạc-Nhi đã viết thư cho Đồ-phò Nghĩa rằng : « Theo sứ-mạng của tôi, về ngoại dung, vẫn là phải điều tra những lý-do xung-dột ; song về nội-dung, thì Thiếu-Tướng muốn mở lối thông-thương. Vì vậy cho nên tôi sẽ nhờ vào tài-năng sáng suốt của ông đè giải-quyết vấn đè sông Nhị.

TIẾT THÚ IV

Ngạc-Nhi

Ngày 5 tháng 11, Ngạc-Nhi đi với Đồ-phò-Nghĩa (5) đến yết Kinh lược Nguyễn-tri-Phương, và xin đem binh vào đóng trong thành; vì quan Kinh-lược biết điều đình, cho nên mới chịu đóng ở Trường thi gần thành Hà-Nội.

Các quan địa-phương thấy nhà binh đi với Đồ-phò-Nghĩa, đã hoài nghi: ngày 17, lại thấy Ngạc-Nhi tuyên bố những điều dưới đây:

« Vì có các quan Khâm-sai vào Sài-gòn, yêu cầu với Soái-phủ, nên bồn-chức tuân mạng-lệnh nhà binh, đến đây để mở lối giao-thông, lấy Hồng-hà làm đường vận-tải ».

Ngày 18, gửi đến Kinh-lược một bức tối-hậu-thư, trách các nhà cầm quyền, không bảo-vệ người Pháp, đã làm trở ngại công việc của Đồ-phò-Nghĩa, thì phải bồi-thường.

Sớm 20, quân Pháp ở Trường-thị bắn vào, chỉ trong mấy giờ, thì hầm thành Hà-nội. Nguyễn-Lâm, con Nguyễn-tri-Phương, tử trận, quan Kinh-lược cũng bị trọng thương, lại bị bắt giam theo hạng tù binh, cho đến nỗi phải tự quyết-sinh trong ngày ấy.



BÌNH LUẬN

Trong giai-doạn vừa qua, nước Việt, nước Pháp, đều ở đúng theo phuong-pháp ngoại-giao, đều biết tôn trọng những điều đã ký-kết : vua Tự-Đức ngày ấy không phải là vua Tự-Đức ngày trước nữa, đã cố gắng duy-trì lấy cuộc hòa-bình, cho sứ thần ra Bắc vào Nam, để điều-định theo tình-thân-thiện. Nước Pháp hôm nay cũng không phải như nước Pháp hôm qua, chính-thì đã đổi lại Cộng-hòa, dẫu thấy những mối lợi ở Bắc-kỳ, dẫu có sẵn binh-thuỷền, bộ Hải-quân vẫn cố-gắng giữ cho khỏi chiến-tranh, đã ra lệnh cho nhà cầm-quyền ở Nam-kỳ, không được hành-động.

Đáng lẽ hòa-bình thật-hiện, Việt-Pháp để-huề : thế mà Nguyễn-tri-Phuong bị cầm tù, Hà-nội bị thắt thủ, cuộc hòa-hòa thành cuộc chiến, đều do nhà binh áp-dụng cường-quyền ; đã áp-dụng cường-quyền, thì phuong-pháp ngoại-giao không tồn-tại nữa.

Theo lịch-sử, trong giai-doạn này, chúng ta nhận thấy Đu-pò-Rè, Đồ-phò-Nghĩa và Ngạc-Nhi đã làm những việc không đáng làm ; chẳng những là đối với vua nước Việt-Nam, mà lại còn đối với chánh-phủ Pháp..



CHƯƠNG XI

HÒA-ƯỚC NĂM GIÁP-TUẤT

TIẾT THỨ I

DĨ HÒA VÌ QUÍ

Thành Hà-nội bị Ngạc-Nhi chiếm đóng, gặc cướp ở các tỉnh nồi lèn ; còn nhơn dân, người thi xu-phụ theo tây, người thi trùm chǎn, tại thành-phố cũng như tại hương, thôn, bạn nông, bạn thương, đều hoang-mang, như con mất mẹ. Ngạc-Nhi thừa thế, cho quân đi đánh dẹp, đến đâu cả quan, cả dân đều bỏ chạy, thành thủ, chiếm luôn Ninh-bình, Hải-dương, Nam định, chỉ trong khoảng 20 ngày.

Liền khi nhận được tin, vua Tự-Đức sai Trần-định-Đức, (1) Nguyễn-trọng-Hiệp, (2) đi với Giám-mục Bình (Sohier) Linh-mục Đăng (Danzelger) ra Hà-nội điều-định với Pháp. Lại cho Hoàng-kế-Viêm làm Tiết-chế quân-vụ, đe cầm-phòng các tỉnh thượng du. Song vẫn cứ lo, nếu Ngạc-Nhi không chịu điều-định, thì dân Bắc-kỳ còn chết nữa ; bèn cho Lê-Tuấn, Nguyễn-văn-Tường, làm chánh phô Toàn-quyền vào Sài-gòn, đe yêu-cầu nghị hòa với quan Thống-Soái.

Trong thời-kỳ nguy-ngập, Hoàng-kế-Viêm tự nhận thấy sức thua người ; muốn nhờ thế-lực ở ngoài, mới tâu xin cho Lưu-vĩnh Phúc,

1) **Trần-định-Túc.**— Người Quảng-trị, năm 1868, vua Tự-Đức sai sang Hương-cảng. Năm 1873, làm Tông-đốc Hà-nội. Vua sai điều-định với Ngạc-Nhi để nhận lại thành-tri.

2) **Nguyễn-trọng-Hiệp.**— Người làng Kim-lũ, trước kia thuộc về Hà-nội, nay thuộc tỉnh Hà-Đông. Năm 1865, đậu Tiến-sĩ. Năm 1837, vua cho làm Tuần-vũ Hà-đông, đe giao-thiệp với người Pháp.

chủ đảng Cờ-den, làm Đề-đốc. Người Tàu tuy nhận chức, song không chịu đe cho quan Tiết-ché chỉ-huy, thành-thứ, chiến-lực, quân-cơ, Lưu-vĩnh-Phúc vẫn tự-do hành động.

Cờ-den là quân ô-hợp, bọn tàn-tốt của Tàu, lấy tử-chiến, làm kế sanh-nhai, chẳng những hành-động ở các tỉnh thương-du, mà vẫn thường xuống nhũng-nhiều trung-châu, dân Bắc-kỳ đã phải chịu ảnh-hưởng chiến-tranh, tánh-mạng, tài-sản, quan địa-phuơng không có đủ quyền bảo-đảm.

TIẾT THỨ II

Hoác-đạo-Sanh

Đu-pò-Rê (Dupré) sai Ngạc-Nhi ra Bắc, là trái phép với bộ Hải-quân, càng chiếm được nhiều thành, càng mang tội lạm quyền, lại còn tự gây cuộc chiến-tranh cho nước Pháp. Nghe Ngạc-Nhi đã lấy được bốn tỉnh Đu-pò Rê chưa biết thu xếp thế nào. Vừa nghe có hai vị Đại-thần đến đe nghị-hòa thì mừng hơn thắng-trận.

Thống-soái liền ủy quyền cho Hoác-đạo-Sanh (3), Hải-quân Đại-úy, đi với hai vị Khâm-sai của vua Tự-Đức, ra Bắc hội-đồng với Ngạc-Nhi Đại-úy, xoay cuộc chiến ra cuộc hòa-lợi-dụng cơ-hội này, đe bắt vua Tự-Đức nhượng giao toàn cõi Nam-kỳ, cho có văn-kiện chính-thức.

Đi cùng nhau trên bờ Trung-quốc, Việt-Pháp đe-huề, hai vị Toàn-quyền Đại-thần mở hủ-đoạn ngoại-giao, giải-quyet được cả 2 vấn-đề : nhận lại 4 tỉnh-thành, và đuổi Đồ-phô-Ngaria.

Thuyền vừa đến Cửa Cẩm, thì nghe quân Cờ-den đã giết mất Ngạc-Nhi, thố tử hổ bi, Hoác-đạo-Sanh nồi giật ; nhất định không

3) **Hoác-đạo-Sanh.**— (Aubaret) thông-thạo tiếng Nam, chữ Tàu, tánh-thích văn-hóa Á-dòng, trọng công-ly (theo bản L'Indochine française contemporaine). Trong thực-lục Chính-biên dịch chữ Aubaret ra Hoác-đạo-Sanh, cũng có chỗ dịch là Hà-ba-Lý.

ra Bắc, vì tình thế biến-chuyen, phải trở về Nam, coi Thống-Soái xử-trí thế nào.

Lê-Tuấn ung-dung ủy-giải, Nguyễn-văn-Tường ứng-biến phán rằng : « Chúng ta vâng mạng-lệnh hai chính-phủ, ra Bắc đè nghị hòa, chấm-dứt cuộc chiến tranh, còn trong buổi đương xung-dột cả hai bên, sao khởi xảy ra những điều ý ngoại : Đại-ý Ngạc-Nhi bị ám-sát, cũng như Kinh-lược Nguyễn-trí-Phương đã phải chết theo hàng tù-binh. Nay nhiệm-vụ của chúng ta, là gấp đến đè giải-hòa, đè cho cả hai bên khởi bèle lưu huyết nữa ».

Hoác-đạo-Sanh tinh thông chữ Hán, lại là nhà luật-sư đã nổi tiếng xưa nay, nghe những lời phân-trần của Nguyễn-văn-Tường, thì tự nguôi lòng, mới chịu đi thẳng đến Hải-phòng, ngày 2 tháng giêng năm 1847 đến Hà-nội. Hoác-đạo-Sanh, theo mạng-lệnh của Soái-phủ, nhận quyền Giám-đốc cả quân-vụ, cả hành-chánh, đè đối phó với tình thế hiện-thời.

TIẾT THỨ III Bản hiệp-ước

Ngày 5 tháng giêng năm ấy, Giám-đốc Hoác-đạo-Sanh, Chánh phủ Toàn-quyền Lê-Tuấn, Nguyễn-văn-Tường, đồng ký một bản hiệp-ước như sau :

1) Một bên là quan quân của Pháp, một bên là các nhà chức-trách của Nam-triều, nay đều công nhau những điều sai-lầm, và đều thỏa-thuận cùng nhau theo những điều giao-ước sau này : « Những tỉnh thar là N-nh-bình, Nam-dịnh, Hải-duong, quân đội Pháp rãnh nhiên đã chiếm, nay giao lại cho các nhà chức-trách của Nam-triều. Quan Giám-đốc quân-vụ sẽ thương-đồng với các quan địa-phuơng, định những điều-kiện thiết thực, về lối trị-an, và định rõ ngày giờ trao trả.

2) Bên Nam-triều chỉ đem vào trong những tỉnh ấy, một số lính vừa đủ giữ trật-tự mà thôi ; và đè cho Lục-quân, thủy-quân, của Pháp được tự-tiện thông-hành, trong khi phòng-bị giặc cướp.

3) Những người ký tên trên bản hiệp-ước này, tức là những nhà đại-diện cho hai chánh-phủ, sẽ bàn định những sự-nghi về tỉnh Hà-nội, một bên giao, một bên nhận, để cho toàn cõi Bắc được như xưa.

Bao nhiêu binh-thuyỀn của Pháp, sẽ tập-trung tại Hải-phòng, chờ ngày bản hiệp-ước này ký kết hoàn-thành, thì trở về Gia-định.

Về vấn đề đất, Hoác-đạo-Sanh giải quyết theo luật nhà binh; còn vấn đề người, Hoác-đạo-Sanh xử theo luật hình, bắt Đò-phò-Nghĩa và những người Tàu, người Pháp có can thiệp về vụ chở đồ quốc-cám, đều phải rời khỏi đất Hà-nội, và phải đến tại Hải-phòng; đề lanh giấy trở về quê-hương, hay là lưu trú những nơi có chính-phủ cho phép.

TIẾT THỨ IV

Bản hòa-ước

Bản Hiệp-ước đã đem lại cuộc hòa-bình trên đất Bắc, Đu-pờ-Rê ủy Lê-Na (Rheinart) ra Hà-nội, và mời Hoác-đạo-Sanh, Lê-Tuấn, Nguyễn-văn-Tường, vào Sài-gòn, để lập bản hòa-ước chính-thức cho cả Bắc cả Nam, theo lời vua đã hứa.

Ngày 27 tháng Giêng năm Giáp-tuất, năm thứ 27 triều Tự-Đức, (15-3-1874) Hải-quâU Thiếu-tướng Đu-pờ-Rê; Chánh Phô, Toàn-quyỀn (4) Đại-thần Lê-Tuấn, Nguyễn-văn-Tường, đồng ký một bản Hòa-ước 22 khoản :

1) — Việt-Pháp, hòa-bình, liên minh vĩnh-viễn.

2) — Đức Giám-quốc nước Pháp công nhận rằng : « Bất kỳ đối với nước nào, nước Đại-nam độc-lập hoàn-toàn, Đức Hoàng-đế có đủ quyền nội-trị ngoại-giao ; lúc nào Đức Hoàng-đế có yêu-cầu, thì

4) **Toàn-quyỀn.**— Theo thật-lục Chính-biên, thì vì triều-dinh tàu xin cho sứ-thần có đủ quyền ngoại-giao, nên vua Tự-Đức ban cấp ấn kiêm làm Toàn-quyỀn Đại-thần, để nghị hòa cho kịp.

nước Pháp sẽ giúp binh, để giữ cuộc trị an : hoặc nội-loạn, hoặc ngoại-xâm, hoặc đánh dẹp bọn giặc cướp ngoài bờ biển.

3) — Để đáp ơn bảo-hộ theo lời đã hứa, Đức Đại-nam Hoàng-đế tự chịu giữ theo chính-sách của Pháp, không thay đổi gì về lối ngoại-giao. Về những thương-ước, dầu trường hợp nào nước Đại-nam cũng không được lập riêng với một nước ngoài, trái với thương-ước đã lập cùng nước Pháp.

4) — Đức Giám-quốc nước Pháp tặng Đức Hoàng-đế nước Đại-nam những chiến thuyền và nhiều chiến cụ, đã kê rõ trong một bản riêng.

5) — Đức Đại-nam Hoàng-đế công nhận, nhường chủ-quyền cho nước Pháp, những nơi quân Pháp đã chiếm đóng, theo cương-giới sau này :

Phía đông : bờ biển Tàu và nước Đại-nam (Tỉnh Bình-thuận) ;

Phía tây : vịnh Xiêm-la :

Phía nam : bờ biển Tàu ;

Phía bắc : nước Cao-môn và nước Đại-nam.

6) — Nước Pháp miễn cho nước Đại-nam, khỏi trả số tiền còn thiếu về khoản bồi bù binh phí.

7) — Nước Đại-nam chỉ phải trả cho nước Y-pha-nho, số tiền bồi binh-phí.

8) — Đức Giám-quốc nước Pháp và Đức Hoàng-đế nước Đại-nam, đều ân-xá cho tất cả nhân-dân, cũng như tù-binh, những tội trong thời-kỳ chiến-tranh đã phạm.

9) — Đức Đại-nam Hoàng-đế chịu cho truyền-giáo tự-do.

10) — Chính-phủ nước Đại-nam có thể lập tại Sài-gòn một trường Cao-đẳng tèu-học.

11) — Chính-phủ nước Đại-nam chịu cho thông-thương cửa Thi-nại, (tỉnh Bình-dịnh), cửa Ninh-hải (tỉnh Hải-dương), thành phố Hà-nội, và sông Hồng-nà từ biển đến Vân-nam.

12) — Người Pháp và người ngoại-quốc được đến ở buôn bán.

13) — Mỗi cửa biển khai thương, nước Pháp sẽ đặt Lãnh-sự, có vài trăm lính hộ-vệ.

14) — Dân nước Đại-nam được tự-do đi du-lịch, đi buôn bán ở Ppir, và các thuộc-địa Pháp. Đè bảo-vệ bạn kiều-cư hải ngoại, Đức Hoàng-đế nước Đại-nam cũng được đặt Ủy-viên,

15) — Người Pháp hay là người ngoại-quốc muốn ở trên đất nước Đại-nam, đều phải xin phép quan Pháp và quan địa-phương.

16) — Người Pháp hay là người ngoại-quốc kiện nhau, thì do quan Pháp xử. Nếu có cau-thiệp đến người bản xứ, thì có quan Nam hội đồng.

17) — Người Nam phạm tội đại hình trên đất Pháp, thì do tòa Sài-gòn xử.

18) — Những người Nam phạm tội trốn sang đất Pháp, thì do quan Pháp bắt; cũng như những người Pháp phạm tội trốn sang đất Đại-nam, thì do quan Nam bắt.

19) — Người Pháp hay là người ngoại-quốc chết trên đất nước Đại-nam, cũng như người Đại-nam, chết trên đất Pháp di-sản sẽ về phần người thừa-kế.

20) — Đức Giám-quốc sẽ bồ một quan Trú-sú, ngang hàng với các vị Thượng-thur, đến ở gần nhà vua, để giao-hảo, và để thi-hành các khoản trong bản Hòa-ước. Đức Hoàng-đế cũng được đặt Trú-sú ở Pa-ri và ở Sài-gòn.

21) — Bản Hòa-ước này thay thế bản làm năm 1862. Nếu nước Y-pha-nho không chịu nhận khoản nào, thì khoản ấy chỉ thi hành giữa nước Nam và nước Pháp.

22) — Hòa-ước này sẽ vĩnh-viễn, và sẽ hộ giao hộ hoán tại Huế trước một năm ».

* * *

BÌNH LUẬN

Ngạc-Nhi (1) săn võ-lực, săn dã-tâm, đã toan nuốt sông đất Bắc-kỳ, nếu bọn Cờ-den chưa lên án. Nước nào cũng có người hay người dở, chưa chắc nước ta không có Ngạc-Nhi ; nước văn-minh khác nước dã-man, nhỡ có người hay nhiều, người dở ít. Hoác-đạo-Sanh lại sống theo nghĩa vụ, trọng lẽ công-bình, Ngạc-Nhi chiếm hết bao nhiêu, Hoác-đạo-Sanh trả lại bấy nhiêu, một bên làm cho mất danh-dự của nước văn-minh, một bên thuộc lại danh-dự được hoàn-toàn ; làm đúng theo phương-pháp ngoại-giao, xây cuộc chiến ra cuộc hòa, làm đúng theo tôn-chỉ của nước Pháp.

Dẫu thời-gian có biến-cải tình-thể, những bản hiệp-ước, hòa-ước của Hoác-đạo-Sanh, thành-sử còn ghi, đúng như lời của La-vò-Đản (Lavedan) : « Làm theo nghĩa-vụ, khi nào cũng có chỗ tự-đắc tự-hào ; dẫu thất-bại, cũng không có chỗ nào hối-hận ».

Chúng ta đọc bản Hòa-ước, chỉ trích khoản thứ 3 và thứ 5 còn ám-muội, thì mừng thấy cả Việt, cả Pháp, đều làm đúng tôn-chỉ ngoại-giao ; sứ-thần cả hai bên, đều không mê hoặc theo lợi hại nhau tiền, mà biết nhìn nhận đến cuộc tương-lai, nước bại trận vẫn giữ « lẽ nhượng » để cho được hòa-bình ; nước thắng trận cũng không ý cường-quyền, áp-bức những điều quá đáng.

Song trong khi công nhận Việt-Nam là nước hoàn-toàn độc-lập, mà đã đưa chữ « bảo hộ » vào khoản thứ 3 ; đã biếu-lộ cái ý-chí của Đu-pờ-Rê, chỉ còn chờ một thời-kỳ thuận-tiện.

Theo bản Hòa-ước năm Giáp-Tuất, chúng ta chỉ thấy mất 6 tỉnh đất Nam-kỳ ; chúng ta cũng nên nhớ lại rằng : có những bờ cõi đã mất ngoài

I) **Ngạc-Nhi.**— (Francis Garnier) Theo Thật-lực Chính-biên, và L'Indochine française contemporaine, ngày 21 tháng 12 năm 1873, bọn Cờ-den nùp hai bên Cầu-giấy (phủ Hoài-Đức) nhảy lên thịnh-linh, trong khi Ngạc-Nhi xuất trận, giết một cách tàn-nhẫn : đầu rơi khỏi cổ, quả tim lõi ra ngoài ngực, da nõi bụng dưới bị lột ra từng mảnh, như bị bá đao.

cuộc chiến-tranh, như bên năm 1861, Gò-răń-Đi đã lấy mất của nước Việt-Nam hai bức hàng rào, mà nước Việt-Nam chưa hề dám nói. Cao-miên và Ai-lao là hai bức hàng rào theo lịch-sử, dấu thế nào cũng còn có tình cũ nghĩa xưa, nhất là nước Cao-miên, lại càng mặn-nồng hơn nữa.

Song Tái-ông thất mã, biết thế nào là rủi là may ; nước Việt-Nam mất mấy bức hàng rào, rồi mất luôn đến bờ cõi phía trong, phải mở cả sông Nhị để giao-thông với các nước ngoài : Âu, Á, thành hôn, người Pháp đã làm môi-giới.

Có Ngạc-Nhi dở, mới có Hoác-đạo-Sanh hay, trong bản Hòa-ước, khoản thứ nhất, khoản thứ nhì, nước Việt-Nam được nước Pháp bảo-dảm cho hòa-bình vĩnh-viễn. Nhờ có Lê-Tuấn và Nguyễn-văn-Tường, hai nhà ngoại-giao làm theo nhiệm-vụ, mới xây được cuộc chiến ra cuộc hòa, Bắc-kỳ còn về lãnh thổ của nước Việt-Nam, công của các nhà ngoại-giao, thường còn trong sách sử.



CHƯƠNG XII

BẠNG GIAO

TIẾT THỨ I

Du học

Năm 1875, tức là năm nước Pháp tuyên-bố « Hiến-pháp » Cộng-hòa ; nước Đại-nam, dưới lầu Ngọ-môn, làm lễ hộ giao bản hòa-ước 22 khoản. Tuy vua Tự-Đức chịu hòa với Pháp, song quốc-dân vẫn phản đối vẫn hoạt-động : tại Nghệ-an, Hà-tịnh, Trần-Tân, Đặng-như-Mai, xướng-suất bạn văn-thân, lấy 4 chữ « Sát tà bình tây » làm khẩu-hiệu (1). Tại phía Nam, nhất là miền Ba-động, Trần-Binh, Lê-tấn-Kế, khởi nghĩa ở Trà-Vinh.

Bề trong, vua với dân là một, bề ngoài, vua với dân đi hai ngả trái nhau, vua sai Nguyễn-tăng-Doán (2) ra Bắc-kỳ, giao đất cho Dujardin, đề cho quân Pháp lập đồn ; lại sai Phạm-phú-Thứ, Trần-hy-Tăng, (3) thi hành những điều-kiện đã ký-kết trong thương-

1) **Khẩu-hiệu.**— Theo bản sử Trần-trọng-Kim.

2) **Nguyễn-tăng-Doán.**— Người Quảng-trị. Khoa Đinh vị (1847) đậu Cử-nhơn. Năm 1870, vua Tự-Đức sai sang Hương-cảng. Năm 1873, đã được lựa vào sứ-bộ sang Pháp, sau vì xảy việc khai-chiến ở Bắc, nên phải tạm định. (Theo Chính-biên liệt-truyện).

3) **Trần-hy-Tăng.**— Người Nam-định. Khoa Ất-sửu (1865) đậu tam nguyên, chưa đầy 30 tuổi. Năm (1875), làm Tuần-vũ lính Hà-nội, kiêm việc Thương-chánh. Vua Tự-Đức ban một bài thơ có câu : « Nho thần lý quận tư thời-thở ; thương-chánh hưng bang hiệu nhật-thành » (Theo chính-biên liệt-truyện).

Chính-phủ Pháp chia Lê-Na (Rheinart) sang làm Ngoại-giao Đặc-sứ (Chargé d'affaires), ở trên bờ (4) phía nam sông Hương; cho Tò-Ru (Truc) làm lãnh-sự ở Hải-piòng; Két ga-Ra (Kergadec) làm lãnh-sự ở Hà-nội.

Triều-đình cũng phái Nguyễn-thành-Ý vào Sài-gòn làm Lãnh-sự. Tán tuồng ngoại-giao chính-thức, trên sân-khấu, Nguyễn-thành-Ý đóng vai đầu; vẫn phải tiếp-xúc với người, mà môn ngoại-giao chưa học. Lợi-quyền lại tương phản, ngôn-ngữ bất đồng, mỗi việc mỗi thấy gay-go, triều-đình mới theo kế-hoạch của Cố Sáu (5) điều trần-định cho thanh-niên đi « du học ».

Năm 1877, tại Ba-lê mở đấu xảo có mời nước Đại-nam; vua Tự-Đức cho Nguyễn-thành-Ý đem những sản-phẩm sang, nhân dịp, cũng đem sinh-viên đến Tu-lông (Toulon) ở học.

TIẾT THỨ II

Ngôai-giao chính-thức

Cũng năm ấy (1877), vua Tự-Đức cho Sứ-bộ sang Pháp, sang Y, pha-nho. Ngày 20 tháng 1 năm 1878. Sứ-bộ xuống thuyền, ngày 22 tháng 2 đến Tu-lông, khai 10 giờ, làm lễ truy-diệu 10 người đã tạ-thế giữa đường, và đã hải táng. Liên khi ấy, có quan viên của Bộ Thuộc-địa lên thuyền chào, sau mấy lời ngoại-giao, thì rước về sứ-quán.

Một tòa nhà trần-thiết rất hoa-lệ, rất huy-hoàng, có Đại-tướng Đu-pò-Rê (Dupré) và Bá-tước An-ki-E (Alquier) đại diện Chính-phủ

4) **Trên bờ sông hương.** — Năm 1876, vua Tự-Đức cho làm tòa Trú-sứ tại tả ngạn Hương-giang (Theo Thật-lục Chính-biên).

5) **Cố Sáu.** — Năm 1863, Linh-mục Sáu, người ta gọi là Cố Sáu, về Huế tàu rắng: « Muốn hòa hay muốn chiến, đều phải chuẩn-bị một thời-gian song trước khi chiến, xin phải hòa 9 năm, cho 3 khóa thanh-niên đi ngoại quốc (Theo Dã-sử).

nghinh-tiếp, và ở lại sứ-quán chực cung-đốn, trong thời kỳ sứ-bộ lưu-trú tại Pa-ri.

Ngày 10 tháng 3, sứ-bộ phục-sức thường-triều, đến chào Thượng-thư bộ Ngoại-giao, và trình đạo Dự (6) đã dịch ra chữ Pháp : Đại-nam Hoàng-đế làm bản Dự này, đặt Nguyễn-tăng-Doản, Thượng-thư bộ Lại, làm Chánh-sứ ; Tôn-thất-Phan, Thị-Lang bộ Lẽ, làm Phó-sứ ; Huỳnh-văn-Vân, Lang-truug bộ Công, làm Bồi-sứ ; và Thông-ngôn Nguyễn-văn-Thư ».

Ngày 21, tiếp thư bộ Ngoại-giao, nói về việc yết kiến vị Giám-quốc, có đính theo một bản chương-trình : « Ngày thứ 6, 22 tháng 3, năm 1878, đúng 1 giờ, tại điện E-li-dê (Elysée) công tiếp Sứ-bộ của Đại-nam Hoàng-đế.— Trước 15 phút, ông Mô-Gia (Mollard) đem chiếc xe của vị Giám-quốc, đến tại Sứ-quán, để rước Sứ-thần.— Khi đến trước sân, một đội Bộ-quân 500 người bồng súng chào, các quan văn võ đón rước vào phòng tiếp-tân, rồi đưa lên điện, là nơi vị Giám-quốc, có các vị Thượng-thư và quan lại đứng chờ.— Sau lễ yết-kiến, quan quân đưa Sứ-bộ trở về, giữ theo lề-nghi khi đi rước ».

TIẾT THỨ III Lễ thám yết

Sau lễ công yết, hôm sau làm lễ thám yết. Tại điện các vua (Palais Royal), lề nghi nghinh-tiếp, vẫn như hôm trước ; các Sứ-thần phục-sức đại-triều, đến trước vị Giám-quốc. Quan Chánh-sứ đọc :

« Kính Vị Nguyễn-soái Giám-quốc điện-hạ, chúng tôi tuân mạng-lệnh của Đại-nam Hoàng-đế, đem bản quốc-thư và phầm-vật tặng-hảo. Chúng tôi kính chúc Điện-hạ khương-cường, kính chúc nước Đại-Pháp thịnh-trị. Theo những điều hòa-ước giao-hảo, từ nay về sau hai nước càng ngày càng được hạnh phúc hoàn-toàn, và được thêm-vinh-quang trên thế-giới ».

6) **Đạo dụ.**— Ngày 2 tháng 10 năm thứ 30 triều Tự-Đức, như bản Ủy-nhiệm-thư (Theo Thật-lục Chính-biên).

Vị Giám-quốc đáp : « Kính quan Chánh-sứ, tôi vui lòng nhận
những lời của Đức Đại-nam Hoàng-đế, do ngài đại-diện, đề tò tình
hữu-nghị, tôi chúc cho ngài và cả Sứ-bộ khương-an. Tôi mong rằng:
các ngài sẽ được thỏa tình, trong thời-kỳ lưu-trú tại Pa-lê, thành-phố
này sẽ tiếp-dai xứng-đáng với nhiệm-vụ của Sứ-bộ ».

Từ ngày 23 tháng 3 cho đến ngày 5 tháng 4, trong khoảng 13
ngày, đầy những giờ yến-tiệc, những giờ đi thăm các vị Thượng-thư,
Nghị-viên, Sứ-thần các nước, và những giờ tiếp khách, tức là tiếp
những người đáp thám, công việc ấy, đáng làm một tháng mới vừa.

TIẾT THÚ IV

Y-pha-nho

Ngày 19 tháng 4, Sứ-thần của Pháp ở Y-pha-nho phúc thư đến
bộ Ngoại-giao rằng : « Nước Y-pha-nho xin hoan-nghinh Sứ-bộ của
nước Đại-nam, và xin đài-thọ cả các phí-tồn. » Ngày 7 tháng 5, Sứ-
bộ rời Pa-ri đi đến Bay-on (Bayonne), cương-giới của nước Pháp. Có
Lãnh-sự Y-pha-nho đón tiếp, đề đưa đến I-ron (Irun) là địa-dấu nước
Y-pha-nho.

Tại ga I-ron, đã có một toa xe đặc-biệt, cả quan văn quan võ hơn
40 người đến rước, 200 lính bồng súng phát cờ, và 1 đội nhạc thời
kèn chào, như khi vua Y-pha-nho ngự vậy. Khi đến Kinh-đô (7) Ma-
đò-rít (Madrid), thì có triều-định Y-pha-nho, và Sứ-thần nước Pháp
đến chào mừng.

Qua ngày hôm sau, quan Thượng-thư bộ Ngoại-giao đến thăm
tại Sứ-quán, và đưa một bản lề-nghi dự định, về buổi triều yết, có
những khoản sau này :

« Đúng 1 giờ ngày 12, quan Khâm-Mạng tiếp Sứ sẽ đi xe công,

7) **Kinh-đô**.— Madrid cao hơn mặt biển 593 thước, có chỗ cao đến
1.000 thước. (Theo địa-đồ nước Y-pha-nho).

và đem theo 3 chiếc xe đặc-biệt, đến tại Sứ-quán, để rước các vị khách sang. Quan quân đi hầu, nhất-thiết chiếu theo thề lệ đi chầu Ngự giá : 1) Xe trước 4 ngựa rước những người tùy-tùng Sứ-bộ : 2) Xe thứ hai 6 ngựa, tức là chiếc xe ngự, để không ; có 14 mã-ky và 1 viên Đại-thần đi ngựa theo chầu. Chiếc xe này khi trở về, sẽ đê lại sứ quán, cho Sứ-thần hành dụng. 3) Xe thứ ba cũng 6 ngựa, rước Sứ-bộ lên ngồi, có hai Đại-viên đi ngựa theo hầu, và 18 mã-ky.

« Đến Hoàng-cung, chỉ xe Sứ-bộ vào cửa, đi thẳng đến thềm điện ; còn các xe kia, phải dừng ngoài cửa, để người xuống đi chân.

« Giữa sân điện, tất cả số binh tại Nội, bồng súng đứng khít nhau, phân tâ hưu hai hàng, khi xe Sứ-bộ đi ngang qua, thì chào như khi vua ngự ».

« Nơi thềm điện, bài liệt nghi trượng, dấu hiệu của nước, có Nội-thần đứng chực tiếp Sứ, và đưa vào gian thứ nhất. Khi ấy, quan Khâm-Mạng tiếp Sứ vào tâu đồng-tất. Hai vị Hoàng-thân cung dẫn Sứ-bộ đến trước bệ, là nơi vua cùng bà Hoàng-hậu đứng với đình-thần ».

TIẾT THÚ V Lễ triều yết

Ngày 12 tháng 5, trước 9 giờ, một võ-quan đem 7 tên lính đến Sứ-quán, nhận những phầm-vật tặng-hảo, đem vào sấp sẵn trong cung. Sau 12 giờ, các chiếc xe và các quan đã đến tại Sứ-quán chực. Chiếc xe đẹp nhất, sáu ngựa trắng, quan Chánh-sứ lên trước, quan Khâm-Mạng lên sau, rồi đến viên thông-ngôn ; còn các chiếc kia, thì ai ngồi xe nào, đã có chương-trình dự định.

Khi đi ngang trước sân điện, có 300 lính nhung-phục bồng súng, 2 đội nhạc thổi kèn chào. Ngay gian giữa, mấy bức màn gấm, có máy kéo lên, thấy vua phục-sức đại triều, đứng trước ngai, Hoàng-hậu đứng phía hữu, áo dài, nửa xanh, nửa trắng, nơi cõi, viền toàn những hột trai, trên đầu đội 1 vành hoa, kết bằng ngọc đủ các sắc. Một bên vua, đứng các vị đại-thần, và những vị có tước ; một bên Hoàng-

hậu, thì các bà mang-phụ, phục-sức theo lối cung trang. Sau lưng Hoàng-đế, đứng 4 vị Hoàng-thân, và những quan hầu trong Đại-Nội.

Khi bước vào, quan Phó-sứ bưng bản quốc-thư, quan Bồi-sứ bưng bản ủy-nhiệm-thư, quan Chánh-sứ đến trước vua, cúi đầu chào, rồi đọc chúc từ bằng chữ nho, có một đại-viên người Y-pha-nho, tiếp đọc bản của bộ Ngoại-giao đã dịch sẵn.

Vua đưa tay cầm các bản giấy, liền trao lại cho quan Thượng bộ Ngoại-giao; quan Thủ-tướng dâng lên một bản đáp từ, bằng chữ Y-pha-nho; vua cầm tự đọc.

Mấy ngày sau, chỉ trừ những giờ yến-tiệc, ngoài ra, phải đi luôn hơn 30 chỗ, thăm các vị Công, Hầu, các Sứ-thần 14 nước ngoài: Mỹ, Anh, Ngà, Pháp, Phổ, Ý, v.v. và các quan văn-võ trong triều. Lại phải chúc theo giờ ngày đáp thám.

Ngày 21 tháng 5, Sứ-thần đến bộ Ngoại-giao, xin phép, vào cung bệ từ, đè trở về Pháp. Trong khi tiếp chuyện, quan Thượng-thư tờ cho biết trước rằng: « Vua đã định tặng Sứ-thần những hạng huy-chương đặc biệt, và muốn cùng Sứ-bộ, lập một bản hiệp-ước riêng, giữa Đại-nam và Y-pha-nho, vì hai nước đã liên-minh, sao còn phải phiền nước Pháp đứng trung-gian; nếu hai nước chúng ta thường được trực-tiếp như hôm nay; thì càng thuận tiện hơn nữa ».

Nguyễn-tăng-Doản, sau mấy lời cảm tạ, tự thú rằng: « Sứ-bộ chỉ làm theo nhiệm-vụ bang-giao, còn về chính-trị thì không có đủ quyền, nếu quý-quốc muốn lập một hiệp-ước riêng, thì tại Huế mới bàn định được ».

Nước Pháp đe cho nước Việt-Nam độc-lập, có đủ quyền nội-trị ngoại-giao; thế mà Nguyễn-tăng-Doản, vì không có những đức-tính ngoại-giao, chỉ làm như bộ máy bang-giao, không biết quyền-nghi, đã bỏ mất một cơ-hội tốt.

* * *

TIẾT THỨ V

Không-khí Pa-ri

Sau một lê duyệt-binh long-trọng, chính-phủ Y-pha-nho tò-chức, đè tiễn-bié特 sứ-thần ; thì Nguyễn-tăng-Doản trở về thành Hǎn-dē (Hendaye), địa-đầu nước Pháp. Có Bá-tước An-ki-E chực rồc, đưa về sứ-quán Pa-ri. Bộ Ngoại-giao cho biết rằng : « Nữ-Hoàng nước Anh đương ở chơi tại Tô-cách-Lan (Ecosse), không tiếp sứ-bộ Việt-Nam tại Luân-dôn được ».

Trong lúc ấy, Đại-tướng Đu-pờ-Rê đến nói chuyện : « Các quan Thương-bạc ở Huế, không chia thuế hải-quan cho nước Pháp, như bản hòa-ước đã ký-kết ; hễ không thỏa-thuận, thì người Pháp sẽ phải tự chinh-thâu ».

Không biết đối-đáp thế nào Nguyễn-tăng-Doản làm thỉnh. Đại-tướng nói tiếp : « Dư-luận ở Pháp đương pháo-vân lǎm, có phe muốn bỏ qua cái điêu vi-bội ấy, có phe lại muốn khai chiến, đè cho nước Đại-nam tự nhận cái lỗi của mình ». Không nghe đáp lại thế nào, Đu-pờ-Rê phải nhấn mạnh rằng : « Ngày nay, nước Pháp không tin-nhiệm nước Nam như ngày trước ».

Tuy nhà binh đã phi-lộ, mà chính-phủ Pháp vẫn tiếp sứ-bộ theo lối ngoại-giao : thiết dạ yến, đè tiễn khách phương xa, và tặng Bắc-đầu bội-tinh, từ hàng nhì trở xuống.

* * *

BÌNH LUẬN

Bang-giao khác ngoại-giao, sách Châu-lê nói bang-giao là các nước giao-hảo, lấy lẽ lấy tình, đền liên-lạc cùng nhau những ngày khánh điểu. Còn ngoại-giao là về chính-trị, đàm-phán điều-dịnh. Người càng văn-minh, lẽ nghi càng phiền-phức. Từ năm 1815, bên Châu-áu đã lập thành bang-giao chính-thức chẳng những là tuế thời lai vãng, mà các nước lại còn đặt Sứ-thần, mỗi sứ-thần đại-diện cho một quốc-gia đền hàng ngày thắt chặt mối tình thân-thiện.

Ngày Đại-nam Sứ-thần đến đất Pháp, bộ Hải-quân lên rước tại trên thuyền ; trong thời-kỳ lưu-trú tại Pari, một vị có tước Bá lo phan cung-đốn. Nước Y-pha-nho đi rước sứ-bộ có một chiếc xe Ngự đền không iờ rǎng như có vua đi ; chiếc xe ấy đền tại sứ-quán cho khách dùng, trong thời-kỳ lưu-trú.

Hai nước chiến thắng, tiếp một nước chiến bại, mà vẫn giữ theo thề-lệ bang-giao, càng văn-minh, lẽ càng nghiêm-trang, tình càng mật-thiết. Lẽ nghi, tình-ý, theo bản nhật-ký (I) trên này, đủ cảm hóa người thù, huống là người bạn nữa.

Còn ngoại-giao lại phải có tài hùng biện, phải có tài quan-sát, phải biết người và phải biết mình : « mình không biết nói, thì không biết được người », câu trong sách Luận-ngữ. Trong khi giao-thiệp, nước Y-pha-nho ngỏ ý muốn lập một hiệp-ước riêng, đền thân-thiện trực-tiếp với nước Đại-nam ; thế mà Nguyễn-tăng-Doãn tự thú vô-quyền, chỉ làm theo nhiệm-vụ bang giao ; còn ngoại-giao thì chưa học.

Trong khi giao-thiệp với Pháp, Đu-pờ-Rê nói rõ những điều có thể xảy ra, lửa chiến-tranh đã ăn-phục trong lòng người ; thế mà Nguyễn-tăng-Doãn nghe như nghe chuyện nước ngoài ; như nghe ai nói với ai, không quan-hệ đến mình, cứ làm thinh, tự cho mình là vị sứ-thần, chỉ có nhiệm-vụ bang-giao hay là vì không biết ngoại-giao, cho nên đã bỏ qua những cơ-hội đáng điều-dịnh, đàm-phán.

I) **Nhật-ký.**— Nguyễn-văn-Thư, Thông-ngôn, làm bản hành-trình nhật-ký bằng chữ nho, và bằng quốc-văn. Bùi-Cung dịch ra chữ Pháp, đã đăng vào báo Đô-thành hiếu cõ năm 1941.

CHƯƠNG XIII

NGOẠI-GIAO THẤT BẠI

TIẾT THỨ I

Lá thư tâm huyết (1)

Trong thời-kỳ Nguyễn-tăng-Doản ở Pa-ri, đã không biết điều-định ; ngày 2 tháng 9 năm 1877 về đến Kinh-đô nước Việt-Nam, cũng không râu rõ với vua, những lời dư-luận ở Pháp. Vua Tự-Đức còn cứ khenh-hướng về Trung-quốc, chưa biết đến trình-độ văn-minh của Pháp thế nào.

Ngày trung-tuần tháng 11 năm Mậu-dần (1878), bọn thò-phì vây tỉnh Thái-nghuyên, tỉnh Lạng-sơn, vua Tự-Đức gởi mật thư, nhờ Tông-đốc lưỡng Quảng cho binh sang dẹp loạn. Tháng 6 năm sau, Phùng-tú-Tài, Đề-đốc tỉnh Quảng-tây, bắt được tên đầu đảng giặc là Lý-dương-Tài, đem về Tàu trị tội.

Thấy việc ngoài Bắc, lại sực nhớ đến việc trong Nam ; nếu có quân nhà Thanh, thì 6 tỉnh đường trong khôi mất. Vua Tự-Đức vừa thương dân vừa tiếc đất, mà không biết hành-động thế nào. Ngày tháng 7 năm 1879, mới tự viết một bức thư bằng chữ nho, gởi sang Trú-sứ Hoác-đạo-Sanh, có những câu : «... Đối với đời trước, đối với đời sau, tôi mang vạn tội. Tôi nặng nhất, là đè cho tò nghiệp suy-đồi. Nay thân yếu, tuổi già, không còn có hy-vọng đèn bồi ; nếu ông bạn

1) **Lá thư tâm-huyết.**— Báo Đô-thành hiếu-cô năm 1941, lấy tài-liệu ở Livre Jaune.

có phương-pháp cứu tôi, để cho tôi thuộc tôi ít nhiều, thì ngày xuống
cứu-toàn, tôi vẫn mang ơn ông bạn... »

Hiểu ý vua Tự-Đức, mà vì việc ở ngoài quyền hạn của mình, nên
Hoác-đạo-Sanh không trả lời, tự xin về Pháp nghỉ.

Lê-Na (Rheinart), trước đã làm Trú-sứ, nay lại trở sang ; thực
hành chánh-sách thực-dân, không nhơn nhu như Hoác-đạo-Sanh,
bạn của vua Tự-Đức.

TIẾT THỨ II

Pháp cố gắng giữ cuộc hòa bình

Từ tháng 6 năm Kỷ-mão (1879), Chính-phủ Pháp cử Lê-My (Le Myre de Villers) là văn quan, sang làm Toàn-quyền ở Đông-duong, để đàm-phán điều-định, tránh cho khỏi những vụ xung-đột của nhà
binh, như những thời-kỳ các Thiếu-tướng Hải-quân cai-trị.

Sau một thời-gian quan sát, Lê-My tư về bộ Hải-quân (2) rằng :
«... Từ vua đến quan, khi nào cũng muốn lấy lại đất Nam-kỳ, cố làm
cho người Pháp ăn ở chung yên, để có ngày phải tự rời thuộc-địa ».»

Lúc ấy, vì Ý-đại-lợi, Y-pha-nho, Hoa-kỳ, Anh-cát-lợi, đều muốn
giao-hảo trực-tiếp với nước Việt-Nam, nên Pháp càng lo giữ-gìn địa-
vị ; song trên đường quốc-tế, Pháp càng lo tránh cho khỏi chiến-tranh.
Tuy đã được thư của Lê-My, mà vẫn không thay chánh-sách.

Giữa năm 1880, Đờ-phò-Ray (de Freycinet) Thượng-thư bộ
Thuộc-địa, tư cho bộ Hải-quân : « Việc cầm phong tại Bắc-kỳ đã tốn
nhiều, mà chưa có hiệu-quả. Tôi tưởng phải chiếm luôn cả cõi Bắc
mới cùng-cõi được địa-vị ở Nam... »

2) Lê-My tư về bộ Hải-quân.— Bức thư này, có đăng trong bản
L'Indochine française contemporaine.

Thủ-tướng Cờ-lu-ê phúc đáp rằng : « Chính-phủ bất đồng ý-khiển ». Chỉ mấy chữ ấy, đủ làm bằng chứng : Nước Pháp không muốn chiến tranh.

Vìra Cu-Tôn (Courton) và Vi-lò-Roi (Villeroi) đi du-lịch (3) ngà Nhị-hà, có giấy Lãnh-sự Pháp, và giấy thông-hành của địa-phương ; mà vẫn bị quân của Lưu-vịnh-Phúc ngăn đường, Lãnh-sự Pháp điện cho quan Toàn-quyền, đe xin huấn-lệnh.

Ngày 16 tháng giêng năm 1882, Lê-My điện về Pháp rằng : « Nam-Triều, quá nhu-nhược, pháp luật chẳng thi-hành đến cõi Bắc-kỳ, bọn Cờ-den lộng quyền, đã dùng võ-lực chặn đường người Pháp, theo phần trách-nhiệm, đầu tháng sau, tôi sẽ cho chiếc Đò-Rắc (Drac) ra phòng bị, song không có ý hành-binh ».

Sau khi gởi bức điện văn, thì gởi luôn một bức thư về vua Tự-Đức, thử đem thủ-đoạn ngoại-giao ra thí nghiệm, trong thư có một đoạn thế này : « Kinh tâu,... Đất Bắc-kỳ gần như vô-chủ, bọn Cờ-den tự cầm quyền ; đe bảo-dảm tánh mạng người Tây, bất đắc dĩ, tôi phải can-thiệp trực-tiếp...»

TIẾT THỨ III Hoàng-Điệu

Vua Tự-Đức không muốn ngoại-giao với Pháp, vì không dùng được Hán văn ; vẫn muốn giao-thiệp với nhà Thanh, thật như câu : « Gần đuổi vớ phải bợt ».

Lê-My cho Hải-quân Đại-tá Ri-vi-E (Rivière) ra Bắc, với 500 quân ; có lạ gì, võ quan nào cũng muốn lợi dụng thời-thế đe lập công,

3) **ĐI du-lịch.**— Theo Nam-phong chữ Hán, số 34, thì Cu-Tôn và Vi-lò-Roi là hai nhà di khảo-cứu về vật-lý-học, có một người Chà-và đi theo ; người này bị quân Cờ-den bắn trúng chân, thành-thử, có quan-thiệp về quốc-tế.

vẫn có đến yết quan địa-phương. Tông-đốc Hà-Nội và Ninh-bình lúc bấy giờ là Hoàng-Diệu (4), vua Tự-Đức cho coi cả hai tỉnh, thế cho Kinh-lược Nguyễn-trí-Phương. Chính một người của nhà nho, song không phải là người của thời-đại.

Không hiều tình thế, cũng không biết ngoại-giao, Hoàng-Diệu coi Đại-tá là người thù, không đi đáp thám, cũng không mở màn đàm-phán, đe tìm cách điều-định, lại ra lệnh tăng binh, chuẩn-bị cuộc tranh-đấu.

Ngày 7 tháng 3 năm Nhâm-żgọ (24-4-1882), Ri-vi-E gởi đến Hoàng-Diệu một lá tối-hậu-thư, nói rõ rằng : « Đúng 8 giờ mai, nếu các quan tỉnh không có mặt tại dồn Thủy-bin, thì chớ trách những viên đạn vô-tinh bay đến. Kỳ-hạn dấu khẩn-thiết, song chắc các quan đã dự bị sẵn-sàng rồi ».

Đúng theo ngày giờ của nhà binh, thì Đại-tá ra lệnh bắn ; đến 11 giờ, thành Hà-Nội bị bão, Hoàng-Diệu đã treo cờ trên một cây gần cửa Bắc, còn Án-sát là Tôn-thất-Bá, bị quân Pháp bắt, song không đưa vào hạng tù binh, mà lại đặt làm Tông-đốc lâm thời, đe coi về hành-chánh.

TIẾT THỨ IV

Hà thành thất thủ lần thứ hai

Như sét đánh vào tai, khi vua Tự-Đức nghe Hà thành thất-thủ, càng thù người Pháp, càng nhớ nhà Thanh. Vừa Lê-Na Trú-sứ vào tâu : « Nước Pháp không có ý lấy Bắc-kỳ, xin Hoàng-đế sai quan ra

4) **Hoàng-Diệu**— Sanh năm Kỷ-sử (1826), người Quảng-nam có hiệu là Tỉnh-trai Khoa-sử (1853) đậu Phó-bảng. Năm 1880, vua Tự-Đức cho Hoàng-Diệu làm Tông-đốc Hà-Nội và Ninh-bình, thế Nguyễn-trí-Phương. tuẫn-tiết. Năm 1882, khi tỉnh thành Hà-Nội bị bão, thì Hoàng-Diệu đến lạy chịu tội tại Hành-cung, rồi đến trước đền Quan-công tự ải trên một cây noci cửa bắc.

nhận thành-trì Hài-Nội lại ». Vua mừng lắm, liền khi ấy, cho Trần-dinh-Túc (trước đã làm Tòng-đốc Hà-Nội) làm Khâm-sai Đại-thần, Nguyễn-hữu-Độ (trước đã làm tinh-biên quân-vụ) làm Phó Khâm-sai, ra điều định với Pháp.

Tuy có mạng-lệnh của phủ Toàn-quyền ở Gia Định, có mặt hai vị Khâm-sai, mà trước khi giao trả thành-trì, Ri-vi-E còn đòi 4 điều kiện : « 1) Nước Nam chịu nước Pháp bảo-hộ. 2) Nước Nam chịu nhượng thành-phố Hà-Nội cho nước Pháp. 3) Người Pháp được thâu thuế thương-chánh ở cửa Bạch-hạc. 4) Người Pháp được quản-trị việc thương-chánh xứ Bắc-kỳ ». Sau nhờ có điện văn của Lê-My thúc-giục, Ri-vi-E tích-cực phẫn-uất, trót phải vâng lời ; thế mà lúc giao trả thành-trì, quân Pháp vẫn cứ đóng tại Hành-cung, bắt các quan Khâm-sai phải đuổi Lưu-vịnh-Phúc về Tàu có khác nào bắt cả vua cả quan đều nín thở.

Cuộc đàm-phán, kéo dài mà không kết quả, từ vua đến quan, nhùn ra gốc bè nhà Thanh, cũng như người bị ngọt hơi, đương tìm không-khi.

Bên năm 1880, vua đã cho Nguyễn-Thuật sang Bắc-kinh triều-cống, ký Hòa-ước với Tây, mà vẫn cầu cứu với Tàu ; nhà Thanh có cho Đường-dinh-Canh sang, giả danh là người nhà buôn ; sau khi quan-sát nội-tỉnh, đã nói rõ với vua Tự-Đức rằng : « Theo lời Tăng-quốc-Trạch, sứ-thần của Tàu ở Pa-ri, thì Pháp sẽ đem binh đến Bắc-kỳ, mượn cớ là để tiêu-trừ Lưu-vịnh-Phúc ». Nay thấy Pháp hành động, thật đúng như lời của họ Đường.

BÌNH LUẬN

Ngoại-giao chưa có hiệu-lực, chưa được thành-công, là vì các vị sứ-thần không có đủ tài-năng, hay là vì không có đủ tư-cách.

Theo bản Ngoại-giao-sử của Ni-cô-n-Xông (Harold Nicolson), thì nước Pháp nước Anh, về cách tuyên-dụng sứ-thần, có nhiều đặc-diểm khác nhau song bắt ngoại là tìm những người có những đức-tính : 1) chân-chất, 2) tin-cần, 3) can-đảm, 4) ôn-hòa, 5) nhân-nại, 6) khiêm-tốn, 7) trung-thành.

Sứ-thần của nước Việt-Nam, vẫn có học-thức, song không có đủ những đức-tính, như người Pháp, người Anh. Nói cho người nghe, không phải có học-thức là đủ. Phải có đủ đức tính : nói sao cho người tin, nói sao cho người thấy rõ lòng mình ; còn chỉ nói cho lợi mình, cho được việc mình, chẳng những không đi đến chỗ điều-dịnh, lại còn gây thêm ác-cảm. Theo Kinh Lê : « Tiên nhơn nhi hậu kỷ », là phương pháp ngoại-giao.

Nước Pháp, sau năm 1870, là năm bại-trận với Đức, đã kiệt-quệ cả vật-chất, cả tinh-thần ; thế mà nhờ biết ngoại-giao, chỉ một thời-gian, trở lại địa-vị ngày xưa, đứng ngang với liệt-cường, trên đường quốc-tế.

Vua Tự-đức ký hòa-ước với Pháp, mà giao thiệp với Tàu ; làm cho Pháp nghi kỵ hàng ngày, có thể nào cho khỏi chiến-tranh ; cũng như trên thế-giới ngày nay, sở-dĩ không được hòa-bình, không phải vì các nước thù nhau, mà chỉ vì các nước chẳng tin nhau, dẫu có hiệp-ước đồng-minh, cũng không có giá trị.

Tuân-Tử nói : « Tin tại kỳ tiền » nghĩa là phải có lòng tin nhau trước khi giao-ước.



CHƯƠNG XIV

BẢN HÒA-ƯỚC CUỐI CÙNG

TIẾT THỨ I Quốc-tế

Nguyễn-Thuật đến Bắc-kinh, xin quân Tàu sang cứu viện. Vua Quang-Tự hỏi Tòng-đốc Trụ-Lệ, Trương-thụ-Thành tâu rằng : « Nước Việt-Nam trước sau cũng về tay người Pháp, nay nên chung lưng với Pháp, chia đất Bắc-kỳ, lấy mỷ tinh giáp Vân-nam, làm biên-cương của Trung-quốc ».

Vua Quang-tự cho là phải, bèn giáng Dụ đem binh sang. Lại mật lệnh cho Tăng-quốc-Trạch ở Pa-ri, hành-động theo một chánh-sách. Sứ-thần của Tàu ở Pháp, công-kính việc Ri-vi-E xâm-lược Bắc-kỳ ; trước lấy lẽ rằng : « Vì Việt-Nam là thuộc quốc của Thiên-triều ; sau lại nói một lý do chính đáng hơn, là vì lợi quyền của người Tàu, nên nhà Thanh phải can-thiệp trực-tiếp.

Nước Pháp sợ việc của mình can-liên vào quốc-tế, mới mật lệnh cho Bua-Rê (Bourrée) sứ-thần ở Bắc-kinh, hết sức điều-định, giữ cho khỏi xung-đột giữa Trung với Pháp.

Tháng 7 năm ấy (1882), Tòng-đốc Vân-nam đem binh sang biên-giới, Lý-hồng-Chương cũng cho quân đến Quảng-đông ; vua Tự-Đức nghe lại mừng thầm, mật Dụ cho các tỉnh Bắc-kỳ, hễ dân Tàu đến đâu, thần-dân đều phải tận-tâm cung-đốn.

Cuộc điều-định giữa R -vi-E và Trần-đinh-Túc, hai lập-trường tương đối ; bên quan Khâm-sai thì tranh-chấp chủ-quyền, bên Đại-tá thì như thiên-lý-mã bị người cưỡi gò cương không hành-động được. Mới viết cho Lê-My biết rõ tình trạng, có một đoạn thế này : «... Sau

khi bãm thành Hà-Nội, thì Bắc-kỳ là cùa trong tay ; thế mà vì mạng-lệnh ở Nam cho nên dân bờn-xứ khõng phục-tùng người Pháp. Đã khõng phục-tùng người Pháp, lẽ cõ-nhiên là phải xu-hướng người Tàu...»

Sợ người Tàu sang chiếm trước, Lê-My cũng khó ngồi yên, bèn gởi thêm binh ra, và điện về Pháp rằng : « Đại-tá Ri-vi-E có thè lập Bắc-kỳ thành bảo-bộ của Pháp, mà khõng phải chiến tranh : tôi đã tăng binh, đẽ cho đầy đủ ».

Binh quyền đã sẵn, thì thiên-lý-mã chạy tự-do, tung gió phanh mây, ngày 27 tháng 3 năm 1883, hạ luân thành Nam-định.

Chính-phủ Pháp nghe tin ấy, liền cách chức Lê-My ; mới lựu một nhà giỏi ngoại-giao là Tom-Xông (Thompson) sang thế. Lại còn muốn tỏ cho các nước ngoài biết, mới gởi thêm một bức thư rằng : « Hội-đồng Thượng-thư rất kinh-ngạc những công việc của Ri-vi-E, Chính-phủ đã cam hành-bình, sao còn tự-do hành-động. Vậy nhờ nhà chức-trách, triệt đẽ tuân theo huấn-lệnh (1) ngày tháng 4 năm 1882 ».

TIẾT THỨ II Cuộc hòa trở thành cuộc chiến.

Nước Việt-Nam chưa có mấy nhà biết ngoại-giao, nghĩa là biết rõ tình-thế các nước ngoài, thường có một nhà Thanh là đủ. Bùi-ân-Niên, Bắc-kỳ Kinh-lược, Trương-quang-Đảng, Bắc-ninh Tòng-đốc, nghe Nam-định thất-thú, thì huy-động toàn lực, có Hoàng-kế-Viêm làm Tiết-chẽ quân-vụ Đại-thần, giao-thiệp trực-tiếp với đảng Cờ-den, đẽ khôi phục những thành đã mất.

Ri-vi-E nhận thấy tình-hình nghiêm-trọng, chưa biết nên đối-phó-thế nào. Ngày 19 tháng 5 năm 1883, tự mình đi quan-sát binh tinh ;

1) **Huấn-lệnh** — Chép theo L'Indochine française contemporaine

thì Lưu-vịnh-Pbúc đã phục binh, chẳng khác nào hoàn-cảnh của Ngạc-Nhi năm xưa, Ri-vi-E bị rơi đầu trên Cầu-Giấy (2).

Nghé quân Cờ-den giết Đại-tá, Chính-phủ Pháp mới dời Phương-châm, liền đề-nghị phục-thù ; Tham-nghị-viện cũng tán-thành, đầu phiếu được đại đa số, chịu quân-nhu một triệu rưỡi bạc, theo bản dự-án của bộ Hải-quân.

Đối với quốc-tế cũng như đối với Việt-Nam, nước Pháp khai-chiến kỳ này có đủ lý-do : vì nhà Nguyễn đã đối với nhà Thanh, đã giết Đại-tá Ri-vi-E người Pháp.

Toàn-quyền ở Nam-kỳ đề-nghị : « Muốn lập thành bão-hộ chính-thức, trước nên đánh lấy Bắc-kỳ ; muốn lấy Bắc-kỳ, trước nên đánh lấy Thuận-an ; vua Tự-Đức có nghe tiếng súng Tây, mới chịu đe cho người Tây bảo-hộ ».

Chính-phủ Pháp nghe theo lời đề-nghị, phái Hải-quân Thiếu-tướng Cua-Bê (Courbet) sang coi việc Bồ-binh ; đều ở dưới quyền chỉ-huy của vị Đại-tướng Át-Män (Harmand), vị này, năm 1873, đã dùng cầm binh ở Bắc-kỳ, một tay giỏi cả ngoại-giao, cả chiến-lược.

TIẾT THỨ III

Vật đeo sao dời

Ngày 22 tháng 7 năm 1883, Át-Män họp cả hai Thiếu-tướng tại Hải-phòng, ủy cho Bu-E đánh lấy Bắc-kỳ, còn Cua-Bê với mình, đem binh thuyền đến Thuận-an, đe cho vua nghe tiếng súng. Chẳng dè từ ngày 16 tháng 6 năm Quý-vi (19-7-1883) vua Tự-Đức đã thăng-hà.

2) **Cầu-Giấy**.— Theo bản L'Indochine française contemporaine thì Ri-vi-E, sau khi đã bị đạn chết rồi, còn bị Cờ-den chặt đầu, phân thây, như Ga-ni-E ngày trước.

Tuy không có con ruột, song đã có 3 vị con nuôi ; theo di chiếu, thì Thoại-quốc-Công Ưng-Chân đáng lên kế thống ; chỉ vì không theo phe với Nguyễn-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết, nên bị cấm-cố tại nhà Đức-đức đường ; đình-thần mới tôn Lãng-quốc-Công Hồng-Dật (3) lên ngôi ; ngày ấy đã 30 tuổi.

Tuân theo nguyên tắc, lấy chữ thứ 3 là chữ « Thắng » trong kim-sách làm tên, lại vì vua co ý chủ hòa, nên tự lựa hai chữ « Hiệp-Hòa » làm hiệu. Ngày 27 tháng 6, chính-thức đăng-quang. Tuy ngồi trên chiếc ngai vàng, biết ngoại-giao, song quốc-binh vẫn ở trong tay các ông Phụ-chính.

Cách nửa tháng, 6 chiếc chiến-thuyều Pháp, đến cửa Thuận-an, gởi tối-hậu-thư, không thấy trả lời ; sáng ngày 18 tháng 7, (20-8-1883), bắn lên Trần-hải-dài, Thống-chế Lê-Chuẩn, Hậu-quân Lê-Si đều bị trận vong ; Trần-thúc-Nhẫn, Lâm-Hoàng, cũng bị hải-táng.

Sau khi các đồn bị hâm, triều-đình ủy cho Trần-đình-Túc, Nguyễn-trọng-Hiép, với Giám-mục Gát-Pa (Gaspar), treo cờ trắng, ra biển đầu hàng. Át-Mão bắt phái chịu 27 điều, có hai điều rất quan-trọng : 1). là nước Nam công-nhận nước Pháp bảo-hộ, 2). là vua chỉ còn đất từ Quảng-Binh đến Phan-rang.

Tại Pa-ri, Tăng-quốc-Trạch, Sứ-thần của Trung-quốc, cũng lèm tiếng, đòi chiếm từ Tuyên-quang đến Hoành-sơn ; tại Bắc-kỳ, dân không chịu qui-thuận với Tây, cũng không chịu qui-thuận với Tàu, Hoàng-kế-Viêm vẫn giữ thanh gươm Tiết-ché.

Vua Hiệp-hòa thì muốn giao-thiệp trực-tiếp với Pháp, mà các quan Phụ-chính không cho ; bắt-đắc-dì vua mới ủy Hoàng-thúc là Tuy-Lý-vương sang Sứ-quán điều-định ; Khâm-sứ lúc ấy là Sâm-Pô

3) **Hồng-Dật**.— Hoàng-tử thứ 29 triều Thiệu-trị. Lên kế vị vua Tự-Đức, ngày 26 tháng 6 năm Quý-vị (1883), chỉ được 4 tháng, ngày 30 tháng 10 bị phế-lập. Khi 4 giờ khuya hôm ấy, Ông-ich-Kiêm đem lính vào cung, vỗng Hồng-Dật ra cửa Hiển-nhân, rồi đưa thẳng đến một nhà trong viện Thái-y, cho uống thuốc độc. (Theo thật lục chính-biên).

(Champeau), có gởi dâng nhât-hạng Bắc-dầu bội-tinh, và những phàm-vật của nước Pháp tặng hảo. Sau vua sác cho Hoàng-hữu-Thường, Tham-biện Nội-cá, trấn-thiết tại điện Vău-minh ; vua tiếp riêng Sâm-Pô, cảm ơn và gởi lời thăm vị Giám-quốc.

Phe chủ hòa, phe chủ chiến, không có thè tương dung ; hôm 30 tháng 10 (29-II-1883), Nguyễn-văn-Tường, Tôn-thát-Thuyết, phế vua Hiệp hòa, ám-sát Trần-tiền-Thành, và đày Tuy-lý-Vương vào Quảng-ngaïi.

TIẾT THỨ IV

Bảo-hộ chính-thức

Mai-lại (30 tháng 11 năm 1883), đình-thần tôn Ưng-Đăng, con nuôi thứ 3 của vua Tự-Đức, lấy chữ « Hạo » trong kinh-sách làm tên-chính-hức đăng-quang, cài nguyễn triều Kiến-Phúc. Mới 15 tuổi, chánh quyền vẫn ở trong tay hai vị Phụ-chính Đại-thần : Nguyễn-văn-Tường thi dùng bút, Tôn-thát-Thuyết thi dùng gươm, khủng-bố từ vua đến dân, ai bị tình nghi cũng giết.

Sâm-Pô từ chức, Chánh-phủ Pháp cho Tờ-ri-Cu (Tricou), nguyên Sứ-thần ở Bắc-kinh, tạm nhận chức Khâm-sứ. Nhà ngoại-giao đặc-sắc, tuy đã coi Nguyễn-văn-Tường là người thù số một, mà vẫn tìm cách thân thiện, để lợi dụng một thời-gian.

Bên Pháp, bộ ngoại-giao đã dành theo đề nghị của Bua-Rê (Buaret) để Bắc-kỳ làm khu trung-lập ; phía nam thuộc quyền người Pháp, phía bắc thuộc quyền người Tau ; thế mà Lý-hồng-Chương chưa vừa lòng, Pháp phải rút Tờ-ri-Cu sang làm Sứ-thần ở Bắc-kinh để thương thuyết điều-định ; và cho Lê-Na trở sang làm Khâm-sứ.

Ngày 11 tháng 5 năm 1884, Lý-hồng-Chương chịu ký với Pháp, một bản Hiệp-ước 5 khoản, có một khoản thế này : « Trung-quốc chịu rút hết quân ra khỏi Bắc-kỳ, và chịu để hoàn-toàn Việt-Nam cho Pháp ». Sở-dĩTau chịu như vậy, là vì trong 4 khoản kia, Tau đã có đủ lợi-quyền.

TIẾT THỨ V

Bản Hòa-ước năm Giáp-thân (1884)

Các nhà ngoại-giao của Pháp, của Tàu, đã cùng nhau trao đổi lợi-quyền ; các nhà ngoại-giao của nước Việt-Nam, cũng biết bênh vực lợi-quyền, không chịu công nhận bản Hòa-ước ký với Át-Mãن (Harmand) 27 khoản (25-8-1883).

Chính-phủ Pháp, sau khi đã ký hiệp-ước với Lý-hồng-Chương, muốn chính-thức bảo-hộ Việt-Nam, mà cho khỏi chiến-tranh, mới sai Pa-tờ-Nốt (Patenôtre) sang, đàm-phán với triều-định, để thỏa-thuận cùng nhau, lập một bản Hòa-ước khác.

Muốn cho Việt-Nam đoạn-tuyệt với Trung-quốc, Pa-tờ-Nốt xin tiêu hủy cái ấn của Tàu, (4) và chịu giảm cho 7 khoản trong bản Hòa-ước cũ. Ngày 6 tháng 6 năm 1884, Nguyễn-văn-Tường, (5) Phạm-thận-Duật, Tôn-thất-Phan, Pa-tờ-Nốt, Lê-Na, đồng ký tại tòa Khâm-sứ, bản Hòa-ước 19 khoản sau này :

- 1)— Việt-Nam nhận Pháp là nước bảo-hộ, và là nước thay mặt giao-thiệp với các nước ngoài.
- 2)— Bình Pháp thường-xuyên đóng ở Thủ-nan-an.

4) **Ấn của Tàu phong.**— Pa-tờ-Nốt muốn lấy gửi về Pháp, Nguyễn-văn-Tường không thuận, sợ thất thế nhà Thanh. Sau một cuộc điều-định, mới đồng ý bỏ vào lò, trước mặt cả hai chính-phủ. Song trước khi đem ra tiêu hủy, thì hội đồng có in vào kh้อง-chỗ, để làm kỷ-niệm (Theo báo Đô-thành hiếu-cô năm 1941).

5) **Nguyễn-văn-Tường.**— Người Quảng-trị, sinh năm 181⁰, đậu Cử, nhân năm 1852. Vì có làm việc ngoại-giao, lại vì Pa-tờ-Nốt muốn kết tình thân, nên Pháp tặng tam bang Bắc-đầu. Nam-triều phong tước Kỳ-vi-Bá. Ngày ký bản Hòa-ước 19 khoản, Nguyễn-văn-Tường làm Phụ-chính đại-thần, có làm Văn-minh-điển đại-học-sĩ, lãnh chức thương-thư bộ Hộ. đã thăng lên tước Hầu. Ngày tháng 2 năm 1886 Chính-phủ Pháp dâng sang đảo Tahiti, ngày 30 tháng 7 năm ấy mất. (Theo Thật-lục chính-biên liệt truyện).

- 3)— Từ Thanh-hóa đến Bình-thuận, vua nước Việt-Nam giữ chủ quyền như trước, chỉ trừ những việc thương-chánh, công-chánh, là do người Pháp chủ trương.
- 4)— Nước Pháp được đặt quan coi các cửa biển: Đà-năng, Thị-nại, Xuân-dài, Vũng-lâm.
- 5)— Quan Khâm-sứ có quyền trực-tiếp với vua.
- 6)— Tại Bắc-kỳ, Pháp đặt Trú-sứ ở các tỉnh.
- 7)— Các quan nam-triều phải phục tùng các quan Trú-sứ.
- 8)— Các người Pháp chỉ chịu dưới quyền quan Trú-sứ.
- 9)— Nước Pháp sẽ đặt đường điện-báo từ Hà-nội đến Sài-gòn.
- 10)— Các vụ kiện cáo, có can-thiệp người Pháp hay là người ngoại quốc, đều do quan Pháp xử.
- 11)— Thuế ở Bắc-kỳ, quan Pháp sẽ hội-đồng với quan Triều, thâu và chi; thừa bao nhiêu, sẽ nạp về Huế.
- 12)— Khắp cả nước Nam, việc quan thuế các hải cảng, sẽ do người Pháp tồ-chức.
- 13)— Trong toàn cõi, dân Pháp hay là thuộc tịch Pháp, đều được tự-do buôn-bán và mua bán-động-sản.
- 14)— Người ngoại-quốc phải có giấy thông-hành của quan Pháp, và phái trình với quan địa-phương, mới được đi vào trong nước.
- 15)— Nước Pháp được tùy tiện, khi xét có những chỗ phải đóng binh.
- 16)— Ngoài những điều đã giao-kết, vua nước Nam vẫn có đủ quyền.
- 17)— Nếu không có Chánh-phủ Pháp cho phép, thì nước Nam không được vay nợ các nước ngoài.
- 18)— Hai nước sẽ thương đồng, định giới-hạn các cửa biển, và giới hạn đất nhường cho Pháp, trên các hải-cảng, đè đặt vọng-đǎng, và định các điều-khoản về khai khoáng, về tiền-tệ.
- 19)— Bản Hòa-ước này thay thế cho bản đã lập mǎn 1874, và lấy bản chữ Pháp làm bản chính.

BÌNH LUẬN

Từ bài này trở về sau, tôi không bình-luận ; sở dĩ còn tiếp tục biên sù, là vì trên bản đồ còn quốc-hiệu, về chính thè có quân quyền; nước Pháp bảo-hộ cho nước Việt-Nam, không phải như năm III trước Công-nguyên, Lô-bắc-Đức đem sang 4 vạn quân, giết Vệ-Dương-Vương, tức là Nam-việt-Vương lấy thò vu biền vào bắn đỗ nhà Hán.

Trong khoảng 150 năm Bắc thuộc, vẫn rủi mà may : dân-tộc mới biết luân-lý, trọng cương-thường, vì vậy nên Trung Trắc, biết theo chủ-nghĩa phục-thù ; song trong nước chưa có đủ nhân-tài, thì dầu dành độc-lập được một thời-i-gian ; quyền độc-lập cũng không giữ được.

Nước Nam-Việt lại phải thuộc Hán, thuộc Ngụy, thuộc Tần, thuộc Tống, thuộc Tề, thuộc Lương, ngót 600 năm, tuy họ Triệu, họ Lý nồi lên, vẫn có giành quyền tự chủ hơn một trăm năm, rồi cũng vì sức kém tài thua, cả dân-tộc lại phải làm tông nhà Tùy, nhà Đường, nhà Châu, 5 kỳ nồi thuộc gần một ngàn năm, mẹ già có bao giờ thương con vịt.

Năm 968, Đinh-bộ-Lĩnh mới kiến-thiết quốc-gia ; ngày có quốc-gia, thì lo về phuơng-diện ngoại-giao trước.

Từ nhà Đinh đến nhà Nguyễn-phúc trong khoảng 816 năm quyền ngoại-giao vẫn ở tay vua. Đến năm 1884, mới mất quyền ngoại-giao, tức là ngày nước Việt Na n thuộc Pháp.

Về thế-kỷ thứ 19, trên thế-giới có 2 giống văn-minh : Thái-dông cựu văn-minh, Thái-tây tân văn-minh. Hai giống văn-minh kết-hôn tại trên đất Việt-Nam, lẽ thiên-nghinh chúng ta đã cử-hành, tương-lai, dân-tộc Việt-Nam hấp-thụ đủ hai thứ văn-minh, có đủ tư tưởng cả Á cả Âu chúng ta chỉ cầu nguyện với vị Nữ-Oa, là vị tò sứ-thần của Châu-á, phù-hộ cho các nhà ngoại-giao quốc-tế, làm cho dung-hiệp cả các trào lưu, sau một thời-kỳ giao-thông, nước Pháp khai hóa cho nước Việt-Nam ngày nào nước Việt-Nam có đủ nhân tài nước Pháp sẽ trả quyền nội-trị ngoại-giao, dân-tộc Việt-Nam lại được tự do, khỏi phải chiến tranh, mà được nhận lại non sông ngày trước.

CHƯƠNG XV

ẢNH-HƯỞNG BẢN HÒA-ƯỚC GIÁP-THÂN

TIẾT THỨ I Thế-miếu

Trong bản Hòa-ước ngày 6 tháng 6 năm 1884, Nguyễn-văn-Tường ký thế tay vua ; ngày 31 tháng 7, vua Kiến-phúc băng ; chưa đầy 8 tháng ở trên ngai, mà đã nếm mùi cay đắng. Có người nói: Vua bị phạm thuốc ; có người nói : Vua bị đầu độc ; một vấn đề rất quan trọng, đối với nước, đối với dân, thế mà chẳng có ai điều-trá, chẳng có ai giải-quyết. Đến ngày nay, vẫn còn là nghi án, tuy ngày ấy, vì đã quán hành, cho nên ai cũng xem thường, song dầu thế nào, vua cũng băng ở trên ngai, nhà nước vẫn thờ vào Thế-miếu (1).

Ngôi vua lúc bấy giờ chỉ là hư-vị, có cũng như không ; nếu đặt vua lớn tuổi, như vua Hiệp-Hòa, lại trực-tếp với người ngoài, hành động theo ý chí ; hai nhà cầm quyền đã có nhiều kinh-nghiệm, Tường, Thuyết, bèn tôn Ưng-Lịch (2), em vua Kiến-Phúc, mới 13 tuổi, đế

(1) **Thế-miếu** — Nhà nước kiến-trúc năm Ất-vi (1835), tại phía hữu trong Hoàng-thành, có 4 gian, trước mỗi gian, có đặt một cái đỉnh bằng đồng, 9 đỉnh có 9 chữ : Cao, Nhơn, Chương, Anh, Nghị, Thuần, Tuyên, Dụ, Huyền. Vì vua nào băng ở ngôi, nghĩa là đã trọn đời làm theo thiên chức, thì nhà nước thờ vào Thế-miếu, để tỏ đạo thần dân. Như vua Kiến-phúc, đã được thờ vào gian thứ 5, miếu hiệu là chữ Nghị (Theo thật lục chinh-biên).

(2) **Ưng-lịch**. — Con Kiến-thái-vương, (Hoàng-tử thứ 26 triều Thiệu-trị). Theo Tôn phò.

đèn-bồi lại cho cái chết không đáng chết, và đè tự mình dẽ làm theo kế-hoạch đã dự trù.

Lấy chữ « Minh » trong kim-sách làm tên, lựa hai chữ Hàm-Nghi làm hiệu. Đăng-quang ngày 1 tháng 8, bố cáo cho cả Bắc cả Nam. Khâm-sứ Lê-na trách rằng « Sao triều-đình tôn một vị vua, mà không

báo tin cho nước Bảo-hộ biết ? »

Nguyễn-văn-Tường đáp : « Trong bản Hòa-ước không giao điều ấy, nay nếu muốn, chúng ta sẽ làm bản khác, cho rõ ràng hơn ».

Một câu nói của nhà ngoại giao, mà chúng ta khám phá ra những điều trong nghi án. Chẳng có lý do gì nữa, vì Nguyễn-văn-Tường muốn bỏ bản Hòa-ước của vua Kiến-Phúc, nên đã phải đưa vua qua thế giới khác, đẽ cho khỏi thi hành.

Chính-phủ Pháp vừa điệu sang bảo phải công nhận vua Hàm-Nghi, ngày 16 tháng ấy, Lê-na phúc thư (3) rằng : « Bản Hòa-ước vua trước đã thừa nhận, nay đầu vua khác, cả hai nước vẫn tôn trọng chữ ký của vua.

Vậy mai là ngày 17, đúng 9 giờ, Chính-phủ Bảo-hộ sẽ vào điện Thái-hòa triều yết ».

Đúng theo ngày giờ đã định, Khâm-sứ Lê-na đi với nhân viên và 20 võ quan, phục sức theo lề bang-giao ; triều-đình đón tiếp lên điện Thái-hòa, song trên ngai vàng, không có mặt vua. Nguyễn-văn-Tường đứng đầu triều, nói với Lê-na rằng : « Vua nhọc trong mình, tiếc không ra tiếp được ». Muốn cho êm việc, Lê-na tự đặt nhất hạng.



Vua Hàm-Nghi

(3) Phúc-thư.— Theo bản L'Indochine Moderne.

Bắc-dầu, vật tặng-hảo của nước Pháp lên chiếc ngai vàng, rồi kéo nhau về, không có thè làm cách khác.

Vì bang-giao thất-thè, nên bên Pháp triệt Lê-na về, phái Lơ-me (Lemaire) sang thay, đề thi hành theo hòa-ước.

TIẾT THÚ II

Đương hòa lại chiến

Cuối năm 1881, quân Pháp thua ở Lạng-sơn, Thống-soái Nê-ri (Négrier) bị trọng thương, Thủ-tướng Phe-ri (Jules Ferry) bị dư-luận công-kích, mất tín nhiệm. Nội-các đồ, Bờ-ri-xông (Brisson) lên, cử Thống-soái Cuốc-xy (De Courcy) đem binh sang đánh Bắc-kỳ để phục thù cho trận vong tướng sĩ.

Ngày đến vịnh Hạ-lon, Cuốc-xy tuyên bố : « Muốn làm cho yên đất Bắc, trước phải cải thiện ở Trung-kỳ ».

Ngày 2 tháng 7 năm 1885, Cuốc-xy đến Huế. Định phải làm lễ bang giao cho long trọng để tỏ oai-quyền. Mới mời toàn thè Cơ-mật sang tò, bàn định lễ nghi triều-yết.

Sau mấy giờ tranh-luận, Thống-soái bắt Nam-triều phải đè di chính giữa Ngọ-môn, cả binh-sĩ, cả bộ tham-mưu, và tất cả văn võ nhân viên bên Bảo-hộ. Chẳng những thế còn bắt vua phải xuống bệ đón chào vị Đại-diện nước Pháp, như ngày xưa đã rước sứ Tàu.

Vì việc có quan-hệ đến trên vua, lại vì Tôn-thất-Thuyết không đến hội-đồng, nên Nguyễn-văn-Tường có đủ lý-do xin hoãn lại kỳ sau, giải quyết vấn-đề này, phải chờ có đủ mặt.

Nhà binh đã quen nhẫn-nại, trong thời kỳ chờ đợi, Cuốc-xy thiết dạ-yến tại tòa Khâm, đến hơn 1 giờ sáng ngày 5, quan khách mới từ tạ ra về, thì nghe những tiếng súng thần công, tự bên thành bắn sang, có nhiều viên đạn chạm vào tường, còn các trại binh ở quanh tò, đều bị hỏa công thiêu hủy hết.

Theo chiến-lược của Tôn-thất-Thuyết, Nguyễn-văn-Tường: tướng được thành công; chẳng ngờ Thống soái có đem theo 500 bộ binh, và một lữ đoàn A-rập tuy bị đánh úp, song Cuốc-xy cũng kịp đối phó với súng thần công.

TIẾT THỨ III

Thất thủ Kinh-thành

Trong cuộc ngoại-giao bằng súng, quân Pháp kéo vào thành, giao chiến kịch-liệt đến 8 giờ hôm sau, thì tại kỳ-dài, đại-tá Mê-Danh (Meizinger) hạ lá cờ sắc vàng, kéo lá cờ ba sắc lên, để báo tin thắng trận cho Thống-soái. Không ngờ Tôn-thất-Thuyết, khi 5 giờ sáng (ngày 23 tháng 5 năm Ất-dậu), đã phò vua và lưỡng-cung (4) ra ngoại-lên ngả Kim-long rồi đi ra Tân-sở (5).

Đến Quảng-trị, đức Từ-Dụ (Thái-hoàng thái-hậu) đòi trở về « thà chết tại Xương-lăng (6), hơn là sống nơi chiến địa ». Tôn-thất-Thuyết bèn phân ra hai đạo: một đạo đi hộ giá vua Hàm-nghi; một đạo chầu theo lưỡng-cung, nam bắc đôi đường, cho mọi người tùy tình và tùy sức.

Nguyễn-văn-Tường, sau khi thất bại, cũng chạy lên ngả Kim-long, song không phải theo vua, mà lại tìm phương thoát nạn; mới

(4) **Lưỡng-cung**.— Đức Từ-dụ (Chương Hoàng-hậu, vợ vua Thiệu-trị) và đức Trang-ỷ (Anh Hoàng-hậu, vợ vua Tự-đức). Hai bà ở hai cung, gọi là lưỡng cung. Có sách biện là tam cung, kể cả bà Học-phi; song chưa được tấn tôn, chưa có một cung riêng, thành thử, phải quy trọng về hai bà Hậu.

(5) **Tân-sở**.— Nghĩa là chỗ mới, không phải là tên đất. Chỗ này kiến thiết tại phía tây tỉnh Quảng-trị, từ năm 1882, cách phủ-ly Cam-lộ 15 cây số. (Theo Đại-nam Nhất thống-chí).

(6) **Xương-lăng**.— Lăng vua Thiệu-trị.

vào nhà thờ Gát-Pa (Gaspar) Giám-mục, nhờ đưa về đầu thú với Tây. Cuốc-Xy mới hứa lời : « Nếu có thè khuyên đức Hàm-nghi trở về, thì trước lộc sẽ được dõi-dào hơn trước nữa ».

Nhà đại chính-trị, là nhà ngoại-giao, chẳng hở một cơ-hội nào, liền lúc ấy, lập lâm thời chính-phủ cho nước Việt-nam. Mâu-Định Thọ-xuân-vương là nhiếp-chánh. Rước lưỡng-cung vào Đại-nội (7) ngồi trong sáo (8) mà huấn thị thần-dân : đức Từ-dụ gởi thư dụ vua Hàm-nghi, lại truyền ý-chỉ (9) cho bạn cần-vương qui thuận.

Thấy Nguyêa-văn-Tường làm không có hiệu quả, Cuốc-Xy mới đày sang đảo Ta-hi-ti. Đại cuộc tuy đã tạm yên, song nước không vua, như nhà không chủ.



(7) **Đại-nội**.— Biệt điện của vua, có cung của các bà Hậu.

(8) **Ngồi trong sáo** — Sách Tàu gọi là « thùy liêm thỉnh chánh », muỗn nói lúc vua còn nhỏ tuổi, hay là lúc vắng mặt vua, thì các bà Hoàng-Thái-hậu ngồi trong sáo mà làm việc thế vua.

(9) **Ý-chỉ** — Sắc-lệnh của các bà Hậu, gọi là ý-chỉ (Theo Họi-diễn).

CHƯƠNG XVI

NƯỚC VIỆT-NAM LẠI CÓ VUA

TIẾT THỨ I Triều Đồng-khánh

Nhà ngoại-giao có nhiệm-vụ giải hòa cũng như nhà binh-sĩ có nhiệm-vụ kháng-chiến ; hai nhà có hai nhiệm-vụ tương-phản, thế mà lập-trường của Cuốc-Xy lại phải kiêm cả hai nhà : một tay điều-khiển các đạo binh, đe dẹp cho yên những đảng Càn-vương ; một tay giải hòa, tìm cho có người thừa-nhận bản hòa-ước. Tìm vua Hàm-nghi chưa được, phải tôn vua khác, hai chữ bảo-hộ không tồn-tại nữa, nếu nước không vua. Cuốc-Xy mới mời Nguyễn-hữu-Độ ở Bắc về, đe tôn một vị vua, cho đúng với thời-cuộc.

Ngày 1 tháng 8 năm Ất-dậu (14-9-1885), hai Chính-phủ rước Hoàng-nhị-tử Ưng-Sý, Kiên-giang Quận-công, vào cung, lấy chữ « Biện » trong kim-sách làm tên, cải-nguyên triều Đồng-khánh.

Dân-gian có câu hát: « Một nhà sinh được ba vua, vua còn, vua mất, vua thua chạy dài », ý muốn nói : Kiên-thái-vương có ba người con



Vua Đồng-Khánh

làm vua, vua Đồng-khánh hiện ngồi trên ngai, vua Kiến-phúc đã mất rồi, vua Hàm-nghi, từ ngày thất thủ Kinh-thành, bỏ chạy đến đâu không biết nữa.

Tại Trung-kỳ, quyền nội-trị vẫn ở tay vua ; tại Bắc-kỳ, đặt Kinh-lược đại-thần, vua vẫn có quyền, song chỉ gián-tiếp.

Quốc-kỳ chưa có, từ xưa, chỉ có lá đế-kỳ sắc vàng ; năm ấy (1885), vua mới chế lá quốc-kỳ, trong lá đế-kỳ, một góc trên, thêm dấu tam-tài, để tỏ Pháp bảo-hộ Việt-Nam chính-thức.

Đã 23 tuổi, vua Đồng-khánh đồng-tất dân tình, nhất là nhìn thấy đầy những vết chiến-tranh, gấp lo băng-bó. Trong thời-kỳ kiển-thiết, vừa xã-hội, vừa quốc-gia, phần thi đối với thần dân, phần thi đối với người bạn mới, phải làm cho dân phục, phải ở cho người tin, gánh-vác nặng-nề, ngày 27 tháng 12 năm Mậu-tý (28-1-1889) vua băng. Cả bộ máy nội-trị tồ-chức chưa thành, thì động-cơ bị gãy !

TIẾT THỨ II

Triều Thành-thái

Vua Đồng-khánh có hai Hoàng-tử, đáng lẽ Hoàng-trưởng-tử lên ngôi ; thế mà triều-dinh lại tôn Bửu-Lân, con Ưng-Chân, (1) ngày ấy mới 10 tuổi. Vì có người nói : « Bửu-Lân là dòng chính-thống, đích-

(1) **Ưng-chân**.— Con Thoại-thái-Vương (em ruột vua Tự-Đức) Năm Qui-vì (1883) vua Tự-Đức, sau khi đã nuôi cháu làm con, phong tước Thoại-quốc-Công, làm Hoàng-trưởng-tử. Cũng phong cho Ưng-Sỹ con Kiên-thái-Vương (em ruột vua Tự-Đức), tước Kiến-giang Quận-công, làm Hoàng-nhị-tử. Vì Ưng-Chân tuổi đã lớn, không thích-hop với Tôn-thất-Thuyết, Nguyễn-vân-Tường, nên không được lên ngôi, lại bị cầm-cố chung-thàn, tại Dục-đức-Đường, không cho người nhà lai vãng, tuyệt cả âm thực, để cho tự chết khô. Vì sanh tiền ở Dục-đức-Đường nên người ta quen gọi là ông Dục-Đức. (Theo Thật lục-chinh biên).

tôn của vua Tự-Đức, lời quảng-cáo của những nhà bán chúa buôn vua. Ngày 2 tháng giêng năm Kỷ-sửu (1889), Bửu-Lân lấy chữ « Chiêu » trong kim-sách làm tên, kiến nguyên triều Thành-Thái.

Thấy vua còn nhỏ, Chính-phủ bảo-hộ lão quyền ; ngoài dân lại xu-hướng theo chủ-nghĩa Cần-vương, Tống-duy-Tân, sau khi bị tan vỡ trận Ba-đinh (2), trở về Thanh, lãnh đạo kháng chiến.

Năm 1873, Toàn - quyền La-nết-xan (De Lanessan) nhận chức Phụ-chánh đại-thần, cố nhiên là vị-thứ trên cả triều-định, để cho dễ tham dự vào quyền nội-trị. Năm trước, đã làm Công-sứ Thanh-hóa, cố trừ những bạn Cần-Vương, hao binh tàn tướng đã nhiều, mà Phan-đinh-Phùng (3) vẫn tung hoành một cõi.

Năm 1895, Nguyễn-Thân, Túc liệt-tướng, lãnh kỳ bài, làm Tiết-chě quân vụ đại-thần ; gặp hồi may, Phan-đinh-Phùng chết bệnh tại Vụ-quang (4), dẹp yên được đảng Cần-Vương, về triều làm Thủ-tướng.



Vua Thành-Thái

(2) **Ba-đinh.**— Mặt trận thiêng liêng trong rừng sâu núi rậm, thi nhât là tại Ba-đinh, thuộc tỉnh Thanh-hóa. Nước Pháp cho Thiếu tá Diguet, coi đội Lê-dương, có các tướng Metzinger, Dodds, Đại úy Joffre cố phá cho được đồn này ; thế mà Đinh-công-Tráng vẫn giữ vững vàng có mấy năm ; sau đến Đại-tá Brissaud, thống lãnh gần 5000 quân, dùong đại bác bắn luồn mấy ngày mới hạ được.

(3) **Phan-đinh-Phùng.**— Người làng Đông-thái, huyện La-son, tỉnh Hà-tĩnh, sinh năm 1847, ngày 39 tuổi đậu Đinh-nghuyên. Năm Ất-Dậu

Các nhà nho nhận thấy triều-dinh hủ-bại, trong khoảng hơn 10 năm. Phan-bội-Châu (5) mới xuất dương sang Nhật-bản, sang Trung-quốc. Khuyễn-duỡng-Nghi (người Nhật), Lương-khai-Siêu (người Trung), đều tán thành ; năm 1906, Cường-Đề (6) cũng đi theo, và bạn thanh niên sang du học. Các đảng cách-mạng ngày ấy, chưa phải là tranh đấu, mà chỉ cõ động lòng ái-quốc cõ đồng bào.

('885), vua Hàm-Nghi chạy ra miền thượng du, ủy thác cho Phan-dinh-Phùng đối phó với thời cuộc. Tuân theo sắc mắng, đóng đồn tại núi Vu-quang, kháng chiến có 10 năm, Đến năm Ất-vi, có viết câu tuyệt bút rằng : « Chúa đã dời chân trên bờ lục, dân còn bỏ xác giữa rừng xanh ». Ngày 13 tháng 11 từ trần, gian nan đầy 58 tuổi. (Theo bản Việt-Nam chí-sĩ của Đào-trinh-Nhật).

(4) **Vụ-quang.**— Núi phía tây huyện Hương-sơn tỉnh Hà-tĩnh giáp đất Ai-Lao. Theo đường quan từ Nghệ-an đi lên Na-bé, dài 113 cây số, đến cây số 97, thì qua đèo cao hơn 700 thước, người Lào gọi là Kéo-núra, là Vu-quang. Núi này có đường thông sang phủ Tương-dương (Nghệ-an), có đường sang Vientiane, Thakhek, có đường sang Xiêm, có đường xuống Quảng-binh nữa (theo Đại-nam nhất-thống chí).

(5) **Phan-bội-Châu.**— Sanh năm 1867, 33 tuổi, đậu Thủ-khoa, thấy đảng Cần-Vương tan rã sau đời Phan-dinh-Phùng, thì Phan-bội-Châu muốn tổ chức lại. Mới đi vào Nam, ra Bắc, lập Việt-Nam Quang-phục hội, rời sang Nhật-bản, sang Trung-quốc. Năm 1906, Phan-bội-Châu lén về phò Cường-Đề đi luôn ; phong-trào đô-hộ hành trướng rất mau. Phan-bội-Châu là người xuất dương trước hết. Năm 1913, bị chính-phủ bảo hộ lén án tử hình vắng mặt ; đến năm 1925, bị bắt tại Thương-hải, đem về Hà-nội, để cho cải án 12 năm trước được thi hành. Nhờ Toàn quyền Varenne, một nhà vừa chính-trị, vừa ngoại-giao, Phan-bội-Châu được ân xá ; song phải về tại Huế, có người ở dò xét hai bên. Họ Phan nhận thấy Việt Pháp, còn phải sống chung, năm 1918 đã viết bản Pháp-Việt đề-huề, gửi cho nhà cầm quyền, mong Pháp giao hảo với Việt, một cách thành tín, đừng làm những việc áp-bức, đừng mở thủ-đoạn cưỡng quyền. Ngày 29 tháng 10 năm 1940 từ trần hưởng thọ được 74 tuổi. (Theo bản Việt-Nam tranh đấu sử).

(6) **Cường-Đề.**— Sanh năm 1871, tại làng An-cựu, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên. Theo bài thơ về Phièn-hệ, 5 chữ đầu là : « Mỹ, Duệ, Tàng, Cường, Tráng » cũng như bài thơ về Đế-hệ, 5 chữ đầu là :

Năm 1907, Toàn-quyền Bô²(Beau) nhận thấy vua Thành-Thái có tánh bất thường, bắt phải thiện vị cho Hoàng-ngũ-tử Vĩnh-San, ngày 3 tháng 9.

TIẾT THỨ III Triều Duy-Tân

Viện Cơ-mật, có công Đinh-đái, nghĩa là có công tôn lên một vị vua : người thì được diện hàm, người thì được phong tước, y-thường, ngọc-bạch tận-tụy theo lối bang-giao duy Ngô-đình-Khả là vô công, vì không chịu cất vua Thành-Thái. « Cát vua Không Khả » đã thành một danh từ.

Vĩnh-San theo thành-hiến, mới 8 tuổi, làm lệ « thay tên » mở bảng sách vàng, lấy chữ thứ 8 là chữ « Hoằng » làm tên, các quan Phụ-chính lựa hai chữ Duy - Tân làm hiệu.

Năm sau (1908), dân 4 tỉnh : Nghệ-an, Hà-tịnh, Quảng-nam, Quảng-ngãi, nòi dậy kêu súu ;



Vua Duy-Tân

« Mâng, Hồng, Ưng, Bửu, Vĩnh ». Chữ Cường ngang hàng với chữ Bửu, chữ thứ 4, tức là lục thể tôn của vua Gia-Long, ngũ thể tôn của Đòng-cung Nguyễn-phúc-Cánh. Cường-Đề tập trước Kỳ-ngoại-hầu, năm 1896, vào trường Quốc-học, cũng năm ấy, xuất dương. Làm gương cho bạn thanh niên, học ngoại-giao, học binh-bị. Trước vận động cho nền quân-chủ, sau xu hướng về dân-chủ, nghĩa là vì nước, không phải vì nhà; gian-nan trong khoảng gần 50 năm, mất ngày 5 tháng 4 năm 1951 tại Đòng-kinh (Theo bản Cường-Đề của Anh-Minh).

Chính-phủ bảo-hộ phải dùng đến binh quyền, gần 2 năm, mới tạm yên trong cõi. Song các đảng cách-mạng vẫn hành động, hoặc trong bóng tối, hoặc nước ngoài, tuy có chí có lòng, mà quyền ngoại giao người Pháp đã cầm trong tay, đã ký kết với các nước Á-đông, coi những bạn xuất dương, như chim lòng cá chậu.

Vua Duy-Tân ngày 16 tuổi, đã lật vé phân-uất, triều-đinh phải lập sở thừa lương tại cửa Tùng. Một ngày kia, vua ngự câu, tự nhiên than thở : « Ngồi trên nước, mà không ngăn được nước, buông câu ra đã lỡ phải lầm ». Nguyễn-hữu-Bài đóng vai Phụ-chính đi chầu, đáp lại đè khuyên vua : « Ở giữa đời, mà phải ngán cho đời, nhảm mắt lại đến đâu hay đó !

Trong một buổi triều, vua hỏi : « Sao các quan không làm theo bản Hòa-ước năm 1884, mà lại làm ra ngoài cả ? — Câu hỏi này đã gây ác cảm với Toàn-quyền Rum (Roume), khiến người ta phải đè ý phòng-dàn, nhất là nhà vua, và những nhà cách-mạng.

Năm 1916, đảng Việt-Nam Quang-phục Trung-bộ, Thái-Phiên làm Chủ-tịch, mới định với Trần-cao-Vân (7), phải tìm cách trực-

(7) **Trần-cao-Vân.**— Sĩ-phu thấy vua Duy-Tân có hoài-bão chí khi phục thù, thi máu cách-mạng sôi lên ; năm 1915, đại biểu các tỉnh của hội Việt-Nam Quang-phục, nhóm tại Phú-xuân, đề thảo luận vấn-đề hành động. Đại biểu của tỉnh Quảng-nam là Thái-Phiên và Trần-cao-Vân, được toàn thể ủy cho việc trực tiếp với vua. Tuy là công kin chín trùng, mà Trần-cao-Vân vẫn đưa Phan-hữu-Khánh, tốt nghiệp trường Kỹ-nghệ, vào ngạch cầm máy xe hơi, chính người tài-xế này tâu rõ công việc của Hội đồng. Một ngày kia, vua ngự ô-tô hóng mát trên bờ Ngự-hà, thì Trần-cao-Vân đã xách oi vác cần ngồi chực. Trong khi hội ngộ vua rất vui lòng.

Đêm 3 tháng 5 năm 1916, Trần-cao-Vân và Thái-Phiên y kỳ đến đón vua Duy-Tân tại cửa Hòa-bình, tức là cửa bắc Hoàng-thành, đồng di khởi nghĩa. Chẳng ngờ ở Quảng-ngãi, Án-sát Phạm-Liệu khám phá được âm mưu của ban ám-sát, đã thông điện cho cả các tỉnh đề phòng tòa Khâm đã dự bị sẵn sàng, chỉ mấy ngày, bắt được cả vua, cả các nhà cách-mạng.

Ngày 17 tháng 5 ấy, Trần-cao-Vân, Thái-Phiên, Phan-hữu-Khánh, đều bị chém tại An-hòa.

giếp với vua Duy-Tân, để rước ra ngoài, làm vai chủ-động. Muốn lợi dụng cuộc Âu-châu đại chiến, duồng gió bẻ măng.

Đêm 2 tháng 4 năm Bính thìn (4-5-1916), vua Duy-Tân đành bỏ chiếc ngai vàng, sau đã ngồi được 10 năm, tự đi theo nhì cách-mạng; cũng như vua Hàm-Nghi (8) đi theo Tôn-thất-Thuyết, (9) chỉ sau trước 30 năm.

(8) **Vua Hàm-Nghi**.— Sau khi Kinh-thanh thất thủ, chạy ra Quảng-trị, thi đúc Tứ-dụ trở về, trong lúc tử biệt sinh ly, vua Hàm-Nghi lèn Tân-sở Sau Tôn-thất-Thuyết phò ra Bắc, di ngả đất Lào. Qua khói đèo Qui hợp, còn phải leo mây lớp rừng nưa, mới đến Sơn-phòng, tại huyện Hương-khê; đến tháng 10 (năm Ất-dậu 1885), vua phải chạy lên mường, do Trương-quang-Ngọc hường-dẫn; Ôn-thất-Thuyết và 2 người con là Đám, Thiệp, phò giá, di từ Âu-sơn qua Qui-đạt, cũng ở trong các làng mường. Năm 1887, Đại-tùy Mauteaux dò được chỗ vua ở, gởi dâng một bao gạo trắng, và 2 bức thư của Tứ-dụ và của Đồng-Khánh, khuyên vua Hàm-Nghi trở về. Vua nói: « Thà chết trong rừng, hơn làm vua trong cương tỏa người Pháp ». Sau vì tên Trương-quang-Ngọc phản, đêm 1 tháng 11 năm 1888 bị bắt tại trong một túp lều tranh. Thiếu-tá Dabat rước về đồn Thuận bài, vẫn giữ theo lối ngoại-giao, có đánh nhạc bồng súng làm lẽ.

Đầu năm 1889, chính-phủ Pháp đưa sang ở thành Alger, xứ Algérie, trước nhà ở, có đề mấy chữ: « Villa des pins » (vườn thông). Vua Hàm-Nghi rất thông-minh, chỉ trong một thời gian, đã thành nhà họa-sỹ và nhạc-sỹ. Đầu có vợ người Pháp, có con trai là Bửu Minh-Đức, con gái là Như-Mai, Như-Lý, nhưng mà vua Hàm-Nghi vẫn để tóc-dài vẫn dùng y phục nước nhà, cho đến ngày thọ chung, 64 tuổi. Theo bản Vua Hàm-Nghi của Phan Trần Chúc.

(9) **Tôn-thất-Thuyết**.— Sau khi phò vua Hàm-Nghi ra Hà-Tĩnh, thi Tôn-thất-Thuyết làm hịch Cần Vương, rồi giao công cho Phan dinh Phùng, tự mình sang Tàu cầu viện. Phan dinh Phùng ra Bắc, cỗ động cho có đủ binh lương; khi trở về, nghe Trương quang Ngọc đã bán vua cho nước Pháp, liền thân hành đến lấy đầu tên Ngọc, rồi đem quân vào đóng tại Vũ-quang. Nước Pháp với Trung-quốc lúc ấy đã di dời, Lý hồng Chương, thủ tướng nước Tàu, không cho Tôn-thất-Thuyết trở về, đến năm 1912, tạ thế tại Thiều-quan, nhờ có Lý can Nguyễn tổng táng, và dựng bia, đề là: « Nguyễn phúc Thuyết Ngự tiền Thành vương chi mộ ».

CHƯƠNG XVII

GIAI-ĐOẠN MỚI

TIẾT THỨ I

Triều Khải-Định

Như mở một tân-thế-kỷ, vua Thành-Thái trước còn ở Ô-cấp (Cap Saint Jacques), sau người Pháp đưa sang đảo Ré-uy-ni-ông (Réunion) xứ Phi-châu. Vua Duy-Tân đi chưa khỏi biên-cương, thì vừa bị bắt, đem vào Mang-cá, phía đông-bắc Kinh-thành; rồi cũng đưa sang ở với Hoàng-phụ một nơi, ngày ấy mới 17 tuổi.

Chính-phủ Pháp trả lại tìm người bạn cũ, mới bàn với viện Cơ-mật, tôn con vua Đồng-Khánh, Hoàng-trưởng-tử Bửu-Đảo, có tước Phụng-hóa-công. Lấy tên trong kinh-sách là chữ « Thuần » ; ngày 17 tháng tư năm Bính-thìn (1916) đăng-quang, cải nguyên triều Khải-Định.

Sống với dân, sống giữa dân, đã duyệt-lịch thế thái nhơn tình, trong thời kỳ thao-hối (1). Nhận thấy hai triều trước, đều bị người Pháp thâu hết quân-quyền; nay vua Khải-Định thử mở lối ngoại-giao, trấn chỉnh triều-cương, mong có bảo tồn quốc thề.

(1) **Thao-hối.** — Lý-Bí, ngày 9 tuổi, làm bài phú, ai nghe cũng phục tài. Trương-cửu-Linh khuyên rằng : « nghĩ tự thao hối » nên bao bọc cái tài năng, đừng để tiết lộ quá sớm.

Lại nhận thấy từ xưa đã mấy thế kỷ, chưa có vị vua nào ở Đông-Á xuất dương ; năm (1922), được thư Xa-rô (Sarraud) mời, vua mới ngự sang Pháp ; nhơn tiễn đem cả Đông-cung Vĩnh-Thụy sang du học, một công hai việc, đè đòi lại quyền nội trị Trung-ky. Chẳng may, tại Pa-ri, có nhà cách-mạng Phan-châu-Trinh (2), không chịu quan-quyền, phản đối kịch liệt. Cuộc đàm phán chưa kết quả, thì vua đã phải hồi loan.

Lúc bấy giờ, tại Đông-dương, các nhà cách mạng không làm theo lối bạo động, lại tổ chức hoạt động theo lối chính trị, tại Quảng-châu, Nguyễn Ái Quốc đã lập thành hội « Á-tế-Á » ; tại Việt-Nam, chỉ là một chi bộ, do Vương-thúc-Oánh, Mai-ngọc-Thiệu, chủ trương. Các Toàn-quyền đổi phó không rời, khi thì theo giải-pháp ngoại-giao, đè cho dung-hòa các đảng ; khi thì dùng võ-lực đè trấn-áp phong-trào ; như Toàn-



Vua Bảo-Dai (ngày ở Pháp)

(2) **Phan-châu-Trinh.** — Hiệu Tùy-Hồ, sinh năm 1871, tại phủ Tam-ký, tỉnh Quảng-nam. Khoa Tân-Sửu, đậu Phó-bảng. Bèn Tầu năm ấy (1900) bị chiến tranh, cả Thái-hậu cả vua đến Tùy-an lánh nạn. Sĩ-phu bỏ lối văn-bút cõi, lo dịch sách của các nước ngoài, luận về dân quyền. Phan-châu-Trinh tiêm nhiễm theo, năm 1901, bỏ nhà đi vào Nam ra Bắc, rồi sang Nhật-bản, sau khi đã gặp São-Nam, Tùy-Hồ trở về nước, vận động công khai cách-mạng. Năm 1908, dân các tỉnh nỗi dậy kêu sru, Trần-quý-Cáp bị chém tại Nha-trang, còn Phan São-Nam bị án trảm giam hậu, phát phổi ra Côn-lôn, năm 1910, được ân xá trở về. Phan Tùy-Hồ đi lối ngoại giao, mới vận động sang Pháp ; 14 năm giao thiệp với các chính khách, ngày về nước, Phan-châu-Trinh giảng thuyết về dân trị, có ảnh hưởng nhiều. Ngày 24 tháng 3 năm 1926, mất tại Sài-gòn, an táng tại Gò-công, thọ được 55 tuổi.

quyền Va-ren đã lấy tư-cách người bạn đãi người thù, năm 1925, cho Phao-bội-Châu trăng án.

Vua Khải-Định đặt Nguyễn-hữu-Bài làm Cơ-mật Viện-trưởng lo việc ngoại-giao, không phải đã được tiếp-xúc với các nước ngoài chỉ là điều đình với Chánh-phủ bảo-hộ. Ngoại-giao chưa kết quả, thì ngày 23 tháng 9 năm Ất-Sửu (1925), vua đã thăng-hà ; đè lại một bản Di-chiếu (3) bằng quốc-văn, có những đoạn gần như sấm-ngữ :

« Chúng ta là dòng giống Tiên-Rồng, một dân-tộc hòa nhã ; thế mà bị những thói tham-ô từ phương xa đến, xã-hội Việt-Nam đã tiêm-nhiêm hơn 60 năm. Một ngày kia, cả bức cẩm-tú sơn-hà, sẽ phải làm sân-khấu cho những lớp thảm-kịch, xương thành núi, máu thành sông.

Dẫu có bị diên đảo một thời gian, đặc-tính của dân-tộc Việt-Nam vẫn ưa trật tự. Song phải có những tay tuấn-kiệt, duy trì trong buổi giao thừa, là buổi thay thế chính quyền, hay là đổi dời chính thè...



Nguyễn-hữu-Bài

« Ngày nay, giới trí-thức ở hải-ngoại, đã lập thành một đảng, a-dua theo lối dân-quyền ; chúng ta nên công nhận rằng đảng ấy có đủ thế lực..... Dẫu sao, chúng ta cũng đặt hy vọng vào tinh thần của toàn thể dân tộc, không vì đời sống về vật chất, mà nỡ phá hoại cơ sở của tổ-tiên ; nếu không giữ vững luân-lý cương thường, thì sẽ không có gia đình mà đã không có gia đình, thì cũng không còn xã-hội nữa.... »

(3) **Bản di-chiếu.**— Có người dịch ra chữ Pháp, đã đăng trong l'Indochine moderne.

TIẾT THỨ II

Triều Bảo-đại

Nghe lời Di chiếu, Đông-cung Hoàng-thái-Tử lo cho dân tộc cả nước, cả vì nhà, bôn ba về thọ quốc tang, và thịnh an từ nâu. Trong lúc chia buồn với bạn, Chính-phủ Pháp trọng trọng hứa lời : « Dẫu thế nào, chúng ta cũng bảo hộ nhà vua, giữ theo hòa-ước ».

Bỏ tên cũ, lấy chữ « Điện » trong kim sách làm tên ; ngày 8 tháng giêng năm Bính dần (1926) đăng quang ; trên điện Thái hòa, sau khi Toàn quyền Va-ren (Varenne) đọc chúc từ, vua Bảo-đại đáp bằng tiếng Pháp (4). Theo bản dịch ra Việt ngữ, có những đoạn sau này.

« Theo quốc-gia thánh-hiển, theo nhã ý của nước Bảo hộ, cũng như theo nguyện vọng của thần dân tôi phải lên ngôi, trong khi đương đau đớn. Song tôi không quên lời dặn của đức Hoàng-khảo tôi sẽ trở sang Pháp, để học cho thành tài, ngày sau mới có thể xứng với trách nhiệm nặng nề, mà trời đã phú tháp.

« Trong thời kỳ vắng mặt, nhờ Chính phủ bảo hộ, hiệp đồng với chính phủ Nam triều tạo cho quốc dân, một nền hòa-bình thịnh-vượng ».

Theo bản Hiệp định ký ngày 11 tháng 11 năm 1924, thì viện cơ mật thay vua, mà quan Toàn quyền chủ tọa.

Năm 1930, tức là năm Nguyễn-thái-Học (5) lên đoạn đầu dài tại Yên báy, Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-nam, Quảng-ngãi, dân chúng kéo cờ đỏ biếu tình ; hai Chính-phủ phải áp dụng binh quyền, đến năm 1932, tuy dẹp được ngọn lửa ban ngày, mà trong ban đêm vẫn còn dấu đỏ.

Non sông có chủ, xã-tắc mới yên, Nguyễn-hữu-Bài chỉ còn một giải-pháp cuối cùng, là đánh điện xin đức Bảo-đại hồi loan thân chính-

(4) Tiếng Pháp.— Có đăng trong L' Indochine moderne.

TIẾT THỨ III

Hồi loan thân chính

Đầu năm 1933, vua Bảo-Đại về đến Sài-gòn, liền giáng Dụ bô tục « hành ngũ bái lê ». Tự hậu, mỗi khi triều hạ, chỉ hành tam khau lê (ba vái), đề trọng nhân cách, và đề cho phong-tục cải-lương. Đạo dụ này có ảnh-hưởng nhiều : vua với tôi, quan với dân không còn cách biệt như ngày xưa, đã bước sang một giai đoạn mới.

Thân chính ngày 18 tuổi, vua Bảo-Đại đi khắp trong nước, đề quan sát dân tình, từ Thanh-hóa trở vào, đến cả các tỉnh Tây-kỳ, cương thò Hoàng-triều, tận đến phía nam tỉnh Phan-thiết.

Theo ngự-giá từ Bắc vào Nam, có nhà chủ báo người Pháp (Le Grauclaude) đến phỏng vấn Nguyễn-hữu-Bài rằng : « Nay có vua thân chính, thì dân nguyện vọng điều gì ? Nhà ngoại giao của nước Việt-Nam cũng như người xứ Nốt-mǎn-đí (Normandie), theo lòng thành thật trả lời : « Dân-tộc chúng tôi cũng như dân-tộc các nước, tuy có nhiều đảng phái, song nguyện vọng duy nhất, là được tự-chủ lấy công việc của nước nhà ».

Ngày 2 tháng 5 ấy, có Toàn-quyền Bác-ke (Pierre Pasquier) về Kinh, chủ-tọa kỳ hội-thương giữa viện Cơ-mật. Khâm-sứ Ty-bô-Đô (Thibaudeau) đọc đạo Dụ số 29 rằng : « Trước khi bắt tay vào việc, chúng ta muốn biết rõ tình dân, đã đi từ bắc đến nam, và đã thấy những điều phải canh-cải. Vậy kể từ ngày nay là ngày 8 tháng 4 năm thứ 8 triều Bảo-Đại, chúng ta đề cho Quận-Công Nguyễn-hữu-Bài, Hiệp-tá Võ-Liêm, Tôn-thất-Đản, Phạm-Liệu, Vương-tử-Đại, về hưu, đem Thái-văn-Toản, Phạm-Quỳnh, Hồ-đắc-Khai, Ngô-đình-Diệm, Bùi-bằng-Đoàn lên thay thế. Khâm-thứ ».

Ty-bô-Đô nói tiếp : « Đạo Dụ này được quan Toàn-quyền duyệt y, còn về phận-sự tôi, thì tôi đã thừa nhận ».

(4) **Nguyễn-thái-Học.** — Sinh năm 1902, tại Vĩnh-yên. Năm 196 đậu trường Cao-dâng Thương-mại, năm 1927, vào hội Việt-Nam Quốc-dân đảng. Hoạt động 3 năm luân, tổng cộng số người bị đày, bị giết, đến cuối năm 1929, có hơn 3 ngàn. Ngày 17 tháng 6 năm 1930 có 13 người bị án tử hình ; Nguyễn-thái-Học, trước khi lưỡi gươm máy hạ, còn hô lớn : « Việt-Nam vạn tuế ». (Theo bản Nguyễn-thái-Học của Nhượng-

CHƯƠNG XVIII

ĐẢO CHÍNH

TIẾT THỨ I Đại Đông-Á

Muốn đòi quyền nội-trị, Nguyên-hữu-Bàì bị dò ; không chịu đùi với Chính-phủ Pháp, Ngô-đình-Diệm (1) phải từ chức Cơ-mật Đại-thần, về làm binh-dân ; nhà văn-sĩ Phạm-Quỳnh (2) lên cầm quyền chưa được mấy răm, vừa nỗi cuộc đại-chiến thứ hai, trên đất Việt-Nam, có quân Nhật đóng. Thấy nhiều người thân Nhật, Tòa-quyền Đờ-Cu (Deoux) đã dự-bị, định đuổi quân Phù-tang ra khỏi Đông-duong.

(1) **Ngô-đình-Diệm**.— Sinh năm 1895, tại làng Đại-phong-lộc, huyện Lê-thủy, tỉnh Quảng-binh. Con cụ Ngô-đình-Khả. Năm 1915, đậu tốt nghiệp trường Pháp Việt, năm 1919, đậu đầu trường Hậu-bồ. Sau một thời gian làm Hậu-bồ tỉnh Thừa-thiên, ra quyền Tri-huyện Hương-Trà rồi quyền Tri-huyện Hương-thủy, lãnh chức Tri-huyện Quảng điền. Năm 1926, làm Tri-huyện Hải-lăng. Năm 1930, làm Quản đạo Ninh-thuận, rồi thăng lãnh Tuần-phủ Bình-thuận. Năm 1933 bạt họ Thượng-thư Bộ-lại, sung Cơ-mật Đại-thần.

(2) **Phạm-Quỳnh**.— Sinh ngày 17 tháng 12 năm 1892 tại Hà-nội, chính quán là tỉnh Hải-duong. Tốt nghiệp trường Thông-ngoôn năm 1908. Làm việc tại trường Viễn-đông Bác-cô đến năm 1917. Sáng lập báo Nam-phong. Sáng lập hội Khai-trí Tiến-đức, năm 1919. Tổng Thư ký ban Cứu-tế Xã-hội. Năm 1932, làm Thượng-thư, Đông-lý Ngự-tiền văn phòng. Năm 1933, làm Thượng-thư Bộ Quốc-dân Giáo-dục. Năm 1942, thăng hàm Đông-cá, lãnh chức Thượng-thư Bộ-Lại, kiêm bộ binh. Đã trước tác nhiều sách tiếng Việt (bộ Nam-phong tùng-thư) và tiếng Pháp.

Người Nhật thâm-trầm làm mà không nói. Vì thấy Pháp bắt đảng viên của hội Đại-việt Dân-chính túc là phái thân Nhật, nên đêm 8 tháng 3 năm 1945, theo chiến-lược « đáah-up », Đại-tướng Ni-Hy (Nishihara) cướp chính-quyền, người Pháp cai-trị ở Đông-dương, sáng ngày 9 đều phải trao quyền cho người Nhật. Vì muốn xây nền Đại đông-Á, nên Việt, Môn, Lào, đều được tuyên-bố độc-lập một lần.

Vua Bảo-Đại truyền cho hạ cờ Bảo-bộ, treo cờ « què-ly »; quốc-kỳ mới có ngày đầu, túc là cờ độc-lập.

Ngày 19, viện Cơ-mật toàn thê xin từ-chức, vua Bảo-Đại cho theo lệ về hưu; nhưng mà phải lưu lại một thời-gian, chờ người thay thế. Nước nào cũng vậy, mỗi kỳ đảo-chính, tất phải có lớp nhân-tài khác đóng vai. Tối-cao Cố-vấn người Nhật mới mời Trần-trọng-Kim, về lập chính-phủ.

Ngày 17 tháng sau mới lập thành Nội-các : Trần-trọng-Kim làm Tòng-trưởng, Trần-đinh-Nam, Trần-văn-Chương, Vũ-văn-Hiền, Hồ-tá-Khanh, Nguyễn-hữu-Thi, Hoàng-xuân-Hân, Trịnh-đinh-Thảo, Lưu-văn-Lang, Vũ-ngọc-Anh, Phan-Anh, đều làm Bộ-trưởng.

Viện-trưởng đòi ra Tòng-trưởng, Thuợng-thư đòi ra Bộ-trưởng, Cơ-mật đòi ra Nội-các, nước Việt-Nam đã có nhiều vẻ mới với danh-tù. Lại còn có một vẻ mới giữa dân, từ mấy ngàn năm chưa có, ngày 25 tháng 4 năm ấy, mấy vạn người kéo đến biều tình trước Ngọ-môn, cả quần chúng hoan hô : « Hoàng-đế vạn-tuế ». Đứng trên lầu, vua Bảo-Đại cũng hô « Việt-Nam độc-lập vạn tuế ». Hai chữ độc-lập đã thành quốc húy, hơn 60 năm, ngày ấy nghe rất lạ tai, mà cả trăm ngàn người cũng hô theo cho sướng miệng.

TIẾT THỨ II

Nội-các đỗ

Trần-trọng-Kim ở trong lầu Khâm-sứ, đương giao-thiệp với Tối-cao Cố-vấn; thì phi-cơ của Anh, Mỹ, cũng đương oanh-tạc bên

ngoài ; quân đội Nhật chưa giao lãnh-thò Nam-kỳ, thì đã bị quân đồng-minh bay đến. Người Nhật khi nào cũng dè-dặt, Ni-Hy đại-tướng vẫn hành-động ở Đông-duong ; mà trên đất Nhật, bom nguyên-tử đã dội xuống hai thành : Na-ga (Nagasaki) và Hi-rô (Hiroshima), Thiên-Hoàng đã nghĩ đến cuộc đầu hàng, không nỡ nhìn nhân-dân tiêu-diệt.

Trần-văn-Chương làm Ngoại-giao Bộ-trưởng, cũng đương điều-định với Nhật, để cho được độc-lập hoàn-toàn ; đầu nước Nhật có bị thất-bại thế nào, thì nước Việt-Nam cũng đã thâu-phần thắng-lợi. Chẳng ngờ trong ngày 19 tháng 8 tại Hà-thành, Việt-mình đã thả truyền đơn, dân-chúng biều tình, dùng 4 chữ « trừ Pháp, diệt Nhật » làm khẩu-hiệu.

Hoạt-động vừa 4 tháng, nền độc-lập xây mới nửa chừng, thì Bắc-bộ, đã bị Việt-Minh cướp chính-quyền, toan kéo về Trung-bộ. Toàn thể Nội-các Trần-trọng-Kim, trước còn xin từ chức tự nhậm thấy không đứng vững với trào-lưu ; sau nghe Việt-Minh đã ẩn-hiện & không-gian, như thần, như ma, tuy chưa có ai thấy rõ ; thế mà Trần-trọng-Kim đã tự xin giải chức, nghĩa là tự giải-tán, không chờ mạng-lệnh nhà vua.

Trong khi vua ở một mình, tả, hữu, không có ai phụ-bật, thì Việt-Minh gởi luôn 2 bức điện-văn yêu-cầu vua thoái-vị, để cho đảng cách-mạng cầm quyền. Tông-bộ ở Bắc, ủy cho Trần-huy-Liệu vào Kinh, trao đổi các điều-kiện với vua, như năm 1912, bên Tàu ngày Cách-mạng thành công, Tôn-văn vẫn ưu đãi vua Tuyên-thống : để vườn Di-hoa làm trụ-sở, nhìn nhện vua là vị khách-đế, (3) có tuế bồng, để bảo-tồn lăng miếu của liệt triều, hoàng-tộc cũng được chuẩn miễn binh đao, vẫn theo hạng bình dân, mà có phần đặc-biệt.

Ngày 24 tháng 8, lúc 3 giờ chiều, trên lầu Ngọ môn, vua Bảo-Đại vẫn tươi tinh như ngày thường, không xin một điều-kiện gì với

(3) Khách-đế.— Theo bản « Cách mạng vị thành công » (chữ Tàu). Tôn Văn đổi đãi vua Tuyên-thống, như một vị vua ở nước ngoài đến gọi là « Khách đế »

đại-diện Hồ-chí-Minh, hoàn-toàn tín-nhiệm vào nhà cách-mạng. Sau khi đem ấn kiêm trao cho sứ-thần Trần-huy-Liệu, chỉ xin một chút dấu-hiệu công-dân. Trên kỳ đài, hạ lá cờ Què-ly, kéo lá cờ đỏ sao vàng lên thay thế.

Cựu-hoàng còn nhận chức Cố-vấn, đi theo chính-phủ Cộng-hòa : Hồ-chí-Minh Chủ-tịch, Trần-huy-Liệu, Võ-nguyễn-Giáp, Phạm-văn-Đồng, Phạm-ngọc-Thạch, Dương-đức-Hiền, Vũ-trọng-Khánh, Vũ-đình-Hđe, Chu-văn-Tấn, Cù-huy-Cận, Nguyễn-mạnh-Hà, Đào-trọng-Kim, Lê-văn-Hiền, Nguyễn-văn-Tő, đều làm bộ-trưởng.

Sau ngày tòng tuyỀn-cử, thì quốc-hội, đặc: Chính-phủ lại, theo danh-sách dưới này : Hồ-chí-Minh Chủ-tịch, Nguyễn-hải-Thần, Phó-chủ-tịch, Phan-Anh, Huỳnh-thúc-Khang, Nguyễn-tường-Tam, Vũ-đình-Hđe, Dương-đức-Hiền, Lê-văn-Hđen, Chu-bá-Phương, Đặng-thái-Mai, Trương-đình-Trí, Trần-dăng-Khoa, Bồ-xuân-Luật đều làm Bộ-trưởng.

TIẾT THÚ III Trường kỵ kháng chiến

Ngày 23 tháng 9, quân đội Pháp trở lại, đồ bô lên đất Nam-kỳ ; quân đội Việt-minh đánh rất kịch-liệt mấy ngày, rồi rút dần dần ra ngoài châU-thành, lập lối trường-kỵ kháng-chiến.

Quân đội Nhật bị giải-giáp, vì ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Đông-kinh, Thiên-Hoàng đã cử hành lễ đầu hàng chính-thức.

Sau một thời gian đàm-phán, ngày 6 tháng 3 năm 1946, Hồ-chí-Minh với Xanh-tò-Ni (Sainteny) đã ký bản Hiệp-định sơ-bô, đe chấm dứt cuộc chiến-tranh ; song vì quyền-lợi chẳng đi đôi, bên nào cũng muốn giữ phần hơn, ngoại-giao thất-bại. Đạo quân của Tướng Lơ-cơ-Le (Leclerc) kéo vào thủ-đô Hà-nội, cũng như ngày đồ bô ở Sài-gòn.

Ngày tháng 4, tại Đà-lạt, ngày tháng 8, tại Fông-ten (Fontaine-

bleau), Chính-phủ Cộng-hòa, Chính-phủ Pháp, vẫn tiếp tục điều-định ; nhưng vì không có nước nào đứng trung-gian, không có chính-khách ngoại-giao, nên có nhiều vấn-đề, cả hai bên tranh-chấp theo ý-chí riêng không bên nào giải-quyết được ; nhất là vấn-đề địa-vị nước Việt-Nam trong Liên-hiệp-Pháp (4), nghĩa là quyền hạn ngoại-giao.

Kết cuộc, đại-biểu Pháp nói : « Sở-dĩ Việt-Nam chưa nên có ngoại-giao riêng, là vì chưa có nhà chuyên-môn, chưa có đủ kinh-nghiệm, chưa có sức điều-khiển ngoại-vụ, rất nguy-hiểm cho các nước trong Liên-hiệp Pháp ; Việt-Nam đã nhận ở trong phạm-vị Liên-hiệp Pháp. tức là tự ý chịu những hạn-chế về chủ-quyền, thì hạn-chế về ngoại-giao là một.

Khai mạc ngày 6 tháng 7, đến ngày 1 tháng 8, hội-nghị 22 kỳ, chưa thỏa-thuận được điều gì, thì đã bị bế-tắc. Phái đoàn ngoại-giao của Việt-nam tiếp xúc với người Pháp, không giải-quyết được vấn-đề nào, thái-độ hai bên tương phản nhau xa, ngoại-giao phải nhường bước cho nhà binh, Việt, Pháp lại khai-mạc ở chiến-trường, đàm-phán bằng miệng súng.



(4) **Liên-hiệp Pháp.**— Theo bản hội nghị Việt-Pháp của Trịnh-quốc-Quang.

CHƯƠNG XIX

CỰU HOÀNG TỬ CHỨC CỐ-VĂN

TIẾT THỨ I

Tại Trùng-khánh

Đã định trường-kỳ kháng-chiến, Chính-phủ Hồ-chí-Minh cho một phái-đoàn sang Trung-hoa, theo lối ngoại-giao, đê kết tình thân thiện. Vì thời thế, cũng vì lý-do khác, nên đặt Cựu-Hoàng làm Trưởng Phái-đoàn. Khi đến Côn minh, Lư-Hán ủy Bí-thư đại diện đi nghinh-tiếp. Ngày đến phi trường Trùng-khánh, Thống-chế Tưởng-giới-Thạch mặc quốc phục, đón rước theo lê bang-giao.

Trong lúc lưu-trú tại đất Tàu, Cựu-Hoàng có dịp hội-ngộ với Đại-tướng Mác-Xang (Marshall), tỏ được những nỗi tâm tình, từ ngày quân-đội Nhật đảo-chính, đến ngày giao quốc-quyền cho Chính-phủ dân-chủ Cộng-hòa, từ trên ngai vàng đến xuống làm công-dân, khi nào cũng chỉ mong cho nước Việt-Nam được hòa-bình và độc-lập.

Cuộc đàm phán của hai nhà chính-khách Việt và Mỹ, có làm bản « Chứng-kiện-thư » ; (1) : 1). Những nguyện vọng của dân tộc Việt-Nam là được độc lập hoàn toàn, có các nước ngoài công nhận ; 2). Cuộc điều-định giữa Việt và Pháp nhờ nước Mỹ đứng trung gian, đê chấm dứt cuộc chiến-tranh. Cựu hoàng sẽ chủ trương công việc ấy.

(1) **Chứng-kiện-thư.**— Theo bản « Hoàng-đế Bảo-Đại trên trường ngoại-giao » ; thì do mấy người tùy tùng đức Bảo-Đại, biên ra đê đưa cho Đại-tướng Marshall, trước khi trở về Hoa-thịnh-đốn.

Sau khi Đại-tướng Mác-Xang nhận bản chứng-kien-thư đem về Mỹ, thì Cựu-Hoàng Bảo-Đại làm một bức thư, từ chức Cố-vấn của Chính-phủ Cộng-hòa, giao cho Phái-đoàn đem về Hà-nội. Rồi dùng phi-cơ riêng của Chính-phủ Trùng-khánh, bay sang Hương-cảng, để chờ tin tức nước nhà.

TIẾT THỨ II

Tại Hương-cảng

Nghe cuộc Hội-nghị tại Phêng-tен (2) (Fontainebleau) thất-bại, lại nghe 19 tháng 12 năm 1946, tại Bắc-kỳ đã xảy ra những vụ bất-hòa, Việt, Pháp giao-binh, thì Cựu-Hoàng hồi-hộp theo vận-mạng nước nhà, lại còn lo cho đồng-bào, phải chết theo bom đạn nứa.

Tại Huế, trong Hoàng-thành, Việt-Minh, sau mấy ngày giao-chiến với Pháp, đốt hết miếu, điện, phá cả cầu đường, rồi chạy ra hậu-phương. Trong lúc ấy, Hội-đồng an-dân Bắc-kỳ, Hội-đồng chấp chánh-Trung-kỳ, Hội-đồng tự-trị Nam-kỳ, các phái tôn-giáo, liên-đoàn thanh-niên trí-thức, đều gởi điện-văn sang Hương-cảng, thỉnh-cầu Cựu-Hoàng điều-định, để cho dân-tộc Việt-Nam được thoát ra ngoài nước lứa.

Cựu-Hoàng phúc đáp: « Được điện-văn của các giới, tôi rất cảm-tinh, trước khi nhận lời, tôi moang gặp mặt các bạn tại Hồng-công » vào ngày 9 tháng 9 năm 1947.

Theo lời hiệu-triệu, các đại-biều bay sang Hương-cảng, phân-tranh hiệp-trạng của đồng-bào. Hội-nghị luôn 2 ngày, lập thành biên-bản,xin Cựu-Hoàng tìm phương pháp, làm cho nước tri dân yêu.

Cựu-Hoàng mới gửi về một bản tuyên-ngôn ; có mấy lời thống-thiết : « Vì muốn quốc-dân khỏi bị lưu huyệt, nên tôi thoái vị, và

(2) Phêng-tен.— Tên một thành phố gần Thủ-đô nước Pháp.

lánh mình ra hải ngoại, gởi vận-mạng Tồ-quốc cho nhà cầm quyền. Nay theo nguyện-vọng của toàn-thể quốc-dân, tôi không dám từ nan, sẽ cố-gắng điều-định, trên đường quốc-tế, để cho được độc-lập và thống-nhẤt, mà khỏi chiến tranh ».

Ngày 16 tháng 12 năm 1947, Cựu Hoàng Bảo-Đại cùng Cao-Ủy Bô-le (Bollaert) hội kiến tại vịnh Hạ-long ; tuy chưa giải quyết cả hai vấn đề căn bản trên này, nhưng mà nước Pháp đã chịu mở màn đàm phán.

TIẾT THÚ III Tại Pa-ri

Sau cuộc hội kiến, Bảo-Đại bay sang Pháp, Bô-le cũng trở về Pháp, để tiếp tục hội đàm. Song mỗi khi động đến lợi quyền, thì lẽ cố nhiên, Bô-le bênh vực quyền lợi cho Pháp. Những khi tranh chấp, Bảo-Đại vẫn giữ thái-độ ôn hòa mà cương quyết, theo phương-pháp ngoại giao ; nói rõ những điều lợi những điều hại cả hai bên, nghĩa là nói thật.

Cựu hoàng gửi thư đến (3) Tờ-ru-man (Truman) Tòng-thống Mỹ :

« ... Chúng tôi cực lực phản kháng, nếu nước Pháp muốn lập lại nền thống trị trên đất Việt-Nam... Chính sách thực-dân nay không hợp thời, dân-tộc Việt-Nam không có thè chịu ở dưới quyền một dân-tộc khác.

« .. Xin Quý Tòng-thống vì công-lý, vì nhơn-đạo, giúp đỡ và nhận lời cảm tạ của chúng tôi ».

Thư gửi đến (4) Đại tướng Đò-gôn (De Gaulle):

(3) **Cựu hoàng gửi thư đến Truman.**— Theo bản Việt-Nam tranh đấu sứ của Phạm-vân-Sơn, xuất bản năm 1951.

(4) **Thư gửi đến Đại tướng De Gaulle.**— Theo bản Việt-Nam tranh đấu sứ của Phạm-vân-Sơn.

« ... Các ngài nhớ lại những hồi ống khồ, trong lúc bị nước ngoài xâm chiếm ; thì các ngài sẽ hiểu tình dân-tộc Việt-Nam... Muốn giữ quyền lợi của người Pháp trên đất Việt-Nam này ngay, thì không gì bằng các ngài công nhận nền độc-lập của nước Việt-Nam, và đừng nghĩ gì đến việc lấy lại chủ quyền như ngày trước.

« ... Chúng tôi mong rằng : các ngài sẽ chú ý đến lời cảnh-cáo tâm-huyết này, để cho chúng ta dễ hiểu nhau, và trở nên bằng-hữu ».

Tuy chưa kết quả mỹ-mẫn song Chính-phủ Pháp đã hứa hẹn nhiều ; vì theo lời tuyên bố trong báo Quyết Chiến của Hồ-chí-Minh, hễ được độc-lập hoàn toàn, thì nhân-viên của đảng Việt-Minh tự giải tán. Cựu hoàng trở về Hương-cảng, gửi điện mời Thiếu-tướng Nguyễn-văn-Xuân, lập Chính-phủ lâm-thời, để cho quốc-dân có người bảo đảm.

Ngày 5 tháng 6 năm 1948, Thủ-tướng Nguyễn-văn-Xuân, Cao-Ủy Bô-le, đồng ký một bản Hiệp-định tại vịnh Hạ-long, trước mặt Cựu hoàng Bảo-Đại : « Nước Pháp chính thức công nhận nước Việt-Nam độc-lập trong khôi Liên-hiệp Pháp, và tự do thực-hiện nền thống nhất theo sở-năng. Còn những vấn-đề văn-hóa, ngoại-giao, binh-bị, kinh-tế, tài-chánh, sẽ ký kết riêng, trong những bản thỏa-hiệp-án ».

Vì chưa dứt khoát, nhiều việc còn đợi thời gian, nên phải trở sang Pa-ri để giao thiệp trực tiếp với Ô-ri-ôn (Auriol) Tổng-thống Cộng-hòa Pháp.



CHƯƠNG XX

NGOẠI-GIAO CHÍNH-THÚC

TIẾT THỨ I Thống-nhất

Vì thống-nhất là vấn-dề căn bản, nên Cựu hoàng, trước khi giải quyết với Tông-thống Ô-ri-ôn, phải mời Trần-văn-Hữu, Tông-trấn Nam phần sang Pháp. Sau khi đã biết rõ chí hướng của dân, sẵn lòng trở về với quốc-gia, Cựu hoàng mới nói chuyện sơ qua với He-rô (Herrog), đại diện Phò-lô-rê (Coste Floret), để cho Chính-phủ Pháp dự bị, nếu vui lòng trả đất, đầu đã lập thành thuộc địa (1) hơn 70 năm.

Ngày 8 tháng 3 năm 1949, Tông-thống Auriol, với Cựu hoàng Bảo-Đại, trao đổi văn thư, ký kết cả hai bên; có thủ-tướng (Queuille) Chuồng-ẩn An-ma-ri (Ardré Marie), Bộ trưởng Hải ngoại Phò-lô-rê

(1) **Thuộc địa.**— Theo bản Hòa ước năm 1874, vua Tự-Đức nhường cho nước Pháp 6 tỉnh đất Nam-kỳ; người Pháp đã lập thành thuộc địa. Theo hiến-pháp, bỏ một thuộc-dịa, phải có Quốc-hội chuẩn-y.

Ngày 13 tháng 4 năm 1949, Hội-nghị Nam-kỳ biểu quyết: « Bãi bỏ quy-chế hiện tại, do những bản Hòa-ước năm 1862 và 1874, phải hiệp Nam-kỳ về lãnh thổ Việt-Nam. Tuy đã có lời quyết nghị của dân, nhưng mà vì thuộc-dịa của Pháp, nên còn phải chờ Quốc-hội thông qua bản quyết-nghị, và đầu phiếu công nhận hay là phủ nhận thế nào. Ngày 6 tháng 6 năm ấy, Quốc-hội bỏ 344 phiếu thuận, 185 phiếu nghịch, thừa nhận bản quyết-nghị ở Nam-kỳ.

phụ ký, chính-thức công nhận cho nước Việt-Nam, từ ngày ấy, có hoàn toàn lãnh-thổ, cả ba kỳ. Chính-phủ Pháp tự tiêu hủy những bản hiệp-ước nói về ba thành phố : Hà-nội, Hải-phòng, và Đà-năng, Nước Pháp còn xác nhận rằng : Những đảo Tây-sa (Paracels), Côn-lôn (Poulo Condor) là về lãnh-thổ của Việt-Nam, cũng như những giống dân Thổ, Thái, Mọi, Mường, ở Tây-kỳ, đều thuộc về của Hoàng-triều cả.

TIẾT THỨ II

Độc-lập

Quyền ngai-giao đã mất từ năm 1884, nay nước Pháp trao trả lại cho nước Việt-Nam : được tự ý nhận và gửi sứ-thần, được ký kết với các nước ngoài, theo quy-tắc trên trường quốc-tế. Còn các sở Tư pháp, Kinh-tế, Tài-chính, văn-hóa, Công-an, nước Pháp lục tục trao trả cho Chính-phủ Việt-Nam, theo nguyên-tắc căn bản văn-kiện.

Đã được thống-nhất và độc-lập, ngày 28 tháng 4 năm 1949, Cựu hoàng trở về nước. Ngày 14 tháng 6, cử hành lễ Hộ-giao văn-kiện tại Sài-gòn, giữa hai nhà nước, một bên là Cựu hoàng Bảo-Đại, một bên là Cao-Ủy Pi-nhông (Pignon). Liền khi ấy, Cựu hoàng tuyên-bố :

« Lãnh thổ này, giống Hồng-Việt đã dày công khai thác, đức Gia-Long cùng biết bao nhiêu anh-hùng hiền-sĩ, đã tô vẽ lại noo sông ; nay nhờ tài-năng của toàn thè quốc-dân, và nhờ tình hữu-nghị của Pháp, đã được thống-nhất, càng tỏ đồng-bảo Nam phẫn, không bao giờ quên nguồn gốc giống nòi... »

« Ngày ở Pháp vì tôi phải có một lập trường, nên tôi đã tạm nhận địa vị cũ của tôi, nhưng tôi với quốc-dân, ý-định vẫn không thay đổi. Một lần nữa, tôi trình trọng tuyên bố : « Chánh-thè của nước Việt-Nam sau này, sẽ do quốc dân định-đoạt... »

« Vì tình-hình quốc-tế đang nghiêm trọng, đồng bào chưa có thè

tổ-chức Quốc-hội, chưa có thè mở cuộc tòng-tuyên-cử, nên tôi phải nhận đúng điều khiền bộ máy quốc-gia...

« Bản ký kết ngày 8 tháng 3, chỉ là phác-họa những nguyên-tắc căn-bản về thống-nhất và độc-lập cho nước Việt-Nam ; những thè-chế thuộc-địa do các bảu Hòa-ước năm 1862, 1874 tạo thành, nay hoàn toàn tiêu-hủy...

« Đè thực-hiện các quyền ngoại-giao nội-trị một Chính-phủ sẽ thành lập nay mai ; một chương-trình cải-tạo xã-hội cũng sẽ thi-hành ; các cơ-quan đặt ra, là đè làm việc cho dân, theo lẽ dì nhiên, thì những quyền lợi chính-đáng của ngoại-kiều, cũng được bảo-vệ và tôn-trọng...

« Dưới mái Tù-đường của Tò-quốc, tôi thiết-tha nhǎn nhủ toàn thè quốc-dân, hãy trở về và tin tưởng vào tương-lai, cùng nhau hợp sức, bắt đầu viết một trang sử mới : « Tân quốc-gia Việt-Nam ».



CHƯƠNG XXI

NGOẠI-GIAO KẾT-QUẢ

TIẾT THỨ I

Chính-phủ

Cựu-hoàng đã tuyên bố thế nào, thì làm thế ấy. Ngày 2 tháng 7 năm 1949, nước Việt-Nam lập thành Chính-phủ Trung ương :

Cựu hoàng Bảo-Đại làm Quốc-trưởng kiêm Thủ-tướng.

Trung-tướng Nguyễn-văn-Xuân làm Phó Thủ-tướng kiêm Tòng-trưởng bộ Quốc-phòng.

Nguyễn-khắc-Vệ, Nguyễn-phan-Long, Trần-văn-Ân, Trần-văn-Lý, Vũ-ngọc-Trần, Phan-huy-Đán, Dương-tấn-Tài, Hoàng-Cung, Phan-khắc-Sửu, Trần-quang-Vinh, Lê-Thăng, Phan-huy-Quát, Trần-văn-Cửa, Nguyễn-tôn-Hoàn, Nguyễn-hữu-Phiếm, Trần-văn-Tuyên, làm Tòng-trưởng, Thứ-trưởng, Quốc-vụ-Khanh, Tòng-giám-đốc.

Ngày 12 tháng 7, Quốc-trưởng ra thăm Huế ; ngày 16, ra thăm Hà-nội ; rồi trở vào Đà-lạt, đê cùng nhân-vật cả các giới, trù định chương-trình kiến-thiết quốc-gia.

Đầu năm 1950, Trung-tướng Nguyễn-văn-Xuân từ chức Phó Thủ-tướng và chức Tòng-trưởng bộ Quốc-phòng, Quốc-trưởng đặt Nguyễn-phan-Long làm Thủ-tướng lập Nội-cács. Cách mấy tháng, lại đem Trần-văn-Hữu thay Nguyễn-phan-Long, điều khiển toàn thể Chính-phủ Quốc-gia.

Về phương-diện ngoại-giao, trên đường Quốc-tế (1), thì Chính-phủ có nhiều thành-tích, trong năm 1951 vừa qua : 33 nước trên hoàn-cầu, công nhận Việt-Nam độc-lập. Nước Pháp chịu viện-trợ (2) binh-bị, nước Mỹ chịu hợp-tác kinh-tế (3); Việt-Nam đã nhận Sứ-thần (4), Thái-lan Sứ-thần (5), Hoa-kỳ Sứ-thần (6); Anh-cát-lợi và gởi Sứ-thần đến các nước.

TIẾT THỨ II

Bang-giao

Nước Mỹ mời nước Việt-Nam sang Cựu-kim-sơn, ngày 28 tháng 8 năm 1951, Thủ-tướng Trần-văa-Hữu đem phái-doàn « guyễn-trung-Vinh, Nguyễn-duy-Thanh, Bửu-Kinh, sau khi lãnh mạng-lệnh Quốc-trưởng, lên phi-cơ sang Pháp.

(1) **Quốc-tế.**— Theo bản Tứ-hải thi chũ « tế » là nơi tiếp-giáp tiếp-xúc, như thiên-tế là nơi trời với biển tiếp-giáp, người ta thường gọi là chân trời. Quốc-tế là các nước hội-ngộ tiếp-xúc với nhau.

(2) **Binh-bị** — Ngày 20 tháng 12 năm 1950, nước Pháp ký-kết chịu viện-trợ.

(3) **Kinh-tế.**— Nước Mỹ chịu viện-trợ cho nước Việt-Nam, ký-kết bản hiệp-ước đầu tiên, vào ngày 23 tháng 8 năm 1945, tức là ngày De Gaulle cùng Bidault sang Mỹ, hội-dàm với Truman và Burnes, về vấn-dề Đông-dương. Trong khoảng 5 năm, chỉ là ngoại-giao giàn-tiếp. Từ ngày 7 tháng 9 năm 1951, Việt-Nam với Mỹ mới trực-tiếp ký-kết cùng nhau, để hợp-tác về kinh-tế, theo quyền ngoại-giao riêng.

(4) **Thái-Lan.**— Ngày 12 tháng 1 năm 1950, Thái-Lan đổi tòa lãnh-sự ở Việt-Nam ra Sứ-quán, để đặt một vị Sứ-thần.

(5) **Mỹ-lợi-kiên.**— Ngày 21 tháng 10 năm 1950, Donald Heath Sứ-thần Hoa-kỳ đến Việt-Nam.

(6) **Anh-cát-Lợi.**— Ngày 10 tháng 11 năm 1950, F.S. Gibbs Sứ-thần nước Anh đến Việt-Nam.

Ngày 29, đến phi-trường Ot-ly (Orly), có Lơ-tuốc-Nô (Letourneau) Tông-trưởng, Cô-Nhi (Cogny) Thiếu-tá, Lơ-va-Lê (Levallée) Thiếu-tá đại-diện Đại-trưởng Đờ-Lát (De Lat-tre), Bi-Đô (Bidault) Tông-trưởng quốc-phòng đại-diện Thủ-tướng Pò-lơ-Ven (Pleven), đón tiếp rất trọng thể.

Tại Pa-ri, trong một điện lớn nhất của nước Pháp, Giám quốc Ô-ri-Oa (Vincent Auriol) tiếp-kiến phái-đoàn ; Trần-văn-Hữu lấy nhau-danh Quốc-trưởng Bảo-Đại, trao tặng nhất hạng Bảo quốc huy-chương.

Ngày 1 tháng 9 đến Nữu-ước, lễ-nghi nghinh tiếp tại phi-trường Y-len-Vít (Idlewild), đủ chứng-minh một nước phú-cường và văn minh bậc nhất ở hoàn-cầu.

Sau lễ ký Hدا-ước với Nhật-bản, có đại-biểu các nước cả Á, cả Âu ; ngày 13 Trần-văn-Hữu sang Va-danh-tôn (Washington). Tông-thống nước Hoa-kỳ Tò-ru-Man (Truman) tiếp tại Bạch-ốc, là một cung nguy-nga nhất trên thế-giới. Trong buổi hội-kiến, Quốc-trưởng nước Mỹ là người đương chủ-trương cho thế-giới hòa-bình, trịnh-trọng hứa lời rằng : « Hiệp-chúng-quốc xin tích cực viện-trợ cho nước Việt-Nam ».

Nhân dịp Trần-văn-Hữu giao-du với các nước ngoài, Thủ-tướng nước Anh mời sang Luân-dôn (Londre). Trong thời-kỳ ở tại Thủ-đô nước Anh, An-tò-Lê (Attilée) hứa sẽ cung-cấp cho nước Việt-Nam, những điều nhu-cầu cả các phương-diện.

Sau một tháng làm toàn sứ-mạng, ngày 4 tháng 10 năm 1951, phái-đoàn về đến Sài-gòn ; liền gửi điện văn lên Quốc trưởng, có câu : « Con đường mà Hoàng-thượng đã vạch ra cho chúng tôi, là con đường vinh-quang của Tò-quốc. Thay mặt cho toàn thể Chính-phủ, chúng tôi xin cam-doan rằng : Chính-phủ tiếp tục nỗ-lực, mong Hoàng-thượng thè nhận tấm lòng trung-thành tôn-kính của chúng tôi ».

Liền khi gửi điện văn, Trần-văn-Hữu dùng cây bút máy hiệu Hòa-bình, là cây bút đã ký trên bản, Hda-ước với Nhật-bản biến lại cho đồng-bào, mấy chữ sau này : « Phái-đoàn Việt-Nam tuy làm vinh-hạnh, vì đã làm tròn phan-sự cùng Tò-quốc, và đã đem lại sự vinh-quang cho nước nhà, tại hội-nghi San-Francisco ».

HÒA-BÌNH NGOẠI-GIAO SỨ TỔNG-LUẬN

Khen đời xưa, chê đời nay thì không đúng đã dành; mà khen đời nay, chê đời xưa; lại càng không đúng nữa. Đời xưa chính phạt, đời lay chiến-tranh, tuy có đời danh-tử, mà loài người vẫn bị tàn-sát.

Tạo-hóa muôn cho cả các loài động-vật, mạnh theo mạnh, yếu theo yếu, chủng-tộc nào cũng được tiếp-tục sinh-tồn; chẳng những là sanh-tồn, mà lại còn được sống chung, sống theo phương-pháp ngoại-giao, sống theo sở-năng, sống theo hoàn-cảnh.

Loài người lại không theo luật chung của Tạo-hóa, là luật tự-nhiên; Đại-dì-Văn (Darwin) 1859, bày ra thuyết « chủng-nguyên », Mã-túy (Malthus) năm 1827 bày ra thuyết « nhơn-mẫn » đã làm cho cả châu Âu chấn-động, nước nào cũng dự-đoán rằng: hễ không tự-cường, sẽ bị đào-thải; hễ không tàn-sát, sẽ bị co-hàn. Học-thuyết của hai nhà này, là mối lửa chiến-tranh: người với người, phải giết lão-nhau; yếu thì mất, mạnh thì còn, cường-quyền là luật chung của nhân-loại.

Đã lấy cường-quyền làm luật, một người cũng như một nước, chẳng ai tin ai, các nước đều nghi kỵ nhau, người với người vẫn tiếp xúc hàng ngày, mà miệng người đã không có giá-trị rồi, chỉ còn lấy miệng súng làm hòn thua, cõi diệt trừ nhau, người có chết thì mình mới sống.

Tư-trào của thế-kỷ 18, 19, là ảnh-hưởng của những học-thuyết « tự-cường » và « đoàn-kết ». Lô-thoan (Jean Jacques Rousseau) làm Dân-ước-luận; Ba-khô-Ninh (Michael Bakunin) giảng-thuyết vô chính-

phủ ; Tư-Đằng (Max Stisner), tuyên-bố chủ-nghĩa lợi-kỷ ; Ân-cách-Tư (Friedrich Engels) cõi-động bài-trù tư-bản ; Mă-khắc-Tư (Karl Marx), tuyên-truyền Cộng-sản ; một người khởi xướng, trăm ngàn người phụ-họa ; vì đảng-phái nào cũng muốn bành-trướng thế-lực của mình, nên phải tưống-tranh, phải chiến-tranh, hai thế-kỷ trước đã tạo nhân, thì thế-kỷ này, phải nhận lấy quả.

* * *

Đạt-dĩ-Văn bằng theo động-vật, thực-vật, sanh-hóa trong một địa-phương ; Mă-túy bằng theo thực-phầm, hóa-giá, của một thời-đại ; Mă-khắc-Tư bằng theo hoàn-cảnh, sinh-hoạt, của một cá-nhơn ; cả ba nhà tưởng-tượng nhơn-loại vào một phạm-vi, trù-tính hoàn-cầu vào một tỷ-lệ. Song giữa vũ-trụ có thời-gian, không-gian định mạng, lại còn có sơn-xuyên khí-hậu tài-bồi ; thành-thứ, các dân-tộc khác nhau : châu Á khác châu Âu. Như tại châu Á, hơn 3.000 năm, đời nào cũng có chiến-tranh ; song chiến-tranh theo chủ-nghĩa quốc-gia, chưa từng có chiến-tranh theo giao-cấp như Mă-khắc-Tư đã nói.

Về vật-chất, các nhà khoa-học cũng như các nhà kinh-tế-học, có thể dùng một nguyên-tắc chung cả Á, cả Âu ; còn về tinh-thần, người hai châu khác nhau xa : như dân-tộc Việt-Nam, thì tự túc theo khả-năng, tự an theo hoàn-cảnh. Vui với trăng "với gió, giàu vui với giàu, nghèo vui theo nghèo. Thấy người hồn minh, thì minh cố gắng cho bằng người ; song không có ý cạnh-tranh, huống là đến chiến-tranh về giao-cấp.

Tôn-Văn đã nói : « Tại châu Á, không có nhà tư-bản ; những nhà đại phú, so với châu Âu, chỉ là về hạng tiều bần ». Thành-thứ, về vật-chất, giao-cấp chẳng khác nhau xa ; duy về tinh-thần, thì giữa xã-hội lấy nhơn-phầm làm giao-cấp. Nhơn-phầm sở-dĩ quý, sở-dĩ được dân sùng-bái, là vì không có thè mua, chỉ tự sức người, cố gắng dày công, chẳng những chỉ đối với quốc-gia, mà nhất là có công đối với xã-hội.

Công với xã-hội, không phải chỉ hạng thương-lưu trí-thức, mà

cả các giới, cho đến hạng lao-động, nghĩa là những người ngày thường làm gương làm mẫu, về liêm sỉ, về tánh tình, như : hiếu-tử, hiền-tôn, nghĩa-phu, tiết-phụ, tên những người ấy thường còn trong sử, phần nhiều, không phải về hạng giàu-sang.

Các nhà khoa-học, cũng như các nhà kinh-tế-học, chủ-trương về dục-thè; còn các nhà triết-học, chủ-trương về tâm-hồn ; tuy vật-chất trực-tiếp với đời sống của người, song chỉ nuôi được phần hữu-hình, phần thú-tính ; về tâm-trí, lại phải nuôi với một thứ thực-phàm vô-hình, nghĩa là cái tình, người với người, biết thương yêu nhau, cho đến chịu hy-sinh, nghĩa là trọng đời sống về tinh-thần, hơn về vật-chất.

* * *

Không-tử là nhà đại triết, thấy loài người thường bị thống-khò về tâm-hồn, mới bồ-cứu bằng một cách rất thông-thường, ai làm cũng được ; như câu : « Minh không nên làm cho người, những điều không muốn người làm cho Minh ». Không-tử khuyên người phải biết thương nhau, song thương mà có sai-đằng, thương gia-dinh trước, thương xã-hội sau ; không phải như Mặc-Địch, theo chủ-nghĩa kiêm-ái, nghĩa là thương chung, thương người trong nhà như người ngoài đường, thương chung, thương nhất luật.

Không-tử trọng thực-tế, nếu mọi người đều áp-dụng thiêng-hạ theo Không-giáo, thì thế-giới đại-dồng, thiêng-hạ hòa-bình, tâm-hồn của mọi người, thường được yên ồn.

Theo bản « Xã-hội học-thuyết » của Hoa-dì-Đức (Lester Frank Ward) người Mỹ, thì xã-hội phải có một nền giáo-dục lương-hảo, tư-tưởng của cá-nhân mới được lương-hảo, giáo-dục như gió xuân mưa hạ, bảo-dàm hạnh-phúc cho loài người. Tâm-hồn có an ồn, người với người mới có thè sống chung, vui chung, hạnh-phúc về tâm-hồn, nhiều hơn về dục-thè.

Đô-Kiên (Durkheim) đã nói : « Các xã-hội phải có đức-dục mới sống ». (La morale est le pain quotidien des sociétés).

Viên-diệu-Anh (Yuan Chaucer), đề 'ýa bản Trung quốc Triết-học, có câu : « Không-giáo trường tồn, nếu loài người vẫn làm người, không đổi bần tính ». Ý muốn nói : bần tính đổi ra xấu rất dễ, đương tính người, mà đổi ra tính thú, ham theo đòi sống vật-chất, tuyên-truyền đến đâu người ta theo đó, thì chưa chắc là một lý-thuyết hay. « Trùng ác như băng » câu tục-ngữ của Trung-quốc :

Dân-tộc Việt-Nam theo Không-giáo, đã mấy mươi đời, tập-quán thành tự-nhiên, ngũ-thường chi-phối với ngũ-luân, trong ngũ-luân, có đủ gia-dinh xã-hội ; chỉ nhờ mối tình ràng-buộc, dẫu ở hang cùng ngõ hèm, dẫu làm việc nặng nghề hèn, cũng có đủ hạnh-phúc theo hoàn-cảnh.

Mới hơn nửa thế-kỷ nay, sau hai kỳ đại-chiến, nước Việt-Nam đã phải đóng vai phàn-tử quốc-tế, phong-hóa đổi đời chúng ta chưa dám dự đoán đời sau sẽ thế nào, song theo những việc ở nhân tiền, thì đã thấy mọi người đều phải biết chạy biết bay, phải cạnh-tranh, phải chiến-tranh, để tìm lối sinh-tồn, không phải là đứng vào hàng người yểm-thé.

Có những người ưu-thời mẫn-thể, như Tò-ru-man (Truman). Tổng thống Mỹ lại muốn thay đổi cuộc đời, muốn chủ-trương cho thế-giới hòa-bình, mà trong tay phải có sẵn kim-tiền nghĩa là có đủ phương-tiện mới mòi từ cường hối-nghị, tại thành Pa-ri ; để cùng nhau đi đến chỗ điều-định : « tài giám binh bị ».

Sau mấy phút mặc-niệm, truy đạo cho ngàn vạn tướng sĩ trận vong. Pháp nói : « Chúng tôi biều-đồng-tinh, từ nay về sau, không dùng cường-quyền đi chinh-phục nữa ; chỉ còn phải bảo-đảm hòa-bình cho khối Liên-hiệp-Pháp đe, chấm dứt những cuộc tranh-chấp-địa-phương nhất là tại Đông-dương, lại còn phải góp vào đạo quân ở Đại-Tây-dương, binh có thừa đâu mà tài-giảm ».

Anh nói : « Đế-quốc chủ-nghĩa, vẫn chúng tôi hành-động trước, theo lý-thuyết của Mã-Túy và Đạt-dĩ-Văn ; song hơn mươi năm nay, tự nhận thấy sai lầm, chúng tôi đã cho các nước chư-hầu tự-chủ. Còn một số binh-thuyền trên mặt biển, để bảo-vệ cho các nước, còn ở trong khối Liên-hiệp-Anh ».

Người nói : « Chính sách của hai quốc, chỉ là thay đổi vai tuồng ; còn giai-cấp giữa hoàn-cầu, vẫn y nhiên tồn-tại. Nên kinh-te còn chênh-lệch, xã-hội chưa cải-tồ, thì phải có giai-cấp chiến-tranh. Theo chủ-nghĩa của Mâ-khắc-Tư, chẳng những giảm binh, mà còn phải tăng binh, chúng tôi dùng tất cả các phương pháp, để diệt-tùy những nhà tư-bản. Theo phương-pháp của chúng tôi tồ-chức, sẽ thâu góp hết tài-sản của cá-nhân, đem vào làm quốc-hữu-hóa. Tương-lai, trên thế-giới, chỉ có một chủ-nhân ông, là người điều-khiển tài-nguyên, bất kỳ dân-tộc nào tùy sở hành từng ngày, và tùy sở năng từng người, chủ-nhơn ông sẽ phân-phối các đồ thực dụng. Loài người chỉ ấm no là đủ sống, hà tất phải có đạo-đức, phải có tinh-thần ; vì chúng tôi không đếm-xia đến tâm-hồn, nên đoạn-tuyệt với các nhà tôn-giáo. Chúng tôi cố tẩy-trữ cho sạch những tinh-tinh của đời trước, dẫu phải tiêu-diệt một vài thế-hệ, để tạo thành một xã-hội mới, chúng tôi cũng chẳng ngăn-ngại chút nào ; chúng tôi làm cho loài người, không còn ràng-buộc với nhau bằng, những mối cảm tình, không ai còn có gia-dinh tồ-quốc riêng, cả thiên-hạ phải theo mạng-lệnh một người, và phải sống chung một mục ».

Mỹ nói : « Làm đường thiên lý, còn phải chịu đè có khúc cong, nhà cầm quyền không nỡ thẳng tay, sợ xâm phạm đến quyền sở hữu ; huống gãy quyết đến ván đè sinh tồn của xã hội, mỗi dân tộc lại có một tinh-tinh riêng, dẫu tàn sát mấy đời, cũng không có thể tẩy trừ cho sạch được. Ngoài tinh-tinh, lại còn tài-trí, không phải mười người như một, như quý quốc đã dụ trù : tùy sở hành và sở năng từng người, tức là giữa xã hội có giai cấp khác nhau, do những tư bản vô hình của cá nhơn, có thể nào thâu quốc hữu hóa.

« Chúng tôi công nhận tài tuyên-truyền và tài tồ-chức, song phản đối chính sách của Lê Ninh, chúng tôi tôn trọng quyền sở hữu của cá nhơn, cũng như quyền sinh tồn của xã hội. Có 48 nước muốn tẩy trừ cộng sản ; song không muốn chiến tranh, sợ tàn sát loài người thảm khốc như mấy kỳ đại chiến. Nếu Tông thống của nước chúng tôi, không mời Ma-các-Tuya (Marc Arthur) ở Nhật về, thì cuộc đại chiến thứ ba bùng nổ vì Liên-hiệp-quốc đã chuẩn bị sẵn sàng song vì muốn cho cả thế-giới hòa-bình nên đã nâng đỡ cho nước Nhật nước

Đức đều độc lập hoàn toàn, nay lại muốn cùng nhau điều đình, đe tài giảm binh bị.

Binh bị tài giảm, ấy là huy hiệu hòa bình ; số kim tiền dự trù vào công việc giết người, chưa nói đến Mỹ kim, chưa nói đến ngân sách của Liên-hiệp-quốc, chỉ nói một nước Pháp đã phải bỏ ở Đông dương mỗi ngày một tỷ rưỡi phật-lăng ; nếu chúng ta đem số kim tiền ấy, cung cấp cho những dân tộc đương nhu cầu, thì nông dân có trại, công dân có xưởng bạn thợ thuyền an cư lạc nghiệp, với những khí cụ tối tân, bạn thanh niên cũng có những nhà trường ngàn vạn gian, dạy đủ khoa học, triết học. Cho đến những hang cùng ngõ hèm, cũng có những thư viện, y viện, đề nâng cao đời sống cả vật chất, cả tinh thần, mọi người đều được hưởng chung, vô sản cũng như hữu sản. Nếu quý-quốc vì lòng thương nhân loại, cũng biếu đồng tình, thì từ nay, hãy bắt tay nhau, hãy tin lòng nhau, đều theo một chủ nghĩa « Đại đồng » là chủ nghĩa chung, chủ nghĩa tạo hạnh phúc cho loài người, tạo hòa bình cho thế giới ».

Nhà ngoại-giao Nga đương ngâm nghĩ, thì vừa chuông tự-do đánh lên tại điện Phi-la (Philadelphie), tôi tinh giác mộng hoàng-lương, còn nhớ tú-cường đàm-phán thế nào biến ra đây, đe kết bài tòng-luận. Nhật tư dạ mộng, hy vọng cho thế giới sớm được hòa-bình, cho nước Việt-Nam khỏi bị ánh-hưởng quốc-tế chiến-tranh, tôi cũng nguyễn rằng : « Đời nay văn-minh hơn xưa mong có các nhà quốc-tế ngoại-giao đe đem miệng người thay miệng súng, xây dựng hạnh-phúc hòa-bình cho nhân-loại ».

MỤC-LỤC

từ trang đến trang

Bảng tên những sách tham khảo	4	
Tựu của vị Giám-đốc Học-chính Trung-Việt	5 — 6	
Tự Tựu	7 — 8	
CHƯƠNG I :	Nguyễn-phúc-Thị	9 — 20
CHƯƠNG II :	Việt-Nam (Triều Gia-Long)	21 — 33
CHƯƠNG III :	Bế-môn tự đại (Triều Minh-Mạng)	34 — 43
CHƯƠNG IV :	Giao-thiệp bàng súng (Triều Thiệu-Trị)	44 — 48
CHƯƠNG V :	Đông Tây quan-niệm khác nhau	49 — 55
CHƯƠNG VI :	Việt Pháp chiến-tranh	56 — 59
CHƯƠNG VII :	Đông tam tỉnh	60 — 65
CHƯƠNG VIII :	Điện Thái-Hòa	66 — 70
CHƯƠNG IX :	Tây tam tỉnh	71 — 76
CHƯƠNG X :	Bắc-kỳ	77 — 82
CHƯƠNG XI :	Hòa-ước năm Giáp-Tuất	88 — 90
CHƯƠNG XII :	Bang-giao	91 — 98
CHƯƠNG XIII :	Ngoại giao thất bại	99 — 104
CHƯƠNG XIV :	Hòa ước năm Giáp-Thanh	105 — 112
CHƯƠNG XV :	Ảnh-hưởng bản Hòa-ước	113 — 117
CHƯƠNG XVI :	Nước lại có vua	118 — 124
CHƯƠNG XVII :	Giai đoạn mới	125 — 129
CHƯƠNG XVIII :	Đảo chính	130 — 134
CHƯƠNG XIX :	Cựu-hoàng Bảo-Đại	135 — 138
CHƯƠNG XX :	Ngoại-giao chính thức	139 — 141
CHƯƠNG XXI :	Ngoại-giao thành công	142 — 144
	Việt-Nam hòa-bình ngoại-giao sứ	
	Tổng-luận	145 — 150

VIỆT-NAM NGOẠI-GIAO SỨ
TÁC GIÀ : ƯNG-TRÌNH
IN LẦN THỨ HAI
TẠI NHÀ IN SAO-MAI
CHÂU-BÌNH — THỦ-ĐỨC